



## Wastewater and Solid Waste Management in Provincial Centers

Dự án GTZ TA No: 2000.2208.7 Project GTZ TA No: 2000.2208.7  
Tài liệu dự án số: ST 002 Project Document No.: ST 002  
Phát hành lần: 01 Edition: 01



## TÀI LIỆU THAM QUAN HỌC TẬP TẠI NƯỚC ĐỨC

Từ ngày 07/06/2007 đến 17/06/2007

**Bộ Xây dựng – Hà Nội**  
*Ministry of Construction – Hanoi*

hợp tác với  
*in cooperation with*

**Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức**  
*Deutsche Gesellschaft für Technische Zusammenarbeit (GTZ) GmbH*

**Hỗ trợ Kỹ thuật của GTZ do GFA thực hiện**  
*Technical Assistance on behalf of GTZ by GFA Consulting Group & Associates*

## Mục lục

1. Danh sách đoàn đi thăm quan học tập tại Đức
2. Chương trình tham quan học tập tại Đức
3. Cơ sở pháp lý về xử lý nước thải
4. Luật về nộp phí do tiêu dẫn nước thải
5. Kiểm soát xả nước thải gián tiếp
6. Các điều kiện tiêu thoát chung cho nước thải tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn HWA
7. Quy hoạch xử lý nước thải ở thành phố Halle
8. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn cấp thoát nước thành phố Halle – Halplus Nước
9. Quy định về mức đóng góp và lệ phí cho tiêu thoát nước của Hiệp hội chuyên ngành JenaWasser – Tổng hợp mới nhất
10. Ban hành quy định về tiêu thoát nước của mảnh thừa, kết nối với hệ thống nước thải công cộng và sử dụng chung của thành phố Mainz và Hiệp hội địa phương vùng Bodenheim vào ngày 13.12.2001
11. Ảnh tư liệu

## 1. Danh sách đoàn đi tham quan học tập tại Đức

**DANH SÁCH ĐOÀN ĐI THAM QUAN HỌC TẬP TẠI ĐỨC**

7/6 - 17/ 6/ 2007

<b>No.</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Cơ quan</b>	<b>Chức danh</b>
1	Ông Nguyễn Đông	BQL Dự án BXD	Phó Giám đốc
2	Bà Hoàng Lệ Thủy	BQL Dự án BXD	Chuyên viên Tài Chính
3	Ông Vũ Kim Quyến	SEAWUN	Giám đốc
4	Ông Đào Nguyên Vĩ	Công ty QL Công trình đô thị Hải Dương	Giám đốc
5	Ông Lê Hồng Văn	UBND Tỉnh Hải Dương	Phó Chủ Tịch Tỉnh
6	Ông Đinh Quang Hiệp	Công ty CTN Bắc Ninh	Giám đốc
7	Ông Bùi Vĩnh Kiên	UBND Tỉnh Bắc Ninh	Phó Chủ Tịch Tỉnh
8	Ông Bùi Đức Lộc	Công ty QLPTHĐT Vinh	Giám đốc
9	Ông Trương Quốc Trọng	Công ty CTN Cần Thơ	Giám đốc
10	Ông Nguyễn Thanh Sơn	UBND TP Cần Thơ	Vice chairman
11	Ông Lâm Hữu Tùng	Công ty Công trình đô thị Sóc Trăng	Giám đốc
12	Ông Huỳnh Thanh Hiệp	UBND Tỉnh Sóc Trăng	Chủ Tịch Tỉnh
13	Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành Ủy Sóc Trăng	Bí Thư
14	Ông Trần Thanh Nghiệp	Sở Kế hoạch Đầu tư	Giám đốc
15	Ông Nguyễn Như Bình	Công ty CTN Trà Vinh	Phó Giám đốc
16	Ông Nguyễn Văn Phong	UBND Tỉnh Trà Vinh	Phó Chủ Tịch Tỉnh
17	Ông Đinh Đăng Minh	Dự án Quản lý nước thải và chất thải rắn	Chuyên gia thể chế
18	Ông Nguyễn Công Thành	Dự án Quản lý nước thải và chất thải rắn	Chuyên gia đào tạo
19	Ông Lutz Kleeberg	Dự án Quản lý nước thải và chất thải rắn	Cố Vấn Trưởng
20	Ông Rene Heinrich	Dự án Quản lý nước thải và chất thải rắn	Chuyên gia DED
21	Ông Frank Schweizer	Dự án Quản lý nước thải và chất thải rắn	Chuyên gia DED
22	Ông Harald Valdix		Chuyên gia O&M
23	Ông Trương Hồng Quang		Phiên dịch
24	Ông Christopher Scharfe		Phiên dịch

## **2. Chương trình thăm quan học tập tại Đức**

**Chương trình tham quan học tập ở nước Đức**

<b>Ngày</b>	<b>Giờ</b>	<b>Chương trình</b>	<b>Địa điểm</b>
Thứ 6 08.06	06.00	Tới nơi Đến khách sạn	Sân bay Frankfurt
	12.00-13.00	Ăn trưa	Khách sạn
	13.00-16.00	Chào mừng Hội Cấp Thoát Nước Đức: Đào tạo nhân viên chuyên ngành tại nước Đức Xây dựng cơ cấu đào tạo mới ở các nước khác	Khách sạn
	từ 19.00	Ăn tối	
Thứ Bảy 09.06	09.13-13.24	Đi Berlin Ăn trưa trên tàu	
	Buổi chiều	Tham quan thành phố Berlin Ăn tối	
Chủ nhật 10.06	10.00-13.00	Tham quan thành phố Potsdam	
	13.00-14.00	Ăn tối tại Potsdam	
	Buổi chiều	Thành phố Bitterfeld: dự án THẾ GIỚI NƯỚC Đi thuyền rồng Ăn tối tại Wassersportclub (câu lạc bộ thể thao nước)	
Thứ Hai 11.06	09.00-12.00	Thăm nhà máy xử lý nước thải Halle-Nord (300.000 EW) Lịch sử phát triển của công tác làm sạch nước thải Đến thăm nhà máy xử lý nước thải Việc giám sát/ phân tích trong nhà máy xử lý nước thải, sự phối hợp với Sở Môi trường	KA Halle
	12.00-13.00	Ăn trưa	KA Halle
	13.00-14.00	Công ty GF Stadtwerke Halle chào mừng đoàn đến thăm Lịch sử và cơ cấu của công ty Stadtwerke Halle	KA Halle
	14.15-15.00	Sự phát triển và cơ cấu của Bộ phận nước thải	KA Halle
	15.30-16.30	Xây dựng hệ thống giám sát các đường thải gián tiếp và các vấn đề của đường thải gián tiếp	
	19.00	Ăn tối / Chương trình khác	
Thứ Ba 12.06	09.00-11.30	Công ty Stadtwerke Halle chào mừng đoàn tới thăm; Sự phát triển và cơ cấu của công ty TNHH Cấp thoát nước Halleschen Giá/phí nước thải tính cho người sử dụng và sự phục vụ khách hàng Công tác công ích	Stadtwerke Halle
	11.30-12.30	Ăn trưa	Stadtwerke Halle
	13.30-16.00	Công ty nước Sachsenwasser chào đón đoàn đến thăm	Công ty TNHH Sachsenwasser Leipzig

		Khả năng chuyển giao kinh nghiệm của một doanh nghiệp cấp thoát nước được thành lập sau khi chuyển đổi nền kinh tế	
Thứ Tư 13.06	17.00-22.00	Đi thăm thành phố và ăn tối tại Leipzig	
	09.00-12.00	Thăm quan nhà cung cấp Nhà máy xử lý nước thải và trạm bơm KSB - Halle	KSB
		Nhà máy xử lý nước thải và bùn	
	12.00-13.00	Ăn trưa	tại KSB
	13.30-17.00	Lĩnh vực Mạng lưới cống Cơ cấu Bộ phận Mạng lưới cống/ trạm bơm Tổ chức vận hành và bảo dưỡng; Việc tự giám sát xây dựng tại một công trình đang xây dựng	
	từ 19.00	Ăn tối và thử rượu vang	
Thứ Năm 14.06	09.00-20.00	Tới Frankfurt (xe Bus) Dừng tại: công trình nước thải Ăn trưa tại Eisenach Thăm thành phố Wartburg Ăn tối tại Frankfurt	
Thứ Sáu 15.06	09.-11.00	GTZ/KFW	GTZ
		Trao đổi thông tin với GTZ	
	12.00-17.00	Ăn trưa tại nhà máy xử lý nước thải Wiesbaden Nhà máy xử lý nước thải Wiesbaden: tham quan nhà máy, Passavant/Roediger GmbH: Nhà máy xử lý nước thải và bùn	KA Wiesbaden Th-Heuss-Ring 51
	19.00	Ăn tối	
Thứ Bảy 16.06	Cả ngày	Chương trình về đi đến Rüdesheim bằng xe Bus từ Rüdesheim đến St Goarshausen bằng thuyền Ăn trưa trên thuyền Rheinterrassen Loreley; Uống Cà phê tại Cung điện Johannisberg Ăn tối tại cung điện Biebrich;	
Chủ Nhật 17.06	Buổi sáng 14.30	Đi sân bay Khởi hành	

### **3. Cơ sở pháp lý về xử lý nước thải**

## Các cơ sở pháp lý

Có nhiều cấp độ lập pháp khác nhau xuất phát từ các quy định của Cộng đồng châu Âu và từ các quy định trong nội bộ quốc gia. Điều này có thể diễn tả qua sơ đồ như sau:

Trật tự của các cấp độ lập pháp:

Luật siêu quốc gia

Luật Liên bang

Luật Bang

Luật địa phương

Luật siêu quốc gia là luật liên đới nhiều nước (đa phương) hoặc hai nhà nước (song phương). Trong khuôn khổ của Cộng đồng châu Âu (EG), luật siêu quốc gia trước hết là Chế độ EG 91/271/EWG, đặc biệt trong đó là ban hành các quy định xử lý nước thải. Luật Liên bang chẳng hạn là Luật quản lý nước, § 7a của luật này cho phép Chính phủ Liên bang ban hành các quy định đảm bảo việc làm sạch nước ở trình độ kỹ thuật cho phép nhằm hạn chế việc ô nhiễm nước bởi các chất nguy hiểm.

Luật của Bang là các Luật quản lý nước Bang ở các Bang, còn các Luật địa phương thông qua các Điều lệ xử lý nước thải sẽ quy định nước thải được xả ra sao và dưới các điều kiện nào vào hệ thống cống dẫn.

Sự liên kết giữa các quy định bảo vệ nước được diễn tả trong bảng sau đây:

### Cấp Cộng đồng châu Âu Chế định của Cộng đồng châu Âu

Cấp Liên bang		Cấp Bang	
Luật quản lý nước	Pháp lệnh xử lý nước thải	Luật quản lý nước của Bang	
	Các chất gây nguy hiểm cho nước	Pháp lệnh về nguồn xả gián tiếp	Pháp lệnh về bảo quản thiết bị theo § 19g WHG
Luật thực phẩm	Pháp lệnh nước uống	Pháp lệnh tự kiểm tra	Quy định hành chính về Pháp lệnh bảo quản thiết bị
Luật về bột giặt	Pháp lệnh về hàm lượng phốt pho tối đa	Chỉ thị về yêu cầu Danh mục đóng chai	Chỉ thị về yêu cầu Danh mục bảo quản
Luật bảo vệ thực vật	Pháp lệnh bảo vệ thực vật		Giấy phép xả nước thải
Luật về thuế nước thải		Luật thuế nước thải của các Bang	

Liên quan đến các Luật quản lý nước có các nguyên tắc pháp lý, khuyến nghị và các khái niệm pháp lý không có nội dung được xác định cụ thể. Xuất phát từ nguyên tắc người gây hậu quả phải chịu trách nhiệm, người gây hậu quả gây ô nhiễm hay ảnh hưởng xấu đến môi trường phải tránh gây hậu quả, khắc phục hậu quả hay phải cân đối hậu quả trên phương diện tài chính (thuế nước thải). Yêu cầu giảm thiểu có nội dung rằng người gây hậu quả phải giảm thiểu mức gây ô nhiễm nước. Xuất phát từ nguyên tắc phòng ngừa, thông qua hành động biết lường trước và tranh hậu quả mà giảm thiểu các mối nguy cơ cho tài sản môi trường nước (tính chất bền vững). Một khái niệm tiếp theo là nguyên tắc hợp tác. Nguyên tắc này có nội dung rằng mọi thành phần xã hội có liên quan (doanh nghiệp, công nghiệp, nhà nước, các cơ quan hành chính, các hiệp hội và người dân) cần phải hợp tác để bảo vệ môi trường.

### **Dẫn nhập về luật xử lý nước thải**

Trong hai mươi năm cuối, các quy định trên phương diện quản lý kinh tế nước về xử lý nước thải, đặc biệt là nước thải công nghiệp và thủ công nghiệp, đã được tiếp tục phát triển trên quy mô quốc gia, quốc tế cũng như cộng đồng. Năm 1976 với việc ban hành § 7a trong Luật quản lý nước và với Chế định 76/464/EWG hay với Hiệp ước hoá chất vùng Rhein và nguyên tắc phát xả được xác định trong tương quan này có một vai trò quyết định. Đối với việc xử lý nước thải ở địa phương, năm 1991 với chế định 91/271/EWG đã mang đến một động lực căn bản không chỉ trên cấp độ Cộng đồng châu Âu, mà cả đối với Đức.

Giữa chừng, với trọng tâm ở khu vực công nghiệp, trên các cấp quốc gia, quốc tế, cộng đồng đã có thêm các bước cụ thể hoá và mở rộng cũng như các quy định bổ sung với xuất phát điểm bao quát nhiều lĩnh vực đã được ban hành.

### **§ 7a Yêu cầu đối với việc xả nước thải**

- 1) Chỉ được phép ban hành giấy phép xả nước thải khi lượng chất độc hại trong nước thải chỉ duy trì ở mức mà việc xử lý theo các chu trình theo trình độ kỹ thuật hiện có có thể thực hiện được. § 6 ở đây không bị tác động. Chính phủ Liên bang thông qua việc ban hành pháp lệnh với sự đồng ý của Hội đồng Liên bang xác định các yêu cầu phù hợp với trình độ kỹ thuật hiện hành. Các yêu cầu này cũng có thể được đặt ra đối với nơi gây ra nước thải hoặc trước khi trộn nước thải.
- 2) Đối với các nơi xả nước thải đã hoạt động từ trước đó, trong pháp lệnh sẽ đưa ra các yêu cầu được điều chỉnh theo Đoạn 1 câu 3, nếu như các biện pháp thích ứng hoá cần phải tiến hành vượt quá mức khả thi.
- 3) Nếu các đường xả nước thải có sẵn không thoả mãn các yêu cầu của Đoạn 1 câu 3 hay đoạn 2 thì các Bang phải đảm bảo sao cho các biện pháp cần thiết phải được thực hiện với những hạn định thời gian phù hợp.
- 4) Các Bang cũng phải đảm bảo việc khi xả nước thải một trạm xử lý nước thải công phải thoả mãn các các yêu cầu của Đoạn 1 câu 4. Đoạn 3 có hiệu lực tương tự.
- 5) Trình độ kỹ thuật trong tinh thần của Đoạn 1 là trình độ phát triển của các quy trình, thiết bị hay các phương thức vận hành khả thi về kỹ thuật và kinh tế như là những kỹ thuật tốt nhất phù hợp với việc hạn chế phát xả ô nhiễm.

**Pháp lệnh về các yêu cầu đối với việc xả nước thải vào sông hồ  
(Pháp lệnh về nước thải – ABWV)**

C. Các yêu cầu về nước thải đối với nơi xả nước thải

(1) Các yêu cầu sau đây được đặt ra đối với nơi xả nước thải vào sông hồ

<b>Mẫu thử tính theo quy mô trạm xử lý nước thải</b>	<b>Nhu cầu ôxi hoá học  (CSB)mg/l</b>	<b>Nhu cầu ôxi hoá sinh học trong 5 ngày  (BSB<sub>5</sub>) mg/l</b>	<b>Nitơ ammonium  (NH<sub>4</sub>-N) mg/l</b>	<b>Nitơ, tính chung tổng số nitơ ammonium, nitrit và nitrat  (N<sub>ges</sub>) mg/l</b>	<b>Phốtpho, tính chung  (P<sub>ges</sub>) mg/l</b>
	Lấy mẫu điểm hay lấy mẫu hỗn hợp 2 tiếng đồng hồ				
<b>Quy mô nhóm 1 Nhỏ hơn là 60 kg/d BSB<sub>5</sub> (thô)</b>	150	40	-	-	-
<b>Quy mô nhóm 2 60 đến 300 kg/d BSB<sub>5</sub> (thô)</b>	110	25	-	-	-
<b>Quy mô nhóm 3 Lớn hơn 300 đến 600 kg/d BSB<sub>5</sub> (thô)</b>	90	20	10	-	-
<b>Quy mô nhóm 4 Lớn hơn 600 đến 6000 kg/d BSB<sub>5</sub> (thô)</b>	90	20	10	18	2
<b>Quy mô nhóm 5 Lớn hơn 6000 kg/d BSB<sub>5</sub> (thô)</b>	75	15	10	18 (13) hoặc 70%	1

**Luật thuế xả nước thải ra sông hồ  
(Luật thuế xả nước thải – AbwAG)**

(1) Việc đánh giá chất độc và nhóm chất độc cũng như các giá trị giới hạn được quy định ở trong bảng sau đây:

Số thứ tự	Các chất độc và nhóm chất độc được đánh giá	Một đơn vị độc hại thích ứng với các đơn vị đo lường sau đây	Giá trị giới hạn tính theo nồng độ và lượng xuất hiện trong năm
1	Các chất có thể ôxi hoá liên quan đến nhu cầu ôxi hoá chất (CSB)	50 kg ôxi	20 miligram trong 1 lít và 250 kg khối lượng trong năm
2	Phốtpho	3 kg	0,1 miligram trong 1 lít và 15 kg khối lượng trong năm
3	Nitơ	25 kg	5 miligram trong 1 lít và 125 kg khối lượng trong năm
4	Các hợp chất hữu cơ halogen từ các halogen hữu cơ có khả năng hút bám (AOX)	2 kg halogen, được tính như là chlor hợp chất	100 microgram trong 1 lít và 10 kg khối lượng trong năm
5	Kim loại và các hợp chất kim loại		và
5.1	Thủy ngân	20 Gram	1 microgram 100 gram
5.2	Cadmium	100 Gram	5 microgram 500 gram
5.3	Crôm	500 Gram	50 microgram 2,5 kg
5.4	Kẽm	500 Gram	50 microgram 2,5 kg
5.5	Chì	500 Gram	50 microgram 2,5 kg
5.6	Đồng	1000 Gram	100 microgram 5 kg
		Kim loại	trong mỗi 1 lít khối lượng trong năm
6	Chất độc đối với cá	3000 mét khối nước thải chia cho $G_F$	$G_F = 2$

$G_F$  là hệ số pha loãng mà ở đó nước thải không còn độc hại cho cá nữa

1 SE = 35,79 €

#### **4. Luật về nộp phí do tiêu dẫn nước thải vào dòng chảy (sông ngòi, nguồn nước)**

# **LUẬT VỀ NỘP PHÍ DO TIÊU DẪN NƯỚC THẢI VÀO DÒNG CHẢY (SÔNG NGÒI, NGUỒN NƯỚC)**

**AbwAG**

**(Gesetz über Abgaben für das Einleiten von Abwasser in Gewässer)**

Thời gian ban hành: 13 tháng 9 năm 1976

Lưu tại BGBl 1976, 2721, 3007

Có hiệu lực từ 01.01.1989

(+++ Tình trạng: mới qui định do Bek. v. 18.1.2005 I 114 +++)

## **PHẦN MỘT: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **AbwAG 1- Qui tắc chung**

Đối với việc tiêu dẫn nước thải vào dòng chảy (sông ngòi) theo tinh thần của điều § 1 khoản 1 của luật tài nguyên nước thì phải nộp phí (gọi là phí nước thải). Phí này do các bang thu.

### **AbwAG 2 - Định nghĩa các khái niệm**

- (1) Nước thải theo tinh thần của luật này là nước chảy khi thời tiết khô hạn đã bị biến đổi về chất do đã qua sử dụng cho mục đích dân sinh, sản xuất kinh doanh, nông nghiệp và các mục đích khác (ta gọi là nước bẩn) cũng như lượng nước từ các khu vực có diện tích xây dựng hay bị cứng hóa và lượng nước tích tụ (gọi chung là nước mưa). Cũng được coi là nước bẩn đó là nước thải chảy và tích tụ từ các hệ thống xử lý, chôn trữ và tồn lưu các chất thải.
- (2) Việc dẫn nước theo tinh thần của luật này là việc đưa trực tiếp nước thải vào dòng chảy; việc cho nước ngấm sâu xuống lòng đất cũng được coi là dẫn vào dòng chảy, loại trừ việc tiêu nước xuống độ sâu trong khuôn khổ làm đất trong sản xuất nông nghiệp.
- (3) Hệ thống xử lý nước thải theo tinh thần của luật này là một hệ thống mà phục vụ cho việc giảm hay loại bỏ mức độ độc hại của nước thải; tương tự vậy là hệ thống mà phục vụ cho việc giảm hoàn toàn hay từng phần của việc phát sinh ra nước thải.

### **AbwAG 3 - Cơ sở đánh giá**

- (1) Phí nước thải tính theo mức độ độc hại của nước thải mà dựa trên cơ sở của các chất có thể bị ôxy hóa, của phốt pho, nitrat, các hợp chất hữu cơ chứa halogen, kim loại thủy ngân, cadimi, chrom, nickel, chì, đồng và các hợp chất của chúng cũng như các chất độc hại của nước thải đối với thủy sản
- (2) Trong các trường hợp của điều § 9 khoản 3 (hệ thống xử lý nước thải trên sông) thì phí được tính theo mức độ độc hại của nước đối với hạ lưu của hệ thống xử lý nước.
- (3) Các bang có thể xác định mức độ độc hại của nước thải nằm ngoài điều này nếu như nước thải đó sau đó còn được tiếp tục xử lý qua các hệ thống xử lý nhỏ lẻ.
- (4) Chính phủ liên bang được ủy quyền trong việc điều chỉnh và ban hành những qui định được ghi ở phần phụ lục về phương pháp xác định mức độ độc hại mà phù hợp với trình độ khoa học và kỹ thuật và được sự chấp thuận của Hội đồng liên bang, nếu qua đó việc đánh giá mức độ độc hại không thay đổi về cơ bản.

## PHẦN HAI: XÁC ĐỊNH ĐỘ ĐỘC HẠI

### AbwAG § 4 - Xác định trên cơ sở bản quyết định

- (1) Tải lượng chất độc được dùng làm cơ sở để tính chỉ số đơn vị độc hại trong mọi trường hợp, loại trừ khi có mưa thì chiếu theo điều § 7 và tiêu thoát ít theo điều § 8, còn lại được tính theo ấn định của bản quyết định cho phép tiêu dẫn lượng nước thải. Bản quyết định có tác dụng giới hạn ít nhất đối với các loại chất độc hại và nhóm chất độc hại được ghi ở phần phụ lục bổ sung cho điều § 3 từ mục 1 đến 5; giới hạn nồng độ các chất ở trong nước thải phải được đảm bảo trong một khoảng thời gian nhất định và kiểm soát hệ số làm loãng (giá trị kiểm soát) đối với các chất độc hại đối với thủy sinh. Ngoài ra quyết định còn ấn định tổng lượng nước bản năm. Nếu quyết định còn bao hàm giá trị kiểm soát đối với một chất độc hại hay một nhóm chất độc hại cho các khoảng thời gian khác nhau, thì giá trị kiểm soát (ngưỡng) cho khoảng thời gian dài nhất được dùng làm cơ sở cho việc tính phí. Nếu các chất độc hại hay nhóm chất độc hại trong nước thải, được ghi ở phần phụ lục bổ sung cho điều § 3, mà không vượt giá trị ngưỡng qui định thì ở mức nào đó có thể không quan tâm đến việc ấn định về giá trị ngưỡng (kiểm soát).
- (2) Trong mọi trường hợp của điều § 9 khoản 3 (hệ thống xử lý nước thải trên sông) thì áp dụng câu 1.
- (3) Nếu nước được lấy trực tiếp từ một dòng chảy trước khi sử dụng đã có mức độ độc hại theo điều § 3 khoản 1 (ô nhiễm trước) thì chiếu theo đơn đề nghị của cá nhân có trách nhiệm nộp phí, ta phải đánh giá mức độ ô nhiễm trước đối của các chất và nhóm chất được nêu ở trong điều 3 khoản 1 và dĩ nhiên là lấy mức độ ô nhiễm trước để áp tính phí cho cá nhân có nghĩa vụ nộp phí. Các bang riêng có thể ấn định một cách thống nhất nồng độ trung bình chất độc hại đối với dòng chảy hay một phần của dòng chảy.
- (4) Trong khuôn khổ kiểm soát dòng chảy trên cơ sở các qui định của luật tài nguyên nước thì một cơ quan nhà nước hay một tổ chức được nhà nước công nhận có trách nhiệm giám sát việc thực thi quyết định. Nếu trong quá trình giám sát mà thấy giá trị ngưỡng được sử dụng làm cơ sở áp tính phí trong khoảng thời gian qui định không được giữ hay được coi là không được giữ thì buộc phải tăng trị số đơn vị độc hại. Việc tăng trị số đơn vị độc hại được tính theo tỷ lệ phần trăm để làm sao từng giá trị đo tính cao nhất vượt giá trị ngưỡng. Nếu giá trị ngưỡng đã một lần không được khống chế thì phải tính tăng lên nửa phần trăm. Nếu giá trị ngưỡng nhiều lần không được khống chế thì tăng thêm đúng một phần trăm. Nếu bản quyết định cho phép tiêu dẫn nước thải theo khoản 1 câu 4 mà không ghi giá trị ngưỡng và trong quá trình giám sát phát hiện ra nồng độ các chất vượt quá giá trị ngưỡng ghi ở phần phụ lục dành cho điều § 3, thì trị số đơn vị độc hại được tính tăng thêm đúng một phần trăm. Nếu quyết định bao gồm ngoài các giá trị ngưỡng được ấn định dựa vào khoản 1 và ngay cả các giá trị kiểm soát cho một khoảng thời gian ngắn hay qui định về lượng nước thải hay tải lượng chất độc hại phải đảm bảo trong một khoảng thời gian nhất định, thì trị số đơn vị độc hại được tính tăng lên ngay cả trong trường hợp vượt trị số này. Nếu không khống chế được lượng nước thải đã ấn định, thì trị số đơn vị độc hại được tính tăng lên đối với mọi giá trị giám sát mà bản quyết định đã giới hạn theo khoản 1. Nếu không tuân thủ giá trị giám sát theo

khoản 1, một giá trị giám sát nào đó hoặc một ấn định theo câu 6, thì áp dụng tính tăng thêm giá trị đơn vị thiệt hại theo tỷ lệ phần trăm cao nhất.

- (5) Nếu cá nhân tiêu dẫn nước thải cam kết trước các cơ quan có thẩm quyền là trong khoảng thời gian qui định trong một khoảng thời gian nhất định nào đó mà không ít hơn là 3 tháng thì đảm bảo giá trị thấp hơn là ghi trong quyết định theo mục 1 ấn định về giá trị ngưỡng hay tiêu thoát một lượng nước thải ít hơn là lượng nước được ghi trong quyết định, thì con số đơn vị độc hại được tính trong khoảng thời gian kể trên dựa vào các giá trị đã cam kết. Mức độ chênh lệch ít nhất là hai mươi trên một trăm. Việc cam kết, mà trong đó có thể hiện các điều kiện mà cam kết được dựa vào đó, thì phải nộp ít nhất là 2 tuần trước thời gian nộp đơn. Các mục 2 và 3 cũng được làm tương tự. Việc đảm bảo các giá trị cam kết tương ứng với qui định của quyết định về giá trị ngưỡng thông qua một chương trình đo đạc của nhà nước. Các kết quả đo tính của cơ quan nhà nước được sử dụng trong phân tích của một chương trình đo đạc. Nếu việc đảm bảo các giá trị cam kết không được minh chứng hay việc giám sát của cơ quan nhà nước cho thấy giá trị ngưỡng được sử dụng làm cơ sở cho tính phí ở khoản 1 hoặc việc ấn định theo khoản 4 câu 6 không được đảm bảo hay được coi là không đảm bảo, thì trường hợp theo khoản từ 1 đến 4 được áp dụng.

#### **AbwAG § 5 -**

(bỏ qua)

#### **AbwAG § 6 - Xác định trong những trường hợp khác**

- (1) Nếu quyết định không có ấn định cần thiết để xác định giá trị đơn vị độc hại theo điều § 4 mục 1 thì cá nhân tiêu dẫn nước thải phải trình báo với cơ quan có thẩm quyền muộn nhất là 1 tháng trước khi bắt đầu tính áp phí. Cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm đối với việc tính giá trị ngưỡng chuẩn cho đơn vị độc hại trong khoảng thời gian áp phí. Nếu cá nhân tiêu dẫn nước thải lại không tuân thủ nghĩa vụ theo câu 1 thì việc xác định đơn vị giá trị độc hại dựa trên cơ sở giá trị đo đạc cao nhất trong quá trình theo dõi. Nếu không xuất trình kết quả của cơ quan giám sát thì cơ quan có thẩm quyền tự đánh giá giá trị ngưỡng. Tổng tài lượng năm được ước tính sau khi xác định giá trị đơn vị độc hại.
- (2) Điều § 4 khoản 2 cho đến 5 cũng áp dụng tương tự.

#### **AbwAG § 7 - Tạm tính trong việc tiêu dẫn nước mưa bản vào hệ thống**

- (1) Trị số đơn vị độc hại của nước mưa được tiêu thoát vào hệ thống công cộng chung, bằng mười hai của một trăm số người dân được kết nối. Khi nước mưa từ các diện tích được cứng hóa sử dụng cho sản xuất kinh doanh được tiêu thoát vào hệ thống chung song không phải của công cộng thì ta lấy 18 đơn vị độc hại cho một ha đầy đủ làm cơ sở tính, song diện tích không được lớn hơn 3 ha. Con số về dân số được kết nối hay của diện tích được cứng hóa có thể được ước tính.
- (2) Các bang tự quyết định trong những điều kiện nào việc tiêu thoát nước mưa không phải hay chỉ nộp nộp phí một phần.

**AbwAG § 8 - Tạm tính đối với hệ thống nhỏ lẻ tiêu dẫn nước bản của hộ gia đình và các loại nước bản tương tự**

- (3) Giá trị đơn vị độc hại của nước bản từ các hộ gia đình và nước bản tương tự mà một cá nhân có tư cách pháp nhân theo điều § 9 khoản 2 câu 2 có nghĩa vụ nộp phí, lại bằng nửa số dân không có kết nối với hệ thống tiêu thoát nước thì các bang không phải tính toán gì khác. Nếu như số dân số không được xác định hay được xác định với chi phí tương đối thấp thì có thể ước tính.
- (4) Các bang tự quyết định trong những điều kiện nào thì việc tiêu thoát không phải đóng phí. Việc tiêu thoát được miễn phí nếu như việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải phù hợp tối thiểu nhất những qui tắc chung về kỹ thuật được công nhận và đảm bảo việc xử lý bùn đọng theo đúng yêu cầu.

## PHẦN BA: NGHĨA VỤ NỘP PHÍ

### AbwAG § 9 - Nghĩa vụ nộp phí và mức phí

- (1) Có nghĩa vụ nộp phí khi tiêu dẫn nước thải vào hệ thống chung. Ở đây ta gọi là cá nhân tiêu dẫn (nước thải).
- (2) Các bang có quyền quyết định thay vì cá nhân mà có thể là tập thể có tư cách pháp nhân có nghĩa vụ nộp phí. Thay vì cá nhân tiêu dẫn mà tiêu thoát ít hơn tám mét khối ngày nước bẩn của hộ gia đình và nước bẩn tương tự, thì bang qui định một tổ chức có tư cách pháp nhân có nghĩa vụ nộp phí. Các bang tự điều chỉnh nghĩa vụ luân chuyển phí.
- (3) Nếu nước của một dòng chảy được xử lý trên một hệ thống sông thì các bang tự quyết thay vì cá nhân tiêu dẫn của một khu/lưu vực thì nay là người quản lý vận hành hệ thống công trình xử lý trên sông là người có nghĩa vụ nộp phí. Khoản 2 câu 3 có hiệu lực trong trường hợp này.
- (4) Tính đến thời điểm 31.12.1980 thì nghĩa vụ nộp phí chưa có hiệu lực. Mức phí tính cho mỗi đơn vị thiệt hại như sau:

- Từ 1 tháng giêng năm 1981	12 DM
- Từ 1 tháng giêng năm 1982	18 DM
- Từ 1 tháng giêng năm 1983	24 DM
- Từ 1 tháng giêng năm 1984	30 DM
- Từ 1 tháng giêng năm 1985	36 DM
- Từ 1 tháng giêng năm 1986	40 DM
- Từ 1 tháng giêng năm 1991	50 DM
- Từ 1 tháng giêng năm 1993	60 DM
- Từ 1 tháng giêng năm 1997	70 DM
- Từ 1 tháng giêng năm 2002	35,79 Euro
- (5) Mức phí tính theo điều khoản 4 có thể được giảm 75%, loại trừ trường hợp là nước mưa (điều § 7) và đối với hệ thống nhỏ lẻ (điều § 8), thì từ năm 1999 trở đi giảm một nửa đối với các chất độc hại mà không tránh được, mặc dù
  1. Nội dung của quyết định theo điều § 4 khoản 1 hay cam kết theo điều §6 khoản 1 câu 1 phù hợp ít nhất với các yêu cầu do chính phủ liên bang được sự chấp thuận của quốc hội ấn định theo điều § 7a của luật tài nguyên nước.
  2. Phải đảm bảo các yêu cầu do chính phủ liên bang được sự chấp thuận của quốc hội ấn định theo điều § 7a của luật tài nguyên nước trong khoảng thời gian áp phí.Câu 1 có hiệu lực nếu đối với giá trị ngưỡng đã ấn định trong quyết định theo điều § 4 khoản 1 hay theo điều § 6 khoản 1 câu 1 đã cam kết, mà không có yêu cầu gì chiểu theo điều § 7a của luật tài nguyên nước do chính phủ liên bang cùng được sự chấp thuận của quốc hội ấn định.

- (6) Trong trường hợp cam kết theo điều § 4 khoản 5 thì việc giảm mức phí được tính theo giá trị cam kết nếu quyết định tiếp theo cam kết phù hợp với giá trị cam kết và đáp ứng được các điều kiện của khoản 5.

### **AbwAG § 10 - Miễn nghĩa vụ nộp phí**

- (1) Miễn nộp phí khi tiêu dẫn nước vào dòng chảy trong các trường hợp sau:
1. Nước bản mà trước khi sử dụng được lấy từ nguồn vào và sau khi sử dụng thì không chứng minh được là nước bị bản nhiều hơn theo đúng tinh thần của luật này.
  2. Nước bản phát sinh trong quá trình khai thác quặng,
  3. Nước bản do các phương tiện tàu thuyền qua lại,
  4. Nước mưa của diện tích thửa đất từ một đến ba ha đã được cứng hóa và sử dụng cho sản xuất kinh doanh và diện tích có đường xe lửa đi qua mà không có hệ thống tiêu thoát công cộng đảm nhận.
- (2) Các bang có thể tự quyết về việc đóng phí hay miễn trong trường hợp tiêu ngấm nước thải xuống nguồn nước ngầm, song do đặc tính tự nhiên của nó mà hiện đang được khai thác làm nước sinh hoạt và chỉ cần xử lý bằng các phương pháp thông dụng.
- (3) Nếu hệ thống xử lý nước thải hiện đang được xây mới hay mở rộng mà việc vận hành nó có tác dụng làm giảm ít nhất hai mươi phần trăm tải lượng một chất hay nhóm chất độc hại trong dòng nước thải được xử lý cũng như giảm tổng tải lượng khi tiêu thoát vào nguồn nước, thì toàn bộ chi phí phát sinh do việc xây mới hay mở rộng trong thời gian 3 năm trước khi đưa hệ thống vào vận hành theo dự kiến, còn đọng nợ do tiêu thoát nước thải có thể được thanh toán. Qui định này không áp dụng cho trường hợp tăng phí theo điều § 4 khoản 4. Nếu phí đã được thanh toán thì vẫn có khả năng hoàn trả lại phí; song phần bồi hoàn không được tính lãi. Phí có thể truy thu nếu như hệ thống công trình không hoạt động hoặc việc giảm ít nhất hai mươi phần trăm không đạt được. Phí truy thu muộn hơn sau thời điểm thanh toán thì phải trả lãi vay theo điều § 238 của qui định tính phí.
- (4) Đối với những công trình mà dẫn thêm nước thải của hệ thống tiêu đã có vào hệ thống xử lý nước thải, mà nó hiện đảm bảo và thích hợp với các yêu cầu của điều § 18b của luật tài nguyên nước ban hành, thì mục 3 có giá trị tương ứng với yêu cầu là việc tiêu dẫn nói chung phải đảm bảo được việc giảm tải lượng chất độc hại.
- (5) Nếu xây mới hay mở rộng hệ thống nước thải trong các khu vực được nêu trong mục 3 của hợp đồng thỏa thuận và chi phí của việc xây dựng này có thể thanh quyết toán được theo khoản 3 hay 4, thì chi phí hay khối lượng công tác này có thể được tính vào phí nước thải chiếu theo các mục 3 và 4, và người có nghĩa vụ nộp phí do tiêu dẫn khác trong khu vực, phải gánh chịu trong năm tính áp phí 2005.

## **PHẦN BỐN: ƯỚC TÍNH PHÍ, HÌNH THỨC THU VÀ SỬ DỤNG NGUỒN THU**

### **AbwAG § 11 - Khoảng thời gian áp tính thuế và trách nhiệm cung cấp tài liệu**

(1) Khoảng thời gian áp tính thuế là năm lịch.

(2) Cá nhân có nghĩa vụ nộp phí phải tính toán trong mọi trường hợp của §§ 7 và 8 con số của chỉ số độc hại của nước thải và báo cáo cũng như nộp các giấy tờ cần thiết về nước thải cho cơ quan có thẩm quyền. Nếu cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế mà không phải là người tiêu dẫn trực tiếp (điều § 9 khoản 2 và 3) thì người tiêu dẫn trực tiếp phải có trách nhiệm nộp cho cá nhân có nghĩa vụ nộp phí tất cả mọi tài liệu giấy tờ cần thiết.

(3) Các bang riêng có thể tự quyết về việc cá nhân có nghĩa vụ nộp phí, ngay cả trong các trường hợp khác, cũng vẫn phải tính con số chỉ số độc hại của nước thải để làm cơ sở tính phí cũng như phải cung cấp các tài liệu cần thiết cho cơ quan có thẩm quyền.

### **AbwAG § 12 - Vi phạm trách nhiệm cam kết**

(1) Nếu cá nhân có nghĩa vụ nộp phí mà không thực hiện nghĩa vụ của mình theo điều § 11 khoản 2 câu 1 và các qui định bổ sung của các bang thì cơ quan có thẩm quyền tự ước tính chỉ số đơn vị độc hại.

(2) Cá nhân tiêu dẫn thuộc đối tượng nộp phí theo điều § 9 khoản 2 và 3, thì có thể bị buộc tham gia vào công việc đánh giá khoản phí, nếu như cá nhân đó nhất định không tuân thủ nghĩa vụ nộp phí theo điều § 11 khoản 2 câu 2 và các qui định bổ sung của các bang. Trong trường hợp này thì cả hai chủ thể: người có nghĩa vụ nộp phí và người tiêu thoát nước thải, đều bị coi là cá nhân chịu nợ chung.

### **AbwAG § 12a - Dùng công cụ pháp lý để kháng qui định**

Mọi hành vi chống đối và kiện tụng về yêu cầu nộp phí thì không có tác dụng về mặt pháp lý. Câu 1 chỉ ra việc vận dụng mang tính quyết định mà đã ban hành trước ngày 19 tháng mười hai năm 1984.

### **AbwAG § 13 - Sử dụng nguồn phí thu**

(1) Nguồn thu từ phí nước để sử dụng cho các biện pháp gìn giữ và cải thiện chất lượng nước. Các bang có thể tự quyết định ưu tiên dành một khoản của nguồn thu tuân thủ theo luật này cũng như thu bổ sung theo luật của từng bang để bù đắp phần chi phí quản lý khai thác phát sinh.

(2) Các biện pháp được nêu ở mục 1 được cụ thể hóa là:

1. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải,
2. Xây dựng hệ thống giữ nước mưa và hệ thống lọc nước mưa,
3. Xây dựng hệ thống kênh đốn và dẫn vòng ở các hồ chứa, đập dâng cũng như các hệ thống thu gom chính để tạo điều kiện cho việc xây dựng hệ thống xử lý tập trung,

4. Xây dựng hệ thống công trình để xử lý bùn cặn bã của các bể phốt tự hoại,
5. Các biện pháp trong và bên cạnh nguồn nước nhằm quan sát và cải thiện chất lượng nước cũng như nâng cao mực nước kiệt hay tăng cường lượng oxi cho nước cũng như gìn giữ nguồn nước,
6. Nghiên cứu và phát triển hệ thống công trình và trang thiết bị nhằm cải thiện chất lượng nguồn nước,
7. Đào tạo và nâng cao tay nghề cho cán bộ nhân viên quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải và các hệ thống công trình khác nhằm gìn giữ và cải thiện chất lượng nguồn nước.

## **PHẦN NĂM: NHỮNG QUY ĐỊNH KẾT THÚC**

### **AbwAG § 14 - Áp dụng các hình thức xử phạt và nộp tiền phạt theo qui định về nộp phí**

Đối với trường hợp trốn nộp phí thì xử theo qui định xử phạt chiểu theo điều § 370 khoản 1, 2 và 4 cũng như điều § 371 của qui định nộp phí (AO 1977). Còn đối với trường hợp nộp phí chưa đủ (thiếu) thì xử theo § 378 của qui định nộp phí (AO 1977).

### **AbwAG § 15 - Các hành vi phạm qui định**

(1) Làm sai qui định là cá nhân cố tình hay sơ ý

1. Làm trái điều § 11 khoản 2 câu 1, nghĩa là không tính toán hay cung cấp tài liệu, hoặc tính toán không đúng và cung cấp tài liệu không đủ.
2. Làm trái điều § 11 khoản 2 câu 2, nghĩa là không tính toán hay cung cấp tài liệu, hoặc tính toán không đúng và cung cấp tài liệu không đủ cho cá nhân có trách nhiệm nghĩa vụ nộp phí.

(2) Hành vi làm trái qui định có thể bị phạt tiền cảnh cáo cho đến hai nghìn năm trăm euro.

### **AbwAG § 16 - Điều kiện riêng đối với các bang mà là thành phố**

Điều § 1 được áp dụng nếu các bang là thành phố như Berlin và Hamburg tự có trách nhiệm nộp phí. Điều § 9 khoản 2 câu 1 và 2 được áp dụng cho các bang là thành phố như Berlin và Hamburg với qui định cho trước là các bang này có thể tự quyết trách nhiệm nộp phí của mình.

### **AbwAG § 17 -**

(Bỏ qua)

### **AbwAG § 18 -**

(Có hiệu lực)

### AbwAG Phụ lục (dành cho điều § 3)

(Nơi lưu tài liệu gốc: BGBl. I 2005, 119)

(1) Việc đánh giá các chất độc hại và nhóm chất độc cũng như các trị ngưỡng đã đưa ra bảng sau:

TT	Các chất độc hại được đánh giá và nhóm các chất độc hại	Đơn vị tính	Trị ngưỡng theo nồng độ và năm	Phương pháp xác định mức độ độc hại của nước thải
1	Các chất bị oxy hóa trong nhu cầu oxy hóa sinh học BOD	50 kg Oxy	20 mg/lít và 250 kg/năm	303
2	Phosphor	3 kg	0,1 mg/lít và 15 kg/năm	108
3	Đạm là tổng chung của các chất từ nitrat, nitrit và amoni	25 kg	5 mg/lít	Nitrat: 106 Nitrit: 107 Amoni: 202
4	Các hợp chất hữu cơ halogen được coi là halogen hữu cơ có khả năng hấp thụ (AOX)	2 kg halogen, được tính là clor hữu cơ có liên kết	100 mg/lít và 10 kg/năm	302
5	Các kim loại và hợp chất của chúng			
5.1	Thủy ngân	20 g		215
5.2	Cadimi	100 g		207
5.3	Chrom	500 g		209
5.4	Kẽm	500 g		214
5.5	Chì	500 g	50 mg 2,5 kg	206
5.6	Đồng	1.000 g Kim loại	100 mg 5 kg/lit năm	213
6.	Các chất độc đối với thủy sản	6.000 mét khối nước thải chia cho G (sâu) EI	G (sâu)EI = 2	401

G (sâu) EI là hệ số pha loãng mà trong đó nước thải được kiểm tra bằng Fisheitest và chứng minh là không còn độc hại. Việc ấn định các trị số trong bảng đều dựa vào các phương pháp xác định mức độ độc hại của nước thải theo đúng số ghi trong bảng ở cột “Phương pháp xác định mức độ độc hại của nước thải” được ghi trong Qui định về nước thải, bản cập nhật mới nhất của 17 tháng sáu năm 2004 (BGBl I, trang 1108, 2625)

(2) Nếu nước thải được tiêu dẫn ra dòng chảy sát biển thì mức độ độc hại đối với thủy sinh không cần xét đến, vì nồng độ thấp như vậy sẽ được dung hòa với lượng muối, một trong những thành phần chính của nước biển. Điều này cũng đúng với việc tiêu dẫn nước thải ra các cửa sông rồi sau đó đổ ra biển. Nước lợ ở vùng này cũng có hàm lượng muối cao tương tự như nước biển.

## **5. Kiểm soát xả nước thải gián tiếp**

# Định nghĩa

- **Xí nghiệp xả nước thải trực tiếp**
  - Các xí nghiệp xả nước thải đã được xử lý bằng hệ thống xử lý sơ cấp hoặc toàn phần của xí nghiệp vào hệ thống tập trung nước
  - Luật có hiệu lực: Luật Liên bang  
-Luật khung về xử lý nước thải VwV-
- **Xí nghiệp xả nước thải gián tiếp**
  - Các xí nghiệp xả nước thải vào một hệ thống chứa nước thải công (công thoát)
  - Luật có hiệu lực: Điều lệ xử lý nước thải của thành phố hay địa phương

## **Các cơ sở pháp lý trên ví dụ CHLB Đức**

Luật Liên bang

- Luật quản lý nước (WHG)

§7a điều tiết về việc xả nước trực tiếp và gián tiếp  
50 bản quy định hành chính với các giá trị ngưỡng

Luật ở cấp Bang

- Luật quản lý nước Bang  
Sachsen-Anhalt

áp dụng WHG ở cấp Bang

Luật ở cấp thành phố

- Điều lệ của thành phố Halle

Luật của Bang được áp dụng thích ứng  
với các điều kiện địa phương

Các giá trị ngưỡng có thể được quy định chặt hơn

## Mục tiêu của việc giám sát xả nước thải gián tiếp

- Ngăn chặn việc xả các chất bị cấm vào hệ thống tập trung nước
- Phòng ngừa sự cố
- Bảo vệ các quá trình sinh học ở các trạm xử lý
- Phòng ngừa các phí tổn bổ sung ở hệ thống công và ở trạm xử lý nước thải
- Giảm chi phí



## Cách tiếp cận trong việc giám sát xả nước thải gián tiếp

- Lập một địa độ các xí nghiệp xả gián tiếp
- Yêu cầu gửi bản tự giải trình
- Xí nghiệp xả gián tiếp nhận một quyết định
- Tiến hành kiểm tra
- Phân tích kết quả kiểm tra
- Đánh giá và thông tin cho xí nghiệp xả gián tiếp
- Gửi hoá đơn thanh toán cho xí nghiệp xả gián tiếp



## Lập một địa đồ các xí nghiệp xả gián tiếp

- Chia theo các ngành
- Các chất nào được lấy mẫu kiểm tra?
- Lấy mẫu kiểm tra bao nhiêu lần?



## Bản tự giải trình của nhà xả gián tiếp

### Yêu cầu:

- Ai là chủ sở hữu?
- Mức sử dụng nước (công + tư)
- Mức nước thải (kể cả nước mưa)
- Mô tả quá trình sản xuất  
(Các dòng chảy)
- Liệt kê tất cả các hoá chất
- Đối tác trao đổi trong xí nghiệp

## Lấy mẫu ở các xí nghiệp công nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh

- Không theo định kỳ
- Thoả thuận thông báo biện pháp kiểm tra ở cổng xí nghiệp, thời gian chờ tối đa 30 phút (tranh hiện tượng gian lận)
- Đi cùng với đối tác hoặc người đại diện của xí nghiệp
- Lập biên bản và ký xác nhận biên bản lấy mẫu
- Mức kiểm tra phụ thuộc vào quy mô gây ô nhiễm của nước thải ( 5 ở mức tối thiểu- Nguyên nhân 4 từ 5 nguyên tắc )

## **6. Các điều kiện tiêu thoát chung cho nước thải của Công ty Trách nhiệm hữu hạn HWA**

***Các điều kiện tiêu thoát chung  
cho nước thải của Công ty  
trách nhiệm hữu hạn HWA***

*Thành phố Halle (Saale) (AEB-A)  
Có hiệu lực từ 01.01.2007*

***Allgemeine Entsorgungsbedin-  
gungen Abwasser der HWA GmbH  
in der Stadt Halle (Saale) (AEB-A)  
Gültig ab 01. Januar 2007***

Hallesche Wasser und Abwasser GmbH  
Bornknechtstrasse 5  
05108 Halle (Saale)  
ĐT (0345)581-0  
Fax (0345) 581-67-67  
[Info@hwa-halle.de](mailto:Info@hwa-halle.de)  
[www.wasser-halle.de](http://www.wasser-halle.de)  
Công ty cấp thoát nước của thành phố  
Halle

## MỤC LỤC

1. Tổng quan chung, quan hệ hợp đồng, lĩnh vực có hiệu lực .....	1
2. Giải thích các khái niệm .....	2
3. Chủng loại và qui mô của công tác tiêu dẫn; các giới hạn cho việc tiêu dẫn nước thải vào hệ thống chung .....	2
4. Tiêu dẫn nước thải vào hệ thống chung .....	3
5. Hệ thống xử lý sơ cấp .....	5
6. Nghiên cứu chất lượng nước thải .....	6
7. Đơn xin tiêu thoát nước và sự chấp thuận của HWA .....	6
8. Trách nhiệm trước thiệt hại .....	7
9. Việc sử dụng thửa đất/quyền, ra vào đi lại .....	8
10. Các kênh kết nối với thửa đất .....	9
11. Hệ thống tiêu dẫn của thửa đất .....	10
12. Ứ đọng nước thải .....	11
13. Thu phí .....	12
14. Thu phí cho tiêu dẫn nước thải .....	12
15. Thu phí cho tiêu dẫn nước mưa .....	13
16. Thu phí cho các loại nước tiêu dẫn khác .....	15
17. Thanh toán và thanh toán theo giai đoạn .....	15
18. Thanh toán, thanh toán muộn và từ chối thanh toán .....	15
19. Thanh toán trước .....	16
20. Khoản đối ứng bằng tiền .....	16
21. Tính bồi thường .....	16
22. Bảo mật số liệu cá nhân .....	17
23. Từ chối không xử lý nước thải .....	17
24. Phạt do vi phạm hợp đồng .....	17
25. Quyền xét xử các vụ tranh chấp .....	17
Phụ lục 1: Đơn xin tiêu thoát nước .....	19
Phụ lục 2: Các giá trị ngưỡng cho trường hợp tiêu dẫn trực tiếp .....	24
Phụ lục 3: Phiếu thu thập thông tin .....	26

Các điều kiện tiêu thoát chung này - Nước thải, của công ty trách nhiệm hữu hạn về cấp thoát nước HWA GmbH (AEB-A) điều chỉnh mọi quan hệ giữa các cá nhân có quyền và trách nhiệm theo qui định về tiêu thoát nước thải của thành phố Halle (Saale) trong việc kết nối và sử dụng các hệ thống công trình tiêu thoát xử lý nước thải, với công ty cấp nước và tiêu thoát nước thải Halle (sau đây gọi tắt là “HWA”)

## **1. Tổng quan chung, quan hệ hợp đồng, lĩnh vực có hiệu lực**

- (1) Công ty cấp thoát nước HWA hoạt động với chức năng theo yêu cầu của thành phố Halle (Saale), cụ thể là xử lý nước thải và có trách nhiệm tiến hành xử lý nước thải ở khu vực của thành phố Halle (Saale) theo đúng qui định về xử lý nước thải của thành phố Halle (Saale) - Nước thải (AEB-A) - đối với các điều kiện tiêu thoát chung sau.
- (2) Đối tác của hợp đồng với HWA trong việc xử lý nước thải là chủ sở hữu của thửa đất mà thửa đất của họ được kết nối với hệ thống chung, hay những cá nhân được phép thừa kế hay tương tự là cá nhân có quyền sử dụng thửa đất. Những cá nhân này trong các phần sau được gọi chung là cá nhân kết nối trong các hợp đồng kết nối để tiêu dẫn nước thải hoặc là khách hàng trong các hợp đồng tiêu dẫn. Ngoài ra, đối tác hợp đồng còn có thể là những cá nhân mà có quyền thực sự đối với hệ thống công trình xây dựng hay thửa đất, nếu như không có chủ thửa đất hay người có quyền sử dụng trực tiếp nào khác hay cũng có thể thay vì chủ sở hữu thửa đất mà là người thuê, mượn của thửa đất, của ngôi nhà hay của căn hộ, nếu như họ có thể tự đứng ra thỏa thuận với công ty cấp thoát nước HWA. HWA có trách nhiệm trong khi cấp phép kết nối cũng như các công việc tương tự, cung cấp miễn phí mọi điều kiện chung về dẫn thoát nước thải (AEB-A) và bảng báo giá chính thức.
- (3) Thay vì một hộ/khách xin kết nối có thể là một tập thể của các chủ căn hộ theo tinh thần của bộ luật chủ sở hữu căn hộ, thì hợp đồng tiêu thoát được ký với tập thể của những cá nhân là chủ các căn hộ. Mỗi chủ căn hộ chịu trách nhiệm như một chủ nợ toàn bộ. Tập thể của các chủ sở hữu căn hộ có trách nhiệm chọn và ủy quyền cho một người quản lý chung hay một đại diện chung. Người đại diện này có trách nhiệm
- (4) Cùng với sự đồng ý về quyền kết nối với hệ thống xử lý nước thải công cộng thì hợp đồng tiêu thoát có tác dụng. Nếu không thì
- (5) Nếu cá nhân/khách hàng hiện không sống ở trong nước thì phải có trách nhiệm báo bằng văn bản với HWA và đưa tên và địa chỉ của một người có quyền đại diện hiện đang sống ở trong nước (Đức) để nhận các thông tin chuyển đến.
- (6) Trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu thì chủ mới và chủ cũ (cá nhân có quyền kết nối và khách hàng) có trách nhiệm thông báo với HWA về thời điểm bàn giao và địa chỉ của mình. Với việc thông báo như vậy thì chấm dứt hợp đồng đối với chủ/khách cũ và bắt đầu hợp đồng với chủ/khách mới, song các điều kiện đã cho phép và thỏa thuận trong hợp đồng sẽ không thay đổi. Nếu cá nhân có hợp đồng kết nối/khách hàng mà không hoàn thành trách nhiệm thông báo thì cả hai được coi là nợ chung và cùng có trách nhiệm trước các khoản nợ của HWA.

- (7) Qua thông tin đại chúng thì công ty cấp thoát nước HWA có quyền thay đổi hay bổ sung các điều của AEB-A (Các điều kiện tiêu thoát chung cho nước thải) cũng như bảng giá hiện đang có hiệu lực. Việc thay đổi hay bổ sung này được coi là có hiệu lực khi có thông báo chung và nghiêm nhiên trở thành một phần trong các bản hợp đồng.

## **2. Giải thích các khái niệm**

Việc giải thích các khái niệm thì tuân thủ theo điều § 2 của qui định hiện hành về tiêu thoát nước thải của thành phố Halle (Saale)

## **3. Chủng loại và qui mô của công tác tiêu dẫn; các giới hạn cho việc tiêu dẫn nước thải vào hệ thống chung**

- (1) HWA có trách nhiệm đối với xử lý toàn bộ các nước thải được tiêu dẫn vào hệ thống xử lý nước thải công cộng phù hợp với các điều khoản của AEB-A, đặc biệt đối với các điều kiện tiêu thoát và giới hạn mà được nêu ở đây, các hợp đồng tiêu thoát ký kết và bảng giá có hiệu lực của HWA.
- (2) HWA có nghĩa vụ tiếp nhận tiêu thoát lượng nước thải phù hợp với qui định về xử lý nước thải của thành phố Halle (Saale) nội trong khu vực của thành phố, trong trường hợp phải được đảm bảo mọi điều kiện tiêu dẫn và giới hạn của bộ luật AEB-A. Việc tiếp nhận nước thải và nước bẩn được tiến hành thông qua hệ thống tiêu dẫn riêng vào hệ thống xử lý nước thải chung.
- (3) Đối với những trường hợp tiêu thoát nước thải tạm thời, ví dụ từ các công trường hay nước của các dòng chảy, nước ngầm cũng như nước của các hố móng xây dựng thì không thuộc trách nhiệm của HWA. HWA có trách nhiệm kiểm tra từng trường hợp cụ thể và trong khuôn khổ cho phép về những khả năng kinh tế và kỹ thuật của mình HWA có thể đáp ứng các công tác và dịch vụ tiêu úng nhất định. Để tiêu thoát được thì các chủ tiếp nhận kết nối/khách hàng cần phải làm đơn kịp thời và riêng biệt về việc tiêu dẫn nộp cho HWA.
- (4) Các đường ống tiêu dẫn ở mặt đường giao thông và hệ thống tiêu thoát trên các tuyến đường giao thông không thuộc vào thành phần của hệ thống xử lý nước thải công cộng.
- (5) HWA có thể dừng việc tiêu thoát nước thải nếu như việc làm này là cần thiết để tiếp nhận các công tác vận hành tiếp theo (mở rộng) hay để giải quyết những nguy hiểm về an ninh và trật tự công cộng. HWA sẽ thông báo kịp thời cho các khách hàng theo một cách thức thích hợp. Song cũng không cần thông báo khi các trường hợp sau xảy ra:
  - a) Trong hoàn cảnh mà không thể thông báo kịp và HWA không thể đứng ra làm đại diện.
  - b) Đang gấp rút giải quyết mọi vấn đề ngưng trệ trong dẫn thoát nước thải.

## 4. Tiêu dẫn nước thải vào hệ thống chung

- (1) Việc tiêu dẫn tất cả các loại nước thải phát sinh ở thửa đất (hộ) vào hệ thống xử lý nước thải chung cần phải được tiến hành thông qua từng hệ thống tiêu dẫn riêng của thửa đất.
- (2) Quyền sử dụng bị giới hạn trong khuôn khổ những điều mà HWA cho phép và được ghi trong đơn xin được kết nối của hộ/khách hàng. Đó là những quy định về số và chất lượng của nước thải.
- (3) Quyền được tiêu dẫn nước thải vào hệ thống xử lý nước thải chỉ được phép khi đã được HWA kiểm tra và cho phép.
- (4) Không được tiêu dẫn nước thải nếu như việc tiêu dẫn đó
  - Làm nguy hại đến thân thể và tính mạng của những người vận hành hệ thống xử lý nước thải.
  - Ảnh hưởng xấu đến hệ thống xử lý nước thải về số lượng công trình và hay qui trình vận hành
  - Làm tăng tải lượng cho dòng chảy sông ngòi kênh mương với mức không được phép và có thể làm ảnh hưởng xấu và lâu dài đến dòng chảy.
  - Có thể làm khó khăn cho quá trình xử lý bùn cát và tái sử dụng chúng.
- (5) Cấm các hình thức tiêu dẫn vào hệ thống xử lý nước thải các đối tượng sau:
  - Các chất rắn mà có thể đã được nghiền nhỏ. Chúng sẽ tồn lưu và làm tắc hệ thống xử lý nước thải, ví dụ đá dăm, gạch vụn, tro, kính, sắt vụn, rác, cát, sỏi, vải, giấy cứng và bìa cát tông, vật liệu nhân tạo, nhựa, cao su, xi măng, vữa, rác thải các loại, ...
  - Bùn cát của của các hệ thống làm trung hòa, tẩy rửa độc hại và xử lý nước thải khác.
  - Các chất lỏng mà làm cho nước thải trong hệ thống xử lý nước bị đông cứng, kết tủa hay các chất mà có tác dụng làm tách chất trong nước thải và như vậy có thể làm cản trở dòng chảy trong hệ thống.
  - Các chất dễ cháy nổ cũng như nước thải mà qua đó các chất khí gây cháy nổ có thể được tạo ra, ví dụ các sản phẩm của dầu mỡ, các dung dịch hóa chất và các chất tương tự, nếu như vượt các giá trị ngưỡng ở phụ lục 2.
  - Các sản phẩm từ/chứa dầu ví dụ dầu cắt, dầu khoan, nhựa đường và hợp chất của chúng.
  - Nước thải mà có chứa các chất hoặc nhóm chất mà nguy hại đến nước ví dụ thạch tín, chì, cadimi, chrom, đồng, kẽm, thủy ngân, các chất halogen hữu cơ có thể hấp thụ (AOX), 1.1.1-Trichlorethan, Trichlo-rethen, Tetrachlorethen và Trichlo-rethan cũng như chlor tự do, mà nồng độ của chúng vượt ngưỡng cho phép ở phụ lục 2.
  - Các chất có vấn đề và các loại nước thải có chứa hóa chất, ví dụ các chất bảo vệ thực vật, chống mối mọt, các dung dịch (ví dụ xăng dầu, các chất làm lỏng sơn), các thuốc chữa bệnh và các sản phẩm dược, các chất bào mòn, nếu như không vượt các giá trị ngưỡng của chúng ở phụ lục 2.

- Nước bẩn có thể gây bệnh từ các bệnh viện và cơ sở y tế cũng như nước bẩn chưa qua khâu diệt khuẩn bằng nhiệt hoặc tương đương.
  - Nước thải mà sẽ gây mùi xú uế lâu dài đối với hệ thống tiêu thoát nước.
  - Bùn cát từ các hệ thống của thửa đất.
  - Các chất lỏng từ các trang trại chăn nuôi, ví dụ nước tiểu và nước phân.
  - Nước từ các lò lên men.
  - Nước ngầm, nước tiêu thoát và nước làm lạnh nếu như trong các trường hợp có lý do chính đáng như không có đủ diện tích để làm ngấm xuống đất, thì phải đảm bảo mọi giá trị ngưỡng được nêu ở phụ lục 2.
  - Hơi ngưng chưa được trung tính hóa của các hệ thống lò nhiệt (>200 kW)
  - Các chất có chứa phóng xạ
  - Nước thải từ các hệ thống thay đổi kỹ thuật gene
  - Nước thải phát sinh trong quá trình làm sạch mặt tiền nhà cửa do có chứa các chất halogen hữu cơ hay chứa mùi aromaten, ...
  - Các chất của quá trình nghiền nát làm nhỏ bằng nước, các dung môi, ....
- (6) Nước thải các loại của quá trình sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chỉ được phép tiêu dẫn vào hệ thống chung nếu như chất lượng nước thải về mặt hóa học và lý học đảm bảo được các giá trị ngưỡng được nêu ở phần phụ lục 2. Nhìn chung, đối với một số chất hay hợp chất nhất định thì các giá trị ngưỡng đều do các bộ luật, văn bản qui định và chỉ thị của cộng đồng Châu Âu hoặc liên quốc gia ấn định. Trong trường hợp đó thì các giá trị này có hiệu lực so với các giá trị ngưỡng được nêu ở phần phụ lục 2 (ví dụ qui định của luật theo điều § 7a của luật tài nguyên nước).
- (7) Đối với các chất mà không được nêu ở trong phụ lục 2 thì các giá trị ngưỡng có thể do chính HWA đưa ra.
- (8) Việc pha loãng nước thải để đảm bảo nồng độ theo yêu cầu thì tuyệt đối cấm.
- (9) Các nghiên cứu phân tích cần thiết để xác định các tính chất hóa lý của nước thải thì cần phải được tiến hành tuân thủ theo các phương pháp chung thống nhất của Đức đối với các nghiên cứu về nước, nước thải và bùn cát theo các qui định mới nhất mà đang có hiệu lực hoặc các tiêu chuẩn của Đức DIN do các hiệp hội chuyên môn về ngành nước của viện tiêu chuẩn hóa của Đức đóng ở Berlin.
- (10) HWA được phép trong một số trường hợp không cho tiêu dẫn nước thải với số lượng và chất lượng nhất định hay đề ra các điều kiện nhất định buộc phải tuân thủ. Tất cả các việc làm này đều cần thiết nhằm mục đích bảo vệ thân thể và tính mạng của những người phục vụ hệ thống tiêu thoát, bản thân hệ thống công trình tiêu thoát hoặc để thực hiện các qui định hiện hành đối với việc vận hành hệ thống tiêu thoát nước thải, đặc biệt là các điều kiện và giới hạn của một quyết định mang tính pháp lý đối với bộ luật tài nguyên nước.
- (11) HWA có thể đề nghị nước thải phải xử lý sơ trước khi dẫn tiêu vào hệ thống nếu như chất lượng nước thải không đảm bảo yêu cầu cơ bản, đặc biệt theo nguyên tắc chung của kỹ thuật xử lý nước thải không cho phép trộn lẫn với nước thải của hộ gia đình, tiêu dẫn tiếp hay cùng xử lý. HWA có thể yêu cầu, nước thải phải được trữ lại nếu như công

suất của hệ thống xử lý nước thải địa phương chưa thể đảm nhận hết và có yêu cầu tạm tích lại.

- (12) Chủ sở hữu kết nối/khách hàng có trách nhiệm báo ngay cho HWA nếu:
- Có các chất không được phép tiêu thoát vào hệ thống mà đã xâm nhập vào hệ thống.
  - Khối lượng và chất lượng nước thải thay đổi cơ bản so với ký kết trước.
- (13) HWA có thể yêu cầu chủ sở hữu kết nối/khách hàng tự bỏ chi phí ra để xây dựng hệ thống đo và ghi lưu lượng dòng chảy cũng như chất lượng của nước thải và xác định tải lượng các chất độc hại.

## **5. Hệ thống xử lý sơ cấp**

- (1) Nếu nồng độ của các chất cao hơn điều § 4 và của phụ lục 2 cho phép thì buộc phải vận hành hệ thống xử lý sơ cấp.
- (2) Để giám sát kiểm tra chất lượng nước thải thì cần phải xây dựng một điểm lấy mẫu nước thải ở điểm ra của hệ thống xử lý sơ cấp. Vị trí của điểm dự định xây để lấy mẫu thì phải thông qua HWA để xin phép đồng ý.
- (3) Người quản lý và điều hành hệ thống xử lý sơ cấp cần phải tiến hành và đảm bảo việc tự kiểm tra để việc tiêu dẫn nước thải không vượt quá các trị ngưỡng cho phép. Luôn ghi chép việc kiểm tra vào sổ sách, nếu HWA yêu cầu xem xét thì phải trình báo.
- (4) Nếu cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng dẫn tiêu nước thải qua nhiều đường kênh khác nhau vào hệ thống tiêu thoát chung thì tại mỗi một điểm tiêu dẫn các giá trị tiêu dẫn phải được đảm bảo (không vượt giá trị cho phép).
- (5) Nếu hệ thống xử lý sơ bộ thực cần thiết thì cần báo cho HWA và cho biết ai sẽ chịu trách nhiệm cho việc vận hành và phục vụ của hệ thống xử lý sơ cấp.
- (6) Ở trong phạm vi của các thửa đất nếu có thải ra các chất chứa dầu, mỡ, tinh bột, các chất lỏng nhẹ như xăng và benzol cũng như dầu máy hoặc các chất tồn lưu của dầu, vào nước thải, thì buộc phải xây dựng, vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và đổi mới hệ thống tách các chất này ra khỏi nước thải.
- (7) Phải dọn sạch bộ phận tách của hệ thống theo qui định của đơn vị chế tạo sản xuất và theo nhu cầu thực tế. HWA có quyền xem xét hồ sơ làm bằng chứng cho việc làm sạch theo qui định và kiểm tra xem có đảm bảo các giá trị ngưỡng không.
- (8) Cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng phải chịu trách nhiệm về thiệt hại gây ra do vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý sơ cấp nước thải không tuân thủ theo qui trình trước khi dẫn vào hệ thống tiêu thoát công cộng hay đối với HWA.
- (9) Cấm việc đưa các chất thải tồn lưu từ công tác xử lý sơ cấp vào hệ thống tập trung. Những chất tồn lưu mà đã được tách ra thì phải được xử lý tiếp theo ở một doanh nghiệp có phép hoạt động. Bằng chứng về xử lý riêng phải luôn sẵn sàng để có thể chứng minh nếu có yêu cầu.
- (10) Cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng cần thông báo ngay cho HWA nếu như hệ thống xử lý sơ cấp không hoạt động được, không đưa vào sử dụng hay đình vận hành hay không cần dùng đến nữa. Họ có trách nhiệm tự kiểm tra thường kỳ chức năng hoạt động

của hệ thống xử lý sơ cấp và phải ghi chép lại trong quá trình kiểm tra. Hệ thống có chất lượng hoạt động không đảm bảo theo yêu cầu thì phải thay đổi ngay.

## **6. Nghiên cứu chất lượng nước thải**

- (1) Trong trường hợp tiêu thoát không phải là nước thải sinh hoạt thì HWA có quyền tiến hành nghiên cứu chất lượng nước thải. Nếu kết quả kiểm tra cho thấy việc dẫn tiêu nước thải là không được phép thì chủ sở hữu kết nối/khách hàng phải thanh toán mọi chi phí phát sinh trong quá trình nghiên cứu.
- (2) Chủ sở hữu kết nối/khách hàng mà dẫn tiêu không phải là nước thải sinh hoạt thì chịu mọi phí tổn về việc xây dựng và bảo trì điểm lấy mẫu nước (hố ga) theo yêu cầu của HWA. HWA có thể còn yêu cầu phải lắp đặt thiết bị đo lưu lượng nước thải, máy lấy mẫu tự động cũng như các máy móc đo tính tự động để xác định chất lượng nước thải, ví dụ giá trị pH. Tất cả các máy đo, ghi và lấy mẫu phải luôn sẵn sàng ở trạng thái hoạt động bất cứ lúc nào. Các sổ sách ghi chép về quá trình vận hành và sửa chữa, các băng ghi đồ thị và các hình vẽ khác phải được bảo quản ít nhất là 3 năm và phải trình báo bất kỳ lúc nào theo yêu cầu của HWA. Các yêu cầu và qui định của các cơ quan khác không làm thay đổi qui định này.

## **7. Đơn xin tiêu thoát nước và sự chấp thuận của HWA**

- (1) Việc kết nối mới vào hệ thống tiêu thoát nước công cộng thì cần có đơn của chủ tiếp nhận kết nối/khách hàng và sự đồng thuận của HWA. Cần phải làm đơn mới nếu có sự thay đổi trong hệ thống tiêu thoát thửa đất, cống kiểm tra, chất lượng nước thải và số lượng nước thải, thay đổi, mở rộng, đổi mới, và xóa bỏ (dừng hoạt động) của hệ thống tiêu thoát thửa đất (kể cả bể phốt) cũng như kết nối của ngôi nhà trên thửa đất.
- (2) Các loại nước thải, mà thuộc vào các điều qui định hiện hành về việc tiêu thoát nước thải vào dòng chảy (Qui định nước thải – AbwVO) và qui định xả thải trực tiếp của bang Sachsen-Anhalt (IndEinVO) trong các văn bản tương ứng, có thể được tiêu dẫn vào dòng chảy với sự đồng ý cho phép về mặt pháp lý chiếu theo luật tài nguyên nước mà do các (ủy) ban thủy lợi quản lý cũng như xuất trình giấy phép của HWA cấp cho việc tiêu dẫn vào hệ thống xử lý nước thải.
- (3) Mặc dù các loại nước (nước làm lạnh do quá trình công nghệ, nước tiêu thoát, nước ngầm) không phải là nước thải mà được tiêu thoát vào hệ thống chung vẫn phải làm đơn xin phép HWA.
- (4) Phải làm đơn (bằng văn bản) xin phép HWA đồng ý theo các mục 1 đến 3 ít nhất là 2 tháng trước khi bắt đầu sử dụng theo kế hoạch hệ thống dẫn thoát. Việc dẫn thoát nước thải chỉ được phép khi đã có sự đồng ý.
- (5) Sự cần thiết của việc xin giấy phép của các cơ quan khác tiếp theo, ví dụ xin (ủy) ban thủy lợi của hạ lưu, vẫn không có gì thay đổi.
- (6) Đơn xin kết nối vào hệ thống xử lý nước thải được thì gồm các thông tin số liệu yêu cầu ở phụ lục 1 và hoàn thành theo mẫu đơn của HWA (phụ lục 1).

- (7) HWA có quyền yêu cầu cung cấp các tài liệu, kết quả nghiên cứu tiếp theo hay việc kiểm tra lại thông qua các nhà chuyên môn, nếu như các việc làm này thực cần thiết trong quá trình xem xét để cấp phép. Người đệ đơn sẽ phải chịu mọi phí tổn trong các nghiên cứu cần thiết về chất lượng nước cũng như trả cho chuyên viên trong việc đánh giá viết phản biện cho hệ thống tiêu thoát nước của thửa đất.
- (8) Mọi tài liệu trong bộ hồ sơ của đơn xin cấp phép phải do chủ sở hữu thửa đất và cán bộ thiết kế qui hoạch ký. Bộ đơn phải hoàn thành 2 tháng trước khi bắt đầu thi công bất cứ công việc nào. Việc rút lại hồ sơ thì cần có đơn viết. HWA có thể cấp phép với các điều kiện cũng như trong điều kiện nào đó lại có thể hủy phép cũng như ban hành thêm các giới hạn và sửa đổi tiếp theo.
- (9) HWA có thể cấp phép với điều kiện, có thể rút phép với điều kiện cho trước cũng như bổ sung thêm các điều kiện hay sửa đổi.
- (10) Giấy phép đã cấp có thể bị rút lại nếu trong vòng 2 năm sau khi cấp phép xây dựng mà chưa tiến hành xây dựng, hay nếu một công tác thi công đã bắt đầu mà lại không kết thúc ít nhất là một năm sau khi đã hoàn thành công tác xây dựng đầu tiên, hay việc thi công bị đình trong 2 năm. Hạn có thể được kéo dài nhiều nhất là 2 năm.

## **8. Trách nhiệm trước thiệt hại**

- (1) Những thiệt hại mà cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng phải gánh chịu do hệ thống xử lý nước thải bị ngưng trệ hoạt động hay hoạt động không thường xuyên thì HWA phải chịu trên cơ sở hợp đồng hay những hành vi không được phép trong các trường hợp sau:
  - Gây ra chết người hay làm thương tích hoặc ảnh hưởng đến sức khỏe của khách hàng nếu như thiệt hại này do HWA hay do một nhân viên đang vận hành hay thực thi không chú ý hay sơ ý gây ra.
  - Gây ra hỏng hóc về đồ dùng nếu như hỏng hóc này do HWA hay do một nhân viên đang vận hành hay thực thi không chú ý hay sơ ý gây ra.
  - Gây ra thiệt hại về tài sản mà không chú ý hay cầu thả trong vận hành của phía HWA.
- (2) Cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng có thể áp dụng mục 1 ở trên nếu như một doanh nghiệp thứ ba đang làm cho HWA để xây ra các hành vi nêu trên. Theo yêu cầu HWA phải có trách nhiệm cung cấp cho khách hàng mọi thông tin và sự thật mà có liên quan đến nguyên nhân gây ra thiệt hại do doanh nghiệp thứ ba gây ra mà họ biết được. Sự hiểu biết này cần thiết để phục vụ cho việc đòi bồi thường.
- (3) Người tiếp nhận kết nối/khách hàng có trách nhiệm thông báo kịp thời về thiệt hại với HWA hoặc nếu như xác định được thì cho đơn vị có trách nhiệm thế (bảo hiểm).
- (4) Đối với thiệt hại gây ra cho HWA như
  - Đối với mọi thiệt hại và các thiệt hại tiếp theo cho các hệ thống công trình của HWA mà phát sinh do vi phạm về trách nhiệm của người sử dụng thì cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng phải chịu trách nhiệm theo qui định của pháp luật. Cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng phải chịu trách nhiệm về thiệt hại mà do người thứ ba gây ra.

Người thứ ba ở đây được hiểu là người mà cá nhân tiếp nhận kết nối/khách với một lý do nhất định cho phép sử dụng hệ thống tiêu dẫn của thửa đất hay hệ thống của HWA, ví dụ người thân, nhân viên, người đến chơi thăm, người thuê nhà, thợ thủ công mà chủ giao việc.

- Cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng chịu trách nhiệm cho tất cả thiệt hại và thiệt hại tiếp theo mà phát sinh đối với HWA hoặc người thứ ba, nếu để cho các chất được nêu trong điều §4 xâm nhập từ thửa đất của mình vào hệ thống tiêu dẫn chung.
- Cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng chịu mọi phí tổn đối với HWA trong quá trình xem xét việc tiêu dẫn vào hệ thống chung không được phép.

## **9. Việc sử dụng thửa đất/quyền, ra vào đi lại**

- (1) Vì mục đích tiêu thoát nước thải chung của địa phương thì chủ sở hữu thửa đất, cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng phải tạo điều kiện đi lại vào ra miễn phí đối với thửa đất của mình để đặt đường ống tiêu thoát, thay đổi và sửa chữa hệ thống tiêu thoát hay dẫn hệ thống tiêu đi qua thửa đất của mình cũng như các biện pháp bảo vệ cần thiết và tạo điều kiện cho đi lại tham quan hệ thống tiêu thoát. Nghĩa vụ này đều có hiệu lực đối với mọi thửa đất mà đã, đang và sẽ kết nối với hệ thống tiêu thoát nước thải chung. Các thửa đất này có thể được chủ sở hữu sử dụng trong mối quan hệ kinh tế với một thửa đất đã được kết nối hay dự định sẽ được kết nối; hay có thể được sử dụng có lợi hơn về mặt kinh tế nếu như nó có khả năng kết nối và tiêu thoát nước thải. Trách nhiệm nghĩa vụ này có thể bỏ qua trong trường hợp mà việc yêu cầu đối với thửa đất có thể gây khó khăn theo một cách thức nào đó mà không thể chấp nhận được đối với chủ sở hữu.
- (2) Chủ sở hữu thửa đất thì có quyền được thông báo về hình thức và qui mô của việc sử dụng thửa đất.
- (3) Chủ sở hữu thửa đất có thể yêu cầu lắp đặt đường ống tiêu thoát nước mà trước đó đã được cấp phép xây dựng, ở một vị trí khác nếu như họ thấy ở vị trí cũ không còn phù hợp. Chi phí lắp đặt do HWA chịu. Song điều này không đúng với việc xây dựng gần như chỉ để phục vụ cho tiêu thoát của thửa đất, hay lợi ích của HWA được đảm bảo nhờ khả năng sử dụng cơ bản của thửa đất hay việc sử dụng thực của nó; hay còn có thể được đảm bảo trên cơ sở yêu cầu pháp lý và những điều chỉnh thông qua HWA cũng như đối với hệ thống công trình mà đã được xây dựng trước thời điểm 03.10.1990 và đã đưa vào sử dụng.
- (4) Nếu đình hoạt động hệ thống xử lý nước thải thì chủ sở hữu thửa đất được phép dỡ bỏ hệ thống công trình hay theo yêu cầu của HWA thì vẫn phải cho phép vào tham quan trong
- (5) Các mục 1 và 4 không có hiệu lực đối với đường giao thông và diện tích công cộng cũng như đối với thửa đất mà được đã nằm trong qui hoạch xây dựng đường giao thông hay diện tích giao thông.
- (6) Nếu trong khi kiểm tra hệ thống tiêu thoát của thửa đất mà có nhu cầu tham quan không gian của người thứ ba thì cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng có trách nhiệm tạo điều kiện để HWA làm việc.

- (7) HWA có thể yêu cầu cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng cho biết bằng văn bản người có trách nhiệm trong tiêu dẫn nước thải hay một đại diện của mình. Nếu có thay đổi đương sự thì cũng phải báo kịp thời cho HWA.

## 10. Các kênh kết nối với thửa đất

- (1) Các thửa đất mà có ranh giới tiếp với đường giao thông công cộng hay một tuyến đường được sử dụng cho mục đích chung thì được kết nối thông qua kênh tiêu dẫn của thửa đất vào hệ thống xử lý nước thải.
- (2) HWA xác định đối với thửa đất cần kết nối
- Loại, vị trí và độ cao của kết nối với hệ thống xử lý nước thải
  - Tuyến công trình và khoảng cách ngắn cũng như độ dốc của kênh kết nối thửa đất cũng như hình thức kết nối và độ cao ở điểm kết nối với hệ thống kênh tiêu
  - Loại vật liệu sử dụng cho kênh tiêu dẫn của thửa đất phụ thuộc vào chất lượng của nước thải
  - Loại, vị trí và kích thước của cống kiểm tra hay cửa điểm mở để làm vệ sinh tùy thuộc vào tình hình chung của thửa đất riêng theo DIN 1986

Trong đó cần lưu ý đến những yêu cầu của hệ thống xử lý nước thải. Những đơn xin phép của cá nhân nhận tiếp nối/khách hàng mà không thông dụng thì trong một số trường hợp có lý do vẫn có thể xem xét.

- (3) Các kênh kết nối thửa đất với hệ thống chung được coi là một phần của hệ thống vận hành và tài sản HWA. Chúng do HWA xây dựng, bảo trì, đổi mới, thay đổi, tách ra và phá bỏ. Cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng không được phép tác động hoặc không để ai tác động đến hệ thống.
- (4) Cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng phải tạo điều kiện xây dựng để thi công an toàn kênh kết nối thửa đất ở ngay danh giới thửa đất. Điều này đặc biệt lưu ý nếu cạnh đường mà không có rãnh tiêu, hiện đang có công trình được thi công hay hệ thống tiêu nước ở các thửa đất (khác) đang sửa chữa hoặc xây dựng.
- (5) Mỗi thửa đất cạnh đường giao thông hay cạnh nơi được sử dụng cho mục đích công cộng, theo nguyên tắc thì được nhận một kênh kết nối thửa đất. Trường hợp ngoại lệ khi có đơn viết thì HWA có thể cho phép tạo nhiều kênh kết nối cho riêng thửa đất. Trong một số trường hợp có lý do (ví dụ dãy nhà để ô tô, nhà liền kề, thửa đất nằm ở hàng thứ hai) thì HWA cho phép hoặc yêu cầu nhiều thửa kết nối thông qua một kênh tiêu chung. Tất cả chủ thửa đất tham dự trong trường hợp này phải có nghĩa vụ (tự nguyện) tạo điều kiện cho việc xây dựng, duy tu và sử dụng hệ thống thoát nước trên mỗi thửa đất của người khác.
- (6) Theo đơn của chủ thửa đất thì HWA xây dựng cho mỗi thửa một kênh kết nối thửa đất riêng hoặc sau khi dỡ bỏ cái cũ thì làm cái mới(kênh kết nối bổ sung). Như vậy chi phí cho việc xây dựng kênh kết nối bổ sung thì hoàn lại cho HWA.
- (7) Bất cứ hình thức xâm hại kênh kết nối thửa đất, đặc biệt làm rò rỉ đường ống cũng như các sự cố khác thì cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng phải có trách nhiệm báo ngay cho HWA.

- (8) Khi kết thúc hợp đồng thoát nước xét ở góc độ kênh kết nối thừa đất thì có sự điều chỉnh quyền sở hữu mà trái với mục 3 thì điều này không hề bị vi phạm. Trong bản thỏa thuận với HWA thì cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng trao quyền sở hữu kênh kết nối thừa đất cho HWA.
- (9) Cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng mà không phải là chủ sở hữu thừa đất và nếu HWA yêu cầu thì phải lấy giấy đồng ý của chủ sở hữu thừa đất và đồng thời phải xác nhận cùng chịu trách nhiệm khi xây dựng kênh tiêu thoát thừa đất.
- (10) HWA bảo trì kênh kết nối thừa đất và làm vệ sinh khi đường ống bị tắc nghẽn. Chi phí thì do cá nhân nhận kết nối/khách hàng chịu nếu việc tắc nghẽn là lỗi của chủ sở hữu thừa đất/khách hàng. Nếu có nhiều cá nhân nhận kết nối/khách hàng thì tất cả mọi người là chủ nợ chung.
- (11) Trong khu vực có áp dụng phương pháp tách nước thải thì các thửa đất cũng được tiêu thoát theo hình thức tách. Như vậy thửa đất sẽ được kết nối với hệ thống tiêu dẫn nước bản và nước mưa.
- (12) Khi phá dỡ các ngôi nhà có kênh kết nối thì chủ thửa đất có trách nhiệm thông báo cho HWA biết kịp thời bằng văn bản. Đường ống tiêu thoát nước thải của thửa đất thì bị khóa ngay theo đúng qui định ở cống kiểm tra nằm giữa thửa đất và hệ thống tiêu thoát chung và chủ sở hữu thửa đất chịu mọi chi phí cho công việc này. Kênh kết nối của thửa đất phải được bảo vệ trước sự xâm phạm bất kỳ. Nếu chủ thửa đất không hoàn thành trách nhiệm thông báo và chăm sóc công trình thì phải chịu phí tổn cho thiệt hại phát sinh.

## **11. Hệ thống tiêu dẫn của thửa đất**

- (1) Chủ sở hữu thửa đất tự bỏ kinh phí ra xây, đổi mới, sửa chữa, làm vệ sinh và/hoặc tháo dỡ phá bỏ công trình tiêu thoát của thửa đất theo đúng yêu cầu. Các công việc phải được tiến hành theo đúng qui trình qui phạm kỹ thuật hiện đang có hiệu lực và đặc biệt là bộ tiêu chuẩn DIN, đặc biệt DIN 1986 hay các qui định khác.
- (2) Nếu hệ thống tiêu thoát của thửa đất không có độ dốc tự nhiên thì HWA có thể đề nghị khách hàng phải xây dựng và vận hành một hệ thống nâng để tiêu thoát thừa đất. Nếu không có hệ thống nâng này thì việc tiêu thoát nước theo đúng qui định khi qui hoạch và thi công hệ thống xử lý nước thải phù hợp với trình độ kỹ thuật là không làm được. Hệ thống nâng được coi là một thành phần của hệ thống tiêu thoát của thửa đất.
- (3) Chủ sở hữu thửa đất chịu mọi trách nhiệm cho việc xây dựng, mở rộng, thay đổi và bảo trì, sửa chữa cũng như vận hành an toàn theo đúng qui định của hệ thống tiêu thoát thửa đất. Nếu chủ sở hữu cho người thứ ba thuê mượn hoặc tạm sử dụng thì chủ sở hữu là người đồng trách nhiệm.
- (4) Hệ thống tiêu thoát nước thải cần phải vận hành mà không được phép làm ảnh hưởng đến khách hàng khác, ảnh hưởng xấu đến hệ thống của HWA hoặc người thứ ba hoặc ảnh hưởng xấu đến hệ thống cấp nước. Những thiệt hại hoặc thiếu sót ở hệ thống tiêu thoát thừa đất thì do cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng phải bỏ tiền ra sửa chữa ngay.

- (5) Với việc mở rộng hay thay đổi cơ bản hệ thống thoát nước của thửa đất thì phải đơn xin phép HWA. Trách nhiệm xin phép theo các quy định khác, đặc biệt theo luật tài nguyên nước thì vẫn cần sự chấp nhận của HWA.
- (6) Chỉ được sử dụng các loại vật tư thiết bị và nguyên vật liệu cho việc xây dựng hệ thống tiêu thoát thửa đất mà phù hợp với qui trình qui phạm kỹ thuật.
- (7) Nếu hệ thống tiêu thoát của thửa đất hiện tại không đáp ứng được các quy định hiện hành thì khách hàng phải theo yêu cầu của HWA phải bỏ tiền ra để làm cho nó thích ứng với các quy định mới. Đối với việc thích ứng thì khách hàng phải đảm bảo một thời hạn nhất định. Những thay đổi ở hệ thống tiêu thoát thửa đất không phải do các yếu tố chủ quan (do chủ sở hữu gây ra hay cần thiết đối với tuyến thoát nước công cộng) mà do các yếu tố khách quan thì HWA chịu mọi phí tổn.
- (8) Chủ sở hữu thửa đất phải thông báo ngày việc hoàn thành hệ thống tiêu thoát nước của thửa đất cho HWA để HWA kiểm tra các công việc này. Hệ thống tiêu thoát nước của thửa đất chỉ được phép đưa vào sử dụng khi HWA đã kiểm tra xong. Tất cả đường ống nằm dưới đất hay trong tường thì phải để ngỏ để dễ kiểm tra. Mãi cho đến khi kiểm tra thì tất cả bộ phận thuộc về hệ thống tiêu thoát thửa đất, ví dụ không lấp hào đặt ống. Kết quả kiểm tra quá trình vận hành thì phải được ghi vào biên bản cho đến khi nào kết quả vận hành cho phép. Nếu trong khi kiểm tra mà xác định được thiếu sót thì thiếu sót trong vòng một thời hạn do HWA phải được khắc phục. Biên bản kiểm tra không có nghĩa miễn cho chủ sở hữu thửa đất về trách nhiệm đối với tình trạng của hệ thống tiêu thoát thửa đất theo qui định. Đối với việc kiểm tra thì tuân thủ các điều sau:
  - Hệ thống tiêu thoát thửa đất phải dễ quan sát và dễ tiếp cận.
  - HWA kiểm tra hệ thống, song không có nghĩa là đơn vị thi công hết nghĩa vụ pháp lý của mình trước những công tác thi công không đảm bảo chất lượng
- (9) Nếu hệ thống tiêu thoát nước thải phải ngừng hoạt động hoàn toàn hay tạm thời thì chủ sở hữu thửa đất theo yêu cầu của HWA phải đóng điểm kết nối thửa đất với kinh phí của bản thân.
- (10) HWA có quyền kiểm tra hệ thống tiêu thoát của thửa đất. Chủ sở hữu và chủ nhà có trách nhiệm cho phép người của HWA thăm công trình, cung cấp các thông tin cần thiết và hỗ trợ giúp đỡ nếu như việc làm đó là cần thiết để có thể kiểm tra được.

## **12. Ứ đọng nước thải**

- (1) Chủ sở hữu thửa đất/khách hàng phải tự bảo vệ mình trước việc nước thải bị dồn từ hệ thống xử lý nước thải chung vào thửa đất được kết nối gây ra hiện tượng ứ đọng. HWA không chịu bất cứ một trách nhiệm nào về thiệt hại do ứ đọng nước thải gây ra.
- (2) Độ cao của điểm kết nối mà HWA ấn định cho thửa đất chính là độ cao tối thiểu cần được khống chế và không được hạ thấp nữa. Chính vì vậy ở dưới cao độ tối thiểu mọi cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng chịu trách nhiệm bảo vệ mình trước hiện tượng ứ đọng hay chảy tràn không kiểm soát có thể xảy ra.

- (3) Nằm dưới mặt bằng bị ứ đọng thì cần bảo vệ các không gian, ga cống, cửa ra của nước bẩn và nước mưa ... trước hiện tượng ứ đọng dồn nước dựa vào qui định kỹ thuật cho việc xây dựng hệ thống tiêu thoát thừa đất DIN 1986.
- (4) Đối với những không gian có ý nghĩa quan trọng, ví dụ như căn hộ, không gian sử dụng cho mục đích kinh doanh, không gian sử dụng để làm kho chứa lương thực phẩm hay các hàng hóa có giá trị cao, thì phải xây dựng hệ thống nâng nước thải tự động để nâng nước thải lên khỏi mặt bằng bị ứ đọng và sau đó chảy vào hệ thống chung.

### **13. Thu phí**

- (1) Khách hàng có trách nhiệm trả tiền cho việc tiêu thoát nước thải vào hệ thống nước thải công cộng. Mức thu phí thì dựa vào giá một đơn vị đo tính do bảng giá qui định.
- (2) Trong khu vực tiêu thoát thì có thu phí tách biệt cho:
  - Tiêu thoát nước bẩn (điều 14)
  - Tiêu thoát nước mưa (điều 15)
  - Tiêu thoát các loại nước thải khác được dẫn vào (điều 16)
- (3) Người ghi nợ là cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng. Nếu có nhiều cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng thì ghi nợ chung chiếu theo điều 2 mục 2 của qui định tiêu dẫn nước thải của thành phố Halle (Saale). Thay đổi chủ sở hữu, thay đổi người đại diện về mặt pháp lý và người đại diện thì trong vòng 1 tháng phải thông báo bằng văn bản cho HWA. Trong các trường hợp ngoại lệ thì hợp đồng có thể được ký kết với cá nhân có quyền sử dụng, ví dụ người thuê đất hay căn hộ (nhà), song chủ sở hữu phải cùng đứng chịu trách nhiệm thực hiện hợp đồng trước HWA.

### **14. Thu phí cho tiêu dẫn nước thải**

- (1) Để tiêu nước bẩn vào hệ thống xử lý nước thải thì cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng phải trả phí. Mức phí phụ thuộc vào lượng nước đo tính mà phát sinh tại thửa đất. Đơn giá cho một đơn vị m<sup>3</sup> nước bẩn thì lấy ở bảng báo giá. Cứ mỗi m<sup>3</sup> là một đơn vị tính toán.
- (2) Việc tính toán lượng nước bẩn được tiến hành trên cơ sở lượng nước sạch tiêu dùng được lấy từ hệ thống cấp nước sạch thông qua đồng hồ đo nước trên thửa đất. Nước bẩn gồm:
  - a) Lượng nước được lấy từ hệ thống cấp nước công cộng và tư nhân cấp cho thửa đất thông qua đồng hồ nước.
  - b) Lượng nước được tự khai thác trên thửa đất như nước giếng, nước mưa và sau đó chảy vào hệ thống thoát nước của thửa đất.
  - c) Lượng nước bẩn thực tế nhập vào mà do thiết bị đo của HWA cho phép ghi được.Sau đó trừ đi lượng nước mà có thể chứng minh được là không tiêu thoát vào hệ thống tiêu thoát công cộng. HWA có quyền ước tính lượng nước nếu như không có cách tính nào khác.

- (3) Bảng chứng về lượng nước chiếu theo khoản 2 mục b) thì phải dựa vào một đồng hồ đo phụ khác được lắp đặt có kiểm tra và bảo trì. Chi phí lắp đặt do cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng gánh chịu. Lượng nước theo khoản 2 mục b) thì phải báo cho HWA biết cho khoảng thời gian đo tính đã qua của một năm lịch nội trong vòng 2 tháng tiếp theo lần đọc trước. Nếu khách hàng không có đồng hồ đo cho khoản 1 thì HWA buộc phải ước tính lượng nước tiêu dùng để làm bằng chứng cho bộ hồ sơ có thể bị kiểm tra.
- (4) Trong từng trường hợp riêng cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng có thể yêu cầu HWA chứng minh lượng nước tiêu dùng thông qua một thiết bị đo thích hợp mà mọi phí tổn cho việc lắp đặt sẽ do cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng trả. Thiết bị đo này phải phù hợp với các qui định kỹ thuật và đo đạc. HWA được quyền kiểm tra bất cứ lúc nào thiết bị đo đạc thông qua phòng đo lường và tiêu chuẩn hay thông qua một cơ quan được nhà nước công nhận theo tinh thần của điều § 6 khoản 2 của bộ luật đo lường. Chi phí cho việc kiểm tra thì cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng phải chịu nếu có sự chênh lệch vượt giới hạn luật pháp cho phép. Không thì HWA tự qui định mức giao động giới hạn.
- (5) Nếu đồng hồ đo nước đo không đúng hay ngừng hoạt động thì lượng nước đã được tiêu dùng sẽ được HWA ước tính trên cơ sở của lượng nước đã tiêu dùng của khoảng thời gian thống kê lần trước cũng như có xét đến những lý do của khách hàng và số đầu người có thực sống trên thửa đất tính đến ngày 01 tháng giêng của năm hạch toán. Khi ước tính lượng nước bản năm thì lấy con số 35 m<sup>3</sup> người để làm cơ sở. Hiện trạng thực tế thì cần lưu ý đúng mức. Về mặt nguyên tắc thì chủ sở hữu thửa đất phải công nhận về mặt pháp lý kết quả ước tính của HWA. Ngược lại, nếu “không công nhận” thì phải nêu lý do, nếu để HWA không tiếp cận được đồng hồ đo nước vào đúng ngày đọc theo qui định trong năm thì phải có nghĩa vụ thông báo.
- (6) Lượng nước và nước bẩn mà có thể chứng minh được là trong khoảng thời gian hạch toán qua không hề tiêu dẫn vào hệ thống công cộng (ví dụ nước dùng cho xây dựng, nước tưới cây trong vườn, nước bể bơi, thất thoát nước do vỡ đường ống) thì có thể làm đơn để tính giảm. Bảng chứng cho việc sử dụng này có thể phải lắp thêm đồng hồ đo nước tiếp theo mà mọi chi phí do cá nhân có trách nhiệm nộp phí trả và tự bảo dưỡng. Việc lắp đặt thêm đồng hồ đo nước thì phải báo cho HWA. Nếu không có bằng chứng là lượng nước không chảy vào hệ thống nước thải công cộng thì không được hoàn phí. Nếu lượng nước để tính giảm phí mà không được đo tính thông qua đồng hồ thứ cấp thì HWA buộc phải yêu cầu xuất trình giấy đánh giá của chuyên gia hay buộc phải lắp thêm đồng hồ đo lượng nước thải tiêu ra và cá nhân có trách nhiệm nộp phí trả để làm bằng chứng cho lượng nước cần giảm. Từ thời điểm lắp đặt của đồng hồ thì lượng

## 15. Thu phí cho tiêu dẫn nước mưa

- (1) Phí để tiêu thoát nước mưa được tính theo diện tích đã xây dựng và cứng hóa (mà sau đây gọi là “diện tích bịt kín”), mà từ đó nước mưa được tiêu thoát vào hệ thống chung. Cứ mỗi mét vuông được coi là một đơn vị tính toán. Cá nhân có trách nhiệm trả phí buộc phải thông báo bằng văn bản cho HWA theo yêu cầu của họ trong vòng một tháng về qui mô diện tích được xây dựng và cứng hóa trong một phiếu thống kê ở phụ lục 3. Nếu có sự thay đổi gì về qui mô diện tích được xây dựng và cứng hóa thì cá nhân có trách

nhiệm trả phí phải thông báo ngay cho HWA bằng văn bản nội trong vòng một tháng. Bắt đầu ngay từ đầu tháng, mà có sự thay đổi thì số liệu mới được cập nhật được sử dụng làm cơ sở để tính toán.

- (2) Diện tích mà có ảnh hưởng ít đến dòng chảy của nước mưa thì chỉ được tính theo một tỷ lệ trong tính toán phí đối với việc tiêu thoát nước mưa. Khi tính diện tích bị bịt kín thì tùy thuộc vào loại hình bịt kín mà tính đến hệ số giảm phí:

Nhóm diện tích	Hệ số
Diện tích mái	0,1
Diện tích mái xanh	0,4
Diện tích đổ bê tông, nhựa đường	1,0
Các loại tấm bê tông có mạch hở, ...	0,6
Đá tấm ghép có hở lỗ	0,1
Các loại diện tích cứng hóa khác (ví dụ sử dụng tấm nhựa nhân tạo, diện tích rải sỏi, đá dăm, các loại tấm bê tông có hở lỗ)	0,1

- (3) Theo đơn đề nghị của cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng thì trong mục 2 có bổ sung thêm việc xem xét giảm diện tích bị cứng hóa (bịt kín) trong từng trường hợp riêng nếu khách hàng chứng minh được là lượng nước mưa tiêu vào hệ thống có giảm đi. Diện tích bị bịt kín nếu trên thửa đất có tồn tại hệ thống công trình tích trữ nước mưa (bể trữ nước mưa, hệ thống tiêu ngầm nước mưa, hay tương tự) với dung tích tối thiểu trên 1 m<sup>3</sup> và được sử dụng quanh năm và qua đó giảm tải cho lượng nước tiêu vào hệ thống, có thể được tính như sau:

Nhóm công trình xây dựng	Diện tích khấu trừ (giảm đi)
Hồ (bể) chứa nước mưa có hay không có van	15 m <sup>2</sup> /m <sup>3</sup> Dung tích hồ chứa
Hệ thống ngầm (thiết kế theo DIN A 138)	45 m <sup>2</sup> /m <sup>3</sup> Dung tích hồ chứa
Hệ thống xử lý nước mưa	45 m <sup>2</sup> /m <sup>3</sup> Dung tích hồ chứa

Ngoài ra có tính đến việc giảm phí cho công việc chăm sóc và gìn giữ các hệ thống đất trồng có nước trên các thửa đất riêng mà có kết nối với hệ thống tiêu thoát nước thải công cộng để làm ngầm và tiêu nước mưa với mức 10 m<sup>2</sup>/m chiều dài.

- (4) HWA có quyền đánh giá diện tích bị cứng hóa từng phần cho đến mức độ cứng hóa toàn bộ nếu như không có phương pháp nào dùng để xác định.

## **16. Thu phí cho các loại nước tiêu dẫn khác**

Việc thu phí cho các loại nước tiêu dẫn khác (nước làm mát xả ra từ các quá trình sản xuất kỹ thuật, nước tiêu, nước ngầm) thì được tính theo lượng nước tiêu dẫn vào hệ thống nước thải. Đơn giá cho m<sup>3</sup> nước thải thì lấy từ bảng báo giá. Cứ mỗi m<sup>3</sup> là một đơn vị tính toán. Các mục 2 đến 6 của điều 14 được áp dụng.

## **17. Thanh toán và thanh toán theo giai đoạn**

- (1) Phí nước thải trong trường hợp bình thường thì một năm được tính và thanh toán một lần.
- (2) Nếu như lượng nước thải được tính cho một số tháng gộp lại thì HWA có thể yêu cầu xem lại khối lượng nước thải đã thanh toán của lần trước, để từ đó có thể tính thanh toán cho từng phần. Thanh toán từng phần này là một phần nào đó cho khoảng thời gian tương đương với lượng nước thải đã thanh toán trong khoảng thời gian trước. Nếu việc tính toán như vậy mà không thể tiến hành được thì có thể tạm tính phần thanh toán dựa vào lượng nước thải trung bình của một khách hàng tương đương. Nếu khách hàng cho là lượng nước thải của mình còn thấp hơn nhiều thì điều này cũng cần xem xét lại cho thỏa đáng. Thanh toán theo giai đoạn thì lấy các mốc thời gian sau để thanh toán: ngày 15.02, 15.04, 15.06, 15.08 và 15.10 của năm lịch hiện tại. Ngoài ra HWA có thể ấn định khoảng thời gian lệch đi chút ít.
- (3) Nếu như việc thanh toán dựa vào lượng nước chảy qua đồng hồ thì việc đọc số nước trên đồng hồ được tiến hành vào các khoảng thời gian ấn định là ngày 01.12 của năm trước và 15.01 của năm tiếp theo. Việc tính toán lượng nước tiêu dùng vào khoảng thời gian của năm lịch đã qua được tiến hành với tỷ lệ thời gian là ngày. Phí tiêu thoát nước mưa được tính theo tỷ lệ thời gian là ngày.
- (4) Nếu đơn giá thay đổi thì khoản thanh toán từng phần được điều chỉnh thích hợp bằng cách nhân với hệ số giá thay đổi. Trong thay đổi giá tính toán thì lấy bước thời gian là ngày để tính với số ngày được thay đổi. Cơ sở cho tính toán là lượng nước tiêu dùng bình quân và lượng nước bổ sung khác trong ngày, tính theo năm lịch cũng như diện tích phải thu phí.
- (5) Khi quyết toán mà thấy khoản thanh toán từng phần đề ra quá cao thì có thể giảm và hoàn trả. Việc hoàn trả này tiến hành vào thời điểm thanh toán tiếp theo. Sau khi chấm dứt hợp đồng thì các khoản dư dôi hoặc phải hoàn trả lại hay yêu cầu trả tiếp.
- (6) Nếu kiểm tra đồng hồ mà thấy có sai số vượt sai số cho phép hoặc phát hiện ra có sự sai sót nào đó trong tính toán thì số tiền đã thanh toán nhiều hơn hoặc ít hơn thì phải trả

## **18. Thanh toán, thanh toán muộ n và từ chối thanh toán**

- (1) Về mặt nguyên tắc thì việc hoàn tất thanh toán là 14 ngày sau khi nhận được hóa đơn đề nghị thanh toán. Còn thanh toán từng phần thì thời hạn thanh toán lại do phía HWA ấn định.

- (2) Trong trường hợp thanh toán muộn cho các khoản nợ hay thanh toán từng phần thì cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng còn phải trả thêm khoản tiền lãi vay ngân hàng và tiền nhắc nhở chiếu theo bảng giá hiện hành.
- (3) Phản đối việc thanh toán cho khoản cần thanh toán hoặc khoản thanh toán từng phần chỉ được công coi là hoãn thanh toán hoặc từ chối chưa thanh toán trong trường hợp:
  - d) Còn lỗi nào đó trong điều kiện hoàn cảnh hiện tại và
  - e) Nếu hoãn thanh toán hoặc từ chối thanh toán trong vòng 2 năm sau khi nhận được hóa đơn thanh toán có lỗi hoặc phải tính bù trừ lại.

## **19. Thanh toán trước**

- (4) HWA có quyền đòi thanh toán trước cho lượng nước thải phát sinh trong một khoảng thời gian nếu như trong trường hợp cụ thể có sự nghi ngại nào đó là cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng không chịu hoàn thành nghĩa vụ trả phí kịp thời và để dây dưa thời gian.
- (5) Thanh toán trước được tính dựa vào lượng nước thải của khoảng thời gian hạch toán trước đó hay lượng nước thải trung bình của hộ tương đương. Nếu cá nhân được kết nối/khách hàng cho là lượng nước thải của mình còn thấp hơn nhiều thì điều này cũng cần được xem xét và giải quyết thỏa đáng như sau: Thời gian thanh toán kéo dài nhiều tháng và HWA có thể tính thanh toán từng phần và việc thanh toán trước cũng tính cho các phần. Việc thanh toán của lần trước thì lần sau được kết toán.

## **20. Khoản đối ứng bằng tiền**

- (6) Nếu cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng không có khả năng thanh toán trước thì HWA yêu cầu có một khoản thích hợp làm ứng đối.
- (7) Khoản ứng đối bằng tiền được tính lãi với mức lãi tương ứng do Ngân hàng châu Âu trung ương ban hành.
- (8) Nếu cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng trả chậm và sau khi nhận được phiếu yêu cầu thanh toán mới nhất mà vẫn còn trù trừ chưa trả theo như ký kết trong hợp đồng thì HWA có thể lấy khoản ứng đối bằng tiền để thanh toán và nói rõ trong phiếu yêu cầu thanh toán.
- (9) Khoản đối ứng được hoàn lại sau khi loại bỏ các điều kiện.

## **21. Tính bồi thường**

Để kháng lại các yêu cầu của HWA thì chỉ có thể tính với khoản bồi thường có lý do chính đáng hay có hiệu lực về mặt pháp lý.

## 22. Bảo mật số liệu cá nhân

HWA có trách nhiệm sử dụng các số liệu cá nhân cần thiết để tiến hành ký kết hợp đồng tiêu thoát nước thải. Trong đó phải lưu ý đến các qui định về luật bảo mật số liệu cá nhân do Liên bang và bang Sachsen-Anhalt ban hành trong việc sử dụng và bảo mật số liệu cá nhân. Mọi cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng phải tự nguyện đồng ý trong cung cấp số liệu của mình thông qua hệ thống xử lý số liệu tự động của HWA.

## 23. Từ chối không xử lý nước thải

- (1) Bên cạnh việc ngăn cản việc tiêu thoát thông qua chính quyền ở cấp cao hơn thì HWA có quyền nếu như cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng không thực hiện đúng các điều qui định của hợp đồng. Và việc từ chối là cần thiết để tránh những nguy hiểm rủi ro có thể xảy ra và bảo vệ an toàn cộng đồng cũng như để cho điều § 4 được thực thi, nghĩa là cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng phải vận hành hệ thống tiêu dẫn thừa đất mà không được làm ảnh hưởng đến những cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng khác, loại bỏ ảnh hưởng đến hệ thống của HWA và đến người thứ ba.
- (2) HWA có trách nhiệm tiếp nhận ngay lập tức việc xử lý nước thải nếu đã giải quyết xong các lý do từ chối không tiếp nhận và cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng phải chịu mọi phí tổn phát sinh trong quá trình ngừng và tiếp tục nhận xử lý nước thải.
- (3) HWA thông báo cho Ủy ban thành phố biết về việc từ chối xử lý nước thải theo khoản 1 và tái tiếp nhận theo khoản 2.

## 24. Phạt do vi phạm hợp đồng

- (1) Nếu cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng chủ ý hay sơ ý vi phạm các điều nghiêm cấm trong tiêu dẫn nước thải mà điều § 4 có qui định, thì HWA có quyền tính đến phạt do vi phạm hợp đồng. Trong đó, HWA có thể tính với mức cao nhất là gấp năm lần theo tỷ lệ lượng nước thải của khoảng thời gian trong năm trước. Nếu lượng nước thải của năm trước mà không xác định được thì lấy lượng nước thải của các cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng tương tự làm cơ sở tính với mức giá hiện hành. Điều này hoàn toàn đúng với cả trường hợp tự kết nối vào hệ thống tiêu thoát chung hay dẫn nước thải vào hệ thống mà không xin phép.
- (2) Nếu khoảng thời gian vi phạm không xác định được thì theo nguyên tắc của khoản 1 về khoảng thời gian được ấn định trở đi cho dài nhất là 1 năm.

## 25. Quyền xét xử các vụ tranh chấp

- (1) HWA ở thành phố Halle (Saale) có quyền xét xử đối với doanh nhân mà không thuộc vào nhóm ngành nghề được ghi trong điều 4 của luật thương mại, đối với cá nhân có tư cách pháp nhân thuộc bộ luật công cộng và các tài sản đặc biệt công cộng chịu điều chỉnh của pháp lý.

(2) Điểm này cũng có hiệu lực với các trường hợp sau:

- Nếu cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng hội tụ đủ quyền xét xử chung ở trong nước hay
- Nếu cá nhân tiếp nhận kết nối/khách hàng sau khi ký kết hợp đồng lại chuyển đi nơi khác thường trú ngoài khu vực quản lý của thành phố Halle (Saale) hoặc nơi ở hay địa điểm thường trú của cá nhân vào thời điểm truy tố không rõ.

## Phụ lục 1: Đơn xin tiêu thoát nước

### 1. Các thông số chung về thửa đất

Địa chỉ .....

Đường phố, số nhà .....

Mã số vùng, tỉnh .....

Ký hiệu của thửa đất .....

Hiện trạng sử dụng .....

(nhà ở, loại sử dụng cho sản xuất kinh doanh)

Loại sử dụng

khí  than  dầu  điện  khác

Kết nối với kênh tiêu hỗn hợp hay tách biệt

thông một ga kiểm tra  trực tiếp

Kết nối với kênh tiêu hỗn hợp hay tách biệt

thông một ga kiểm tra  trực tiếp

### 2. Các thông số chung về chủ thửa đất/chủ xây dựng

a) Họ và tên, địa chỉ của chủ sở hữu thửa đất

.....  
.....

Số điện thoại, fax: .....

b) Họ và tên, địa chỉ của chủ xây dựng/Đại diện của chủ xây dựng

.....  
.....

Số điện thoại, fax: .....

### 3. Các số liệu về nước thải

#### 3.1 Nước bẩn

Hình thức sử dụng	EW hay số dân	Qsd (l/ngày)	Hệ số giờ X	Qsx (l/s)
Sử dụng để ở			12*	
Sử dụng để kinh doanh				
Tổng				

\* Xem hướng dẫn cách tính nước bẩn

### 3.2 Lượng nước mưa

Tổng diện tích của thửa đất ..... m<sup>2</sup>

Diện tích được cứng hóa và cứng hóa từng phần:

	Tổng diện tích cứng hóa (m <sup>2</sup> )	Trong đó, có kết nối với hệ thống tiêu *
Diện tích có mái che (không kể mái xanh)	.....	.....
Diện tích mái có cây xanh	.....	.....
Beton/nhựa đường	.....	.....
Tấm beton, gạch beton, gạch block	.....	.....
Đá lát hờ xen kẽ	.....	.....
.....	.....	.....

\* Kết nối với hệ thống tiêu thoát: hoặc kết nối trực tiếp thông qua đường ống dẫn đến hệ thống kênh tiêu hoặc dẫn nước mưa dựa vào độ dốc hiện có

Ông/bà có

Hệ thống bể tích chứa nước mưa

Hệ thống làm ngấm nước mưa

Hệ thống làm chậm nước mưa

(với lượng xả nước mưa bị kéo dài thời gian vào hệ thống mạng)

Có hệ thống chảy tràn vào hệ thống nước thải công cộng?

Nếu có thì đề nghị cho các số liệu sau:

Diện tích được kết nối với hệ thống ..... m<sup>2</sup>

Dung tích của bể chứa/hệ thống ngầm ..... m<sup>2</sup>

Lưu lượng bị thu hẹp lại của hệ thống chậm lại ..... l/s

**Tổng lưu lượng nước mưa chảy vào hệ thống tiêu thoát công cộng ..... l/s**

Giải thích về việc lượng nước mưa còn lại mà không tiêu thoát vào hệ thống chung thì được dẫn đi đâu.

**Hướng dẫn:** Nếu để nước mưa ngấm hay tiêu dẫn vào dòng chảy thì cần phải lấy giấy phép của thành phố chiếu theo luật tài nguyên nước

.....  
.....

Đã làm đơn xin quyền tiêu theo luật nước chưa                      có                       chưa

Đã được cấp quyền đối tiêu theo luật nước chưa                      có                       chưa

Nếu “có” thì từ bao giờ .....  
(Thời gian)

Tôi đảm bảo những lời khai trên là đúng sự thật và hoàn chỉnh.

Địa điểm, thời gian .....

Chữ ký của chủ xây dựng/ chủ thửa đất.....

**Các tài liệu cùng nộp vào hồ sơ của đơn xin tiêu thoát theo 7 của AEB Nước thải**

- (1) Đơn xin tiêu thoát
- (2) Trong trường hợp có thể mô tả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà nước thải được dẫn tiêu ra, mô tả chủng loại, qui mô của sản xuất và số cán bộ công nhân viên
- (3) Trong trường hợp có thể mô tả hệ thống tiêu thoát của thửa đất với các hệ thống xử lý sơ cấp riêng có các thông số cơ bản sau
  - Số lượng và chất lượng của nước thải
  - Mô tả chức năng của hệ thống xử lý nước thải của doanh nghiệp
  - Việc xử lý các chất tồn lưu còn lại (ví dụ bùn)
  - Các vị trí phát sinh của nước thải trong doanh nghiệp
  - Tính toán thiết kế bộ phận tách dầu mỡ chiếu theo DIN EN 1825-2 của 2002, điểm 6.2.1 b
  - Tính toán trên cơ sở lưu lượng nước bản tối đa của bộ phận tách mỡ được tiêu từ hệ thống của nhà bếp
  - Tính toán thiết kế bộ phận tách nước nhẹ đối với dầu mỡ nấu nướng của nhà bếp theo DIN EN 858-2 (dung tích dòng chảy)
  - Tính toán thiết kế hệ thống xử lý nhỏ theo DIN 4261
- (4) Bản vẽ bình đồ mà có ký hiệu hướng bắc của thửa đất cần kết nối với tỷ lệ không nhỏ hơn 1:500 với các thông tin sau:

- Phổ và số nhà
- Ngôi nhà và diện tích cứng hóa
- Các danh giới của thửa đất và sở hữu
- Vị trí của hệ thống tiêu thoát đã tồn tại và đang qui hoạch xây dựng kể cả cống hố ga kiểm soát nước thải
- Vị trí và tuyến của đường ống và bể thu
- Số cây cối tồn tại xung quanh khu vực hệ thống tiêu thoát thửa đất.

(5) Bản vẽ mặt cắt ngang với tỷ lệ 1:100

(6) Bản vẽ mặt cắt dọc

(7) Bản vẽ mặt bằng của tầng hầm hay

(8) Khi sử dụng một hệ thống sử dụng nước mưa

- Chủng loại/Hãng sản xuất
- Địa điểm lắp ráp
- Thời gian xuất xưởng
- Năm cấp phép sử dụng
- Số hiệu của đồng hồ đo nước

(9) Hệ thống nước thải cần được xây dựng và thể hiện theo DIN 1986-100. Cơ sở cho tất cả các công trình kỹ thuật là các qui định của DIN và các văn bản hướng dẫn của ATV và các giấy tờ mẫu. HWA có quyền yêu cầu bổ sung thêm cho các tài liệu hồ sơ.

### Hướng dẫn phương pháp tính lượng nước bẩn

	Lượng nước bẩn phát sinh	
Bệnh viện		lít/ngày giường
Doanh trại		lít/ngày người
Văn phòng		lít/ngày người
Khu điều dưỡng y tế		lít/ngày người
Cửa hàng, siêu thị		lít/ngày nhân công
Trường học (250 ngày/năm) không có hệ thống tắm		lít/ngày học sinh
Trường học (250 ngày/năm) có hệ thống tắm		lít/ngày học sinh
Cơ sở thể thao có hệ thống tắm		lít/ngày vận động viên
Bể bơi hay nhà bơi		lít/người
Khách sạn	40-970	lít/ngày giường
Trung bình	241	lít/ngày giường

Nhà dưỡng lão	150	lít/người ngày
Quán ăn, nhà hàng	45-60	lít/ngày 1 chỗ ngồi
Nhà trẻ	100 lít	Tối đa 400 lít/ngày người)
Lò sản xuất bánh - Người làm công	100...500	lít/ngày nhân viên
- Làm vệ sinh	10...15	lít/ngày người làm vệ sinh
- Sản xuất	40...50	lít/100 kg bột
Cửa hàng làm tóc (kể cả khách)	150...200	lít/ngày nhân viên
Sản xuất đồ uống (kể cả sản xuất)		250...3000 lít/1000 lít bia
Xưởng giặt	250...300	lít/100 kg vải giặt
Trại vắt sữa tươi	1-1,5	lít/lít sữa
	4000-5000	lít/ngày (i.M)
Chế biến thịt (không có sản xuất)	150-200	lít/ngày nhân viên
Chế biến thịt (có sản xuất)	400-500	lít/ngày

Giá trị lưu lượng bình quân đối với khu dân cư được lấy từ văn bản hướng dẫn của ATV, được xác định trên cơ sở của qui mô lưu vực. Đối với thành phố Halle thì được nhân với hệ số giờ là 1/12. Hệ số giờ x đối với lưu lượng của sản xuất tiểu thủ công nghiệp thì bằng thời gian sử dụng hàng ngày của công trình tương ứng.

#### Các bước tính nước thải sản xuất

1. Xác định
2. Tính ngược lại về giá trị
3. Ấn định hệ số giờ x (thời gian sử dụng trong ngày)
4. Tính giá trị lưu lượng trung bình Qsm

$$Q_{sm} = Q_{sd} (l/ngày) / (x * 3600) (l/s)$$

Đối với khu vực thành phố Halle thì tính với lượng nước bản phát sinh là 110 l/người \* ngày. Đối với việc sử dụng cho các mục đích sản xuất kinh doanh và sản xuất tiểu thủ công khác nhau thì dựa vào DWA (DWA văn bản hướng dẫn, DWA-A-251, tháng mười một 1998) thì có các thông số sau:

#### Biểu 2 (Gốc: Nhu cầu nước riêng)

\*1 DVGW văn bản hướng dẫn, tháng giêng, 1995

\*2 Dựa vào DWA-A122 và DVGW văn bản hướng dẫn 410

## Phụ lục 2: Các giá trị ngưỡng cho trường hợp tiêu dẫn trực tiếp

### 1. Các thông số chung

a) Nhiệt độ	35°C
b) pH	6,5 – 10
c) Các chất phân hủy	10 ml/l (0,5 h kết tủa theo Imhofftrichter)

### 2. Các chất hữu cơ

2.1 COD	2000 mg/l Nếu vượt giá trị ngưỡng này thì tỷ lệ COD:BOD <sub>5</sub> <=2:1
2.2 Lipophile nặng theo DIN H 56 (dầu kiềm, mỡ và axit béo)	200 mg/l
2.3 Chỉ số hydro cacbon DIN EN ISO 937-2	20 mg/l
a) Hợp chất halogen hữu cơ dễ hấp thụ (AOX) DIN EN 1485/H 14	0,5 mg/l
b) Halogen hydro cacbon dễ bay hơi (LHKW) DIN EN ISO 10301	0,5 mg/l
2.4 Phenole hóa hơi nước	100,0 mg/l
2.5 Các chất màu	Cho phép ở nồng độ thấp để sau khi dẫn nước thải đã qua xử lý cơ học, sinh học vào dòng chảy mà với mắt thường không thể nhận thấy được

### 3. Các chất vô cơ (hòa tan và không hòa tan)

Antimon	(Sb)	0,3 mg/l
Thạch tín	(As)	0,3 mg/l
Barium	(Ba)	2,0 mg/l
Chì	(Pb)	2,0 mg/l
Cadimi	(Cd)	0,2 mg/l
Chrom	(Cr)	1,0 mg/l
Chrom VI	(Pb)	0,2 mg/l
Cobalt	(Co)	1,0 mg/l
Đồng	(Cu)	1,0 mg/l
Nickel	(Ni)	1,0 mg/l
Selen	(Se)	1,0 mg/l

Bạc	(Ag)	0,5 mg/l
Thủy ngân	(Hg)	0,05 mg/l
Thiếc	(Sn)	5,0 mg/l
Kẽm	(Zn)	5,0 mg/l

#### 4. Các chất vô cơ

Nitơ từ Ammoni và Amoniak	200,0 mg/l
Nitrit	20,0 mg/l
Cyanid, tổng	10,0 mg/l
Cyanid, dễ phân hủy	0,2 mg/l
Sulfat	600,0 mg/l
Sulfit	2,0 mg/l
H <sub>2</sub> S (quá trình lỏng)	1,0 mg/l
H <sub>2</sub> S (quá trình khí)	10,0 mg/l
Fluorid	20,0 mg/l
Hợp chất phosphor, được tính là P	15,0 mg/l

### Phụ lục 3: Phiếu thu thập thông tin – Xác định diện tích bị cứng hóa / Dẫn tiêu nước mưa vào hệ thống tiêu thoát

Người gửi:

.....  
 .....  
 .....

Halle, ngày .....

Hallesche Wasser und Abwasser GmbH  
 Hòm thư 10 01 54  
 06140 Halle (Saale)

#### 1. Số liệu về thửa đất / chủ sở hữu thửa đất / người quản lý

Thửa đất ở Halle .....

(Mã số vùng, phố, số nhà của thửa đất)

Vị trí: ..... Ô: .....

Thửa đất thứ: .....

Mã số khách hàng của chủ thửa đất: .....

(Đề nghị lấy mã số ở thư gửi)

	Chủ sở hữu thửa đất	Người quản lý
Tên / Công ty:	.....	.....
Họ và tên:	.....	.....
Địa chỉ:	.....	.....
Số điện thoại	.....	.....

#### 2. Số liệu về diện tích của thửa đất, đề nghị tính diện tích bằng m<sup>2</sup> và làm tròn

2.1 Diện tích của thửa đất (tổng diện tích) ..... m<sup>2</sup>

2.2 Diện tích của thửa đất được cứng hóa và cứng hóa từng phần ..... m<sup>2</sup>

	Tổng diện tích bị cứng hóa	Trong đó bao nhiêu có kết nối với hệ thống chung*
Diện tích có mái (không kể mái xanh)	..... m <sup>2</sup>	..... m <sup>2</sup>
Diện tích mái được phủ xanh	..... m <sup>2</sup>	..... m <sup>2</sup>
Beton/nhựa đường	..... m <sup>2</sup>	..... m <sup>2</sup>
Tấm beton/gạch block/đá beton/đá tấm nhỏ/	..... m <sup>2</sup>	..... m <sup>2</sup>
...		
Lưới trồng cỏ	..... m <sup>2</sup>	..... m <sup>2</sup>
	..... m <sup>2</sup>	..... m <sup>2</sup>

\* kết nối với hệ thống chung có thể là kết nối trực tiếp bằng đường ống hoặc dẫn tiêu nước mưa nhờ vào địa hình dốc tự chảy.

Câu hỏi 3-5 chỉ trả lời nếu như ông bà có diện tích với kết nối với hệ thống tiêu thoát chung (trả lời vào 2.2 cột bên phải).

### 3. Ông/bà có bể tích nước mưa mà có bộ phận chảy tràn ra hệ thống tiêu thoát chung không?

(Kết nối ở đây là bể tích nước mưa di động)

có  không

Nếu có thì ông/bà cho biết các thông số sau:

- Diện tích mà bể chứa nước mưa thu nạp được ..... m<sup>2</sup>
- Dung tích của bể chứa nước mưa ..... m<sup>3</sup>

Ông/bà có sử dụng nước mưa của bể này để làm nước sinh hoạt cho cả năm không? Ví dụ để xối nước vệ sinh hay cho các mục đích giặt giũ

có  không

### 4. Ông/bà có hệ thống điều hòa nước mưa tạm thời và sau đó xả từ từ ra hệ thống tiêu thoát chung không?

có  không

Nếu có thì ông/bà cho biết các thông số sau:

- Diện tích mà hệ thống điều hòa nước mưa thu nạp được ..... m<sup>2</sup>
- Lưu lượng mà hệ thống có thể xả ..... l/s
- Dung tích của hệ thống chậm nước mưa ..... m<sup>3</sup>

**5. Ông/bà có hệ thống ngầm nước mưa có hệ thống chảy tràn ra hệ thống tiêu thoát chung không?**

có  không

Nếu có thì ông/bà cho biết các thông số sau:

- Diện tích mà hệ thống ngầm nước mưa thu nạp được ..... m<sup>2</sup>
- Dung tích của hệ thống ngầm nước mưa ..... m<sup>3</sup>

**6. Nước mưa của thửa đất nếu không bị tiêu thoát ra hệ thống tiêu thoát chung không thì đi đâu?**

(Mô tả ngắn gọn)

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Nếu có sự thay đổi về mức độ cứng hóa diện tích được nêu ở điểm 2 phần trên thì tôi có trách nhiệm đi báo bằng văn bản trong vòng 2 tuần cho HWA GmbH.

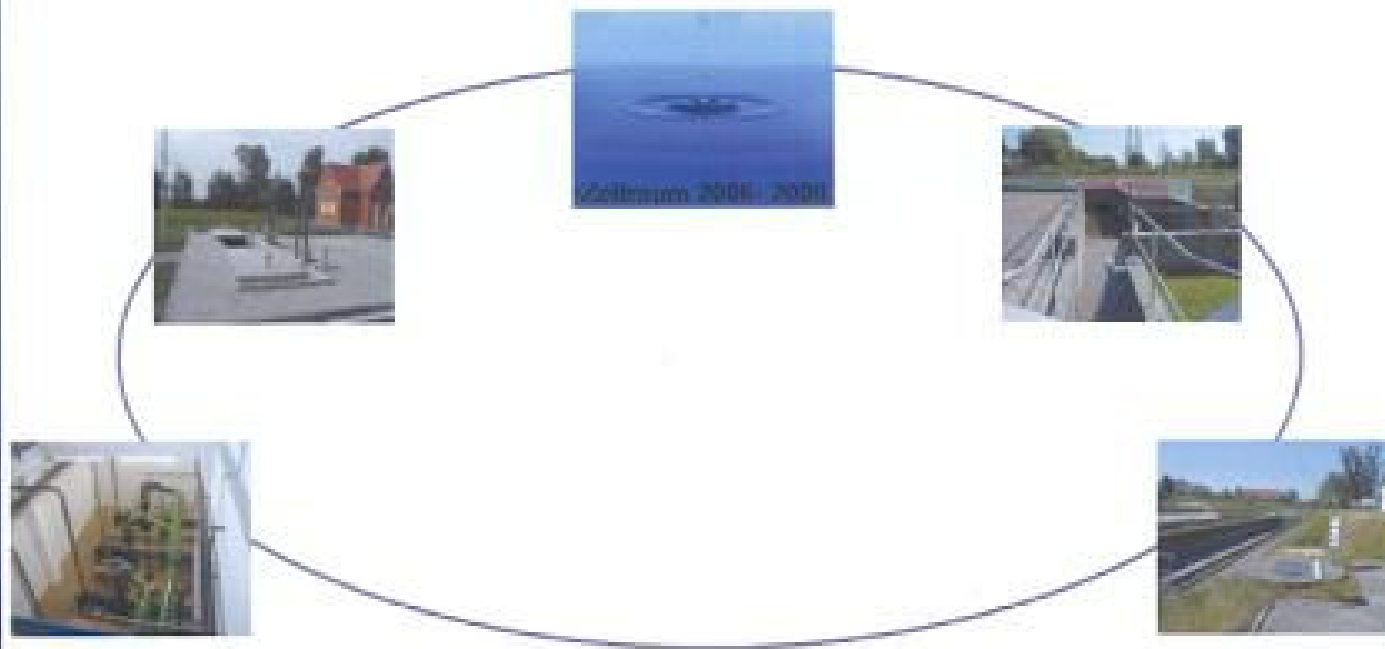
Tôi đảm bảo những lời khai trên là đúng và hoàn chỉnh.

.....  
Địa điểm, thời gian

.....  
Chữ ký của chủ sở hữu thửa đất/ người quản lý

## **7. Quy hoạch xử lý nước thải ở thành phố Halle**

# Abwasserzielplanung am Beispiel der Stadt Halle/S.



## Quy hoạch mục tiêu xử lý nước thải trên ví dụ thành phố Halle/S

### **Bố cục**

#### Phần 1

Tình hình xử lý nước thải ở thành phố Halle trong năm 1990 và tính cần thiết của một quy hoạch mục tiêu xử lý nước thải

#### Phần 2

Đặt quy hoạch mục tiêu xử lý nước thải trong quy hoạch tổng quan của thành phố Halle

#### Phần 3

Nội dung và mục tiêu của quy hoạch mục tiêu xử lý nước thải

#### Phần 4

Quy hoạch xử lý nước thải chung như là cơ sở của việc xây dựng một quy hoạch mục tiêu xử lý nước thải

#### Phần 5

Giải thích ý nghĩa và cơ chế tác động của một quy hoạch mục tiêu xử lý nước thải của thành phố Halle/S. dựa trên ví dụ của khu vực Halle-Süd

#### Phần 6

Tổng kết các kết quả có được trên cơ sở quy hoạch mục tiêu xử lý nước thải của thành phố Halle/S.

## Tình hình xử lý nước thải trong năm 1990

### Tình trạng và xí nghiệp

- Các thiết bị không phù hợp với các chuẩn mực chung của kỹ thuật
- Do thiết bị lỗi thời nhiều sự cố trong vận hành đã xảy ra
- Phần lớn thiết bị cần phải được tu bổ

### Xử lý nước thải/ Mức kết nối

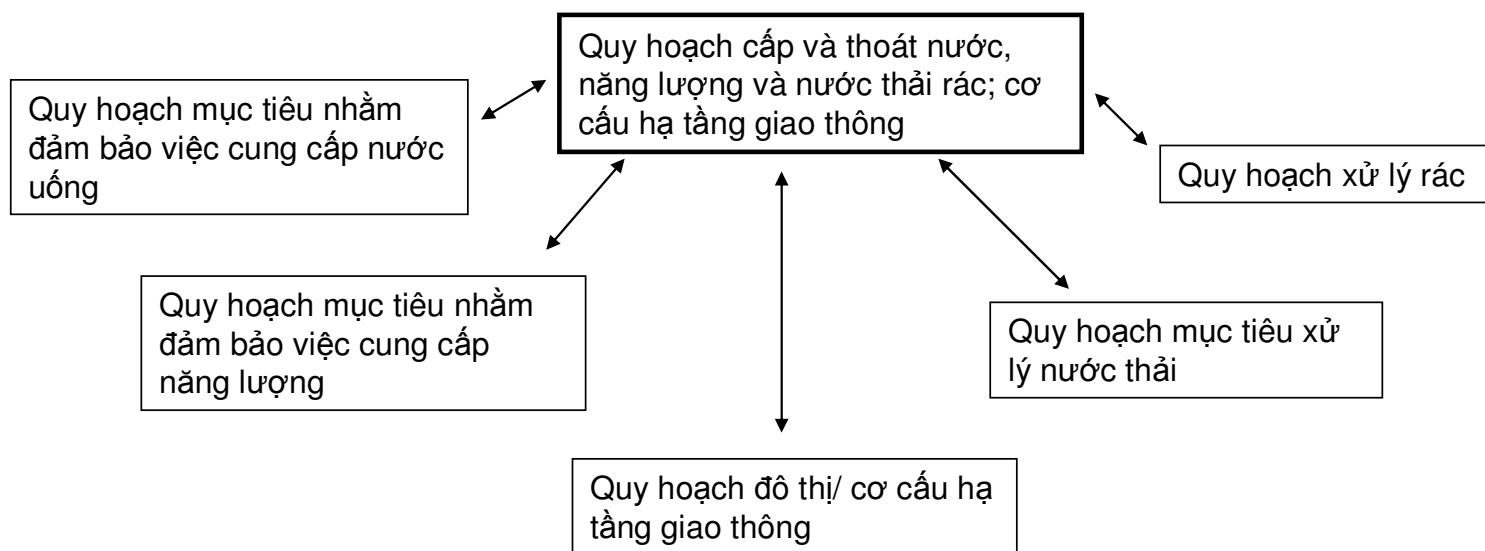
- Chỉ khoảng 25% lượng nước thải được xử lý ở công đoạn sinh học
- Nhiều trạm xử lý nước thải xử lý nước thải từ các vùng không được kết nối trung tâm
- Phần lớn các vùng ngoại ô của thành phố không có đường ống dẫn hoặc không được kết nối với một trạm xử lý

### Tình hình chung

- Không có quy hoạch mục tiêu xử lý nước thải; các yêu cầu pháp lý (WHG; 7a) không được đáp ứng

## Quy hoạch mục tiêu xử lý nước thải trên ví dụ thành phố Halle/S

### Quy hoạch mục tiêu xử lý nước thải như là quy hoạch chuyên ngành



•Điều phối các biện pháp trọng tâm thông qua phòng chuyên môn Quy hoạch đô thị/xây dựng công trình ngầm:

Danh mục nhu cầu: Mở rộng đường phố/giao thông công cộng ở đô thị (tàu điện); Cấp và thoát – khung thời gian từ 3-5 năm

•Chương trình điều phối hàng năm cho tất cả các biện pháp xây dựng công trình ngầm và xây đường của thành phố (kỹ thuật số)

## Quy hoạch mục tiêu xử lý nước thải trên ví dụ thành phố Halle/S

### Các mục tiêu của một quy hoạch mục tiêu xử lý nước thải

Trao đổi về các mục tiêu phát triển căn cứ vào các điều kiện khung pháp lý

Xác định các biện pháp nhằm thích ứng hoá các thiết bị kỹ thuật xử lý nước thải với các nguyên tắc kỹ thuật

Kết hợp phương án tu bổ kỹ thuật xây dựng và phương án thủy lực học: TỐI ƯU HOÁ!

Xác định các chiến lược tu bổ và mở rộng đối với các hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;

Quy hoạch thời gian và trình tự ưu tiên

Dự đoán về các chi phí/ Các mô hình tài chính/Lệ phí

Quy hoạch mục tiêu xử lý nước thải trên ví dụ thành phố Halle/S

**Quy hoạch xử lý nước thải chung như là cơ sở  
của việc xây dựng một quy hoạch mục tiêu xử lý nước thải**

**Nhằm thực hiện các nhiệm vụ cần phải có nhân sự có trình độ cho việc theo  
đuổi dự án và cho việc điều phối;**

**Cập nhật hoá trong những quãng thời gian nhất định; tối đa là 10 a**

**Các bước đi trong công việc:**

- Điều tra sơ bộ và tiến hành đo kỹ thuật hệ thống cống dẫn cùng với các công trình xây dựng có liên quan; xây dựng và thường xuyên cập nhật địa đồ ống dẫn,
- Thu thập và kiểm tra số liệu về các khu vực kết nối như mức sử dụng nước, thành phần nước lạ, hệ thống xả nước gián tiếp, nơi xả nước bẩn có cường độ cao, số lượng dân cư v.v.
- Phân chia nhỏ các khu vực nối kết
- Thu thập số liệu và đánh giá tình trạng xây dựng của hệ thống thoát nước thông qua phương pháp quay phim và xây dựng một đề án tu bổ xây dựng

## Quy hoạch mục tiêu xử lý nước thải trên ví dụ thành phố Halle/S

### **Quy hoạch xử lý nước thải chung như là cơ sở của việc xây dựng một quy hoạch mục tiêu xử lý nước thải**

- Xây dựng một quan niệm khung cho việc xử lý nước hỗn hợp thông qua việc tính toán lượng ô nhiễm với mục tiêu đảm bảo xả lượng ô nhiễm đúng quy định vào sông hồ
- Lập mô hình lâu dài về việc tính lượng ô nhiễm của hệ thống cống dẫn để đánh giá hiện trạng và dự báo
- Tính toán thủy lực học, trong đó đặc biệt lưu ý đến tình trạng ú nước để đánh giá hiện trạng và dự báo
- Tiến hành đo và định cỡ các chương trình thủy lực và kiểm tra kết quả tính toán; đối chiếu với các kết quả trong thực tế (số lần chữa cháy; khiếu nại của người dân).

## Quy hoạch mục tiêu xử lý nước thải trên ví dụ thành phố Halle/S

### Quy trình lập kế hoạch

Các quy định pháp lý

Các giá trị giới hạn trong việc xả nước thải, hạn định tu bổ đối với các trạm xử lý nước thải

Căn cứ vào quy hoạch mục tiêu xử lý nước thải

Tu bổ/đình chỉ hoạt động các trạm xử lý nước thải

Các yêu cầu đối với việc lập quy hoạch chung về xử lý nước thải

Tìm hiểu các số liệu về công suất, sơ thảo các phương án giải quyết, luận chứng về phương án được ưu tiên, chi phí

Định nghĩa các giải pháp

Đình chỉ hoạt động tất cả các trạm xử lý nước thải  
Chuyển nước thải đến trạm xử lý nước thải trung tâm  
Xây dựng các chỗ chứa nước hỗn hợp

Quy hoạch

Quy hoạch các đường dẫn ở Osendorf, Radewell,

Tiến hành xây dựng

Xây dựng các công trình từ 1998-2003

## Quy hoạch mục tiêu xử lý nước thải trên ví dụ thành phố Halle/S

### **Các lợi thế của việc thực hiện quy hoạch mục tiêu xử lý nước thải**

Đảm bảo các yêu cầu pháp lý thông qua việc xây dựng tuần tự các cơ sở

Đảm bảo cơ sở đầu tư tài chính thông qua khung tài chính cố định trên cơ sở  
hạch toán phí nước thải

Sát nhập các cơ sở thiết bị mới xây dựng một cách tối ưu trên phương diện công  
nghệ vào hệ thống chung

Lưu ý mọi thông số từ quy hoạch khung (quy hoạch sử dụng diện tích)

Lưu ý các khía cạnh vượt trên phạm vi địa phương; tác động tương hỗ  
thông qua việc xả/xử lý nước thải từ các địa phương và các liên đoàn khác

Phản ứng trước các xu hướng phát triển thông qua việc  
cập nhật đều đặn quy hoạch mục tiêu; tối ưu hoá các giải pháp đang có  
(không xây dựng các cơ sở có quy mô quá lớn, không đầu tư sai)

## **8. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cấp thoát nước thành phố Halle – Halphus Nước**

**Hallesche Wasser  
und Abwasser  
GmbH**

**Công ty trách nhiệm hữu  
hạn cấp thoát nước  
thành phố Halle**

**Halplus  
Wasser**

**Halplus  
Nước**



***Đơn giá nước sạch, nước bản và  
nước mưa***

*Bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01 tháng giêng năm 2007*

# Nước bây giờ chi phí hết bao nhiêu trong từng trường hợp

Đồ thị

**Đề nghị hãy gọi điện cho chúng tôi nếu bạn có hỏi gì về nước sạch và nước thải**

**Số điện thoại (0345) 5816006 hoặc  
đến trực tiếp Nhà máy nước của thành phố**

**Trung tâm dịch vụ khách hàng mở cửa  
thứ 2 đến thứ tư và thứ năm từ 8.30 đến 16.30 giờ,  
thứ ba cho đến 18.00 giờ và thứ sáu đến 15.00 giờ**

**Công ty trách nhiệm hữu hạn cấp thoát nước thành phố Halle  
(Hallesche Wasser und Abwasser GmbH)**

Hallesche Wasser und Abwasser GmbH  
Bornknechtstrasse 5  
05108 Halle (Saale)  
ĐT (0345)581-0  
Fax (0345) 581-67-67  
[Info@hwa-halle.de](mailto:Info@hwa-halle.de)  
[www.wasser-halle.de](http://www.wasser-halle.de)  
Công ty cấp thoát nước của thành phố  
Halle

## 1. Đơn giá nước sạch



Đơn giá nước sạch là tổng của đơn giá cơ sở và đơn giá tính theo khối lượng nước. Do nước là một loại thực phẩm đối với con người nên được tính với mức thuế giá trị gia tăng do nhà nước qui định là 7%.

### 1.1 Đơn giá cơ sở

Một đơn giá cơ sở (chưa điều chỉnh theo giá trị dân số - ND) là:

**Đã khấu trừ (Netto):** 0,097 Euro/Giá trị người dân và ngày

**Chưa khấu trừ (Brutto):** 0,104 Euro/Giá trị người dân và ngày<sup>1</sup>

Cơ sở để tính đơn giá cơ sở là lượng nước sử dụng bình quân đầu người trong năm 35 mét khối nước (m<sup>3</sup>) trên một đầu người trong năm. Đơn giá cơ sở được tính như sau:

Lượng nước tiêu dùng trong năm được đo tính ở đồng hồ đem chia cho 35 m<sup>3</sup>. Kết quả tính là giá trị người dân mà tính cho từng điểm kết nối mà thông qua đó lượng nước sạch được cung cấp.

Đơn giá cơ sở chính bằng nhân hệ số giá trị người dân với đơn vị giá cơ sở đã khấu trừ (netto) 0,097 Euro trong ngày và số ngày trong năm lịch.

Trong trường hợp mức tiêu dùng thấp hơn 35 m<sup>3</sup> thì giá trị người dân là 1,0.

### 1.2 Đơn giá tính theo khối lượng

Đơn giá tính theo khối lượng đối với nước sạch gồm:

**Đã khấu trừ (Netto):** 1,29 Euro/m<sup>3</sup>

**Chưa khấu trừ (Brutto):** 1,39 Euro/m<sup>3</sup>

Giá tính theo khối lượng được tính theo lượng nước sạch đã sử dụng. Cuối năm được đọc dựa vào chỉ số của đồng hồ nước.

---

<sup>1</sup> Giá trị này được làm tròn

## 2. Đơn giá nước bẩn

Đơn giá cho việc xử lý nước thải ở thành phố Halle được tách ra thành nước bẩn và nước mưa. Đối với đơn giá này thì áp dụng thuế giá trị gia tăng theo qui định của nhà nước là 19%.

### 2.1 Đơn giá cho việc tiêu thoát và xử lý nước bẩn

Đơn giá cho nước bẩn về mặt nguyên tắc được tính dựa vào lượng nước sạch tiêu dùng được đọc tại đồng hồ nước, cũng như lượng nước sạch khác được khai thác cũng như cung cấp cho thửa đất (hộ).

Đơn giá cho việc xử lý nước bẩn từ các hộ gia đình, các hộ tiểu thủ công nghiệp là:

**Đã khấu trừ (Netto):** 2,56 Euro/m<sup>3</sup>

**Chưa khấu trừ (Brutto):** 3,05 Euro/m<sup>3</sup>

Đơn giá cho việc tiêu thoát và xử lý nước bẩn mà trước đó đã được xử lý qua một hệ thống xử lý nước thải với qui mô nhỏ là:

**Đã khấu trừ (Netto):** 1,29 Euro/m<sup>3</sup>

**Chưa khấu trừ (Brutto):** 1,39 Euro/m<sup>3</sup>

Đơn giá cho việc tiêu thoát và xử lý đối với các loại nước khác (nước làm lạnh, nước ngưng, nước của hệ thống tiêu thoát) là:

**Đã khấu trừ (Netto):** 1,29 Euro/m<sup>3</sup>

**Chưa khấu trừ (Brutto):** 1,39 Euro/m<sup>3</sup>

### 2.2 Đơn giá cho việc tiêu thoát nước mưa

Đơn giá cho thoát nước mưa được tính tương ứng với diện tích tính toán. Diện tích tính toán ở đây được tính dựa vào diện tích của thửa đất đã được xây dựng hay được cứng hóa, diện tích xây dựng mà có khả năng làm tích nước mưa tại chỗ hay diện tích có tác dụng làm cho nước mưa ngấm xuống đất.

Đơn giá cho việc tiêu thoát nước mưa là :

**Đã khấu trừ (Netto):** 1,19 Euro/m<sup>2</sup> diện tích tiêu nước mưa năm

**Chưa khấu trừ (Brutto):** 1,42 Euro/m<sup>2</sup> diện tích tiêu nước mưa năm

Tất cả mọi hợp đồng của Công ty trách nhiệm hữu hạn cấp thoát nước HWA GmbH với các khách hàng của mình đều dựa vào các Qui định về các điều kiện chung trong việc cấp nước (AVBWasser) của 20.06.1980, các qui định bổ sung của HWA GmbH đối với AVBWasser, qui định về tiêu thoát và xử lý nước thải của thành phố Halle của 13.12.2006 và các điều kiện tiêu thoát chung đối với nước thải của HWA GmbH. Cùng với việc kết nối với hệ thống cơ sở hạ tầng tiêu thoát thì các điều kiện này được chấp thuận.

**9. Qui định về mức đóng góp và lệ phí cho tiêu  
thoát nước của Hiệp hội chuyên ngành  
JenaWasser - Tổng hợp mới nhất**

# JenaWasser

# Nr. 5/2002

Năm thứ 7

Văn bản chính thức của hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser được áp dụng chung cho các vùng thuộc hiệp hội quản lý là Jena, Camburg, Altenberga, Bucha, Dorndorf-Steudnitz, Frauenprießnitz, Großlöbichau, Hainichen, Laasdorf, Lehesten, Milda, Neuengönnna, Rothenstein, Schöps, Sulza, Tautenburg, Wichmar und Zöllnitz.

19 tháng 9 năm 2002

---

## **Quy định về mức đóng góp và tỉ lệ phí cho tiêu thoát nước của Hiệp hội chuyên ngành FenaWasser – Tổng hợp mới nhất**

# JenaWasser

# Nr. 5/2002

Năm thứ 7

Amtsblatt des Zweckverbandes JenaWasser fuer sein Verbandsgebiet mit den Mitgliedsgemeinden Jena, Camburg, Altenberga, Bucha, Dorndorf-Steudnitz, Frauenprießnitz, Großlöbichau, Hainichen, Laasdorf, Lehesten, Milda, Neuengönnna, Rothenstein, Schöps, Sulza, Tautenburg, Wichmar und Zöllnitz.

19. September 2002

---

## **Beitrags – und Gebuehrensatzung sur Entwässerungssatzung des Zweckverbandes FenaWasser – aktuelle Fassung.**

# JenaWasser

# Nr. 5/2002

Năm thứ 7

Văn bản chính thức của hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser được áp dụng chung cho các vùng thuộc hiệp hội quản lý là Jena, Camburg, Altenberga, Bucha, Dorndorf-Steudnitz, Frauenprießnitz, Großlobichau, Hainichen, Laasdorf, Lehesten, Milda, Neuengönnna, Rothenstein, Schöps, Sulza, Tautenburg, Wichmar und Zöllnitz.

19 tháng 9 năm 2002

## NỘI DUNG

Qui định về mức đóng góp và lệ phí cho tiêu thoát nước của Hiệp hội chuyên ngành JenaWasser - Tổng hợp mới nhất - .....	1
Qui định về đóng góp và đóng phí theo qui định tiêu thoát nước thải (BGS-EWS) của Hiệp hội chuyên ngành nước và nước thải của thành phố Jena của ngày 10.07.2001 .....	9
1. Qui định về thay đổi khoản đóng góp và lệ phí đối với qui định tiêu thoát (EGS-EWS) của Hiệp hội chuyên ngành nước và nước thải Jena của ngày 03 tháng 12 năm 2001 .....	17
2. Qui định về thay đổi khoản đóng góp và lệ phí đối với qui định tiêu thoát (EGS-EWS) của Hiệp hội chuyên ngành nước và nước thải Jena của ngày 30.04.2002.....	22
Thông tin chung của địa phương về việc báo cáo tổng kết năm 2001 của Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser .....	26
Các quyết định của lần họp hiệp hội chuyên ngành nước Jena Wasser lần thứ 64 .....	28
Quyết định thay đổi kế hoạch đầu tư cho cấp nước sạch và tiêu nước thải.....	28
Quyết định về những việc làm tiếp theo trong tranh chấp với Hiệp hội chuyên ngành cấp nước từ xa của Nord và Ostthüringen.....	28
Quyết định bổ sung cho hợp đồng xây dựng “Sophienhöhe” với công ty xây dựng Kathan Bauträger GmbH.....	29

### **Thông báo chung**

Lần họp hội tới của Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser sẽ được tổ chức vào thứ hai ngày 30.09.2002 vào lúc 17.30 giờ ở phòng họp 6.52 của Nhà máy Jena-Pöbneck GmbH, Rudolstädter Straße 39, 07745 Jena. Chương trình nghị sự trong cuộc họp công khai gồm các mục sau:

- Biên soạn tiếp phần phân tính toán chung (tính toán khoản, định mức) đối với các cơ quan hoạt động công ích trong lĩnh vực cấp và xử lý nước thải
- Qui định thứ hai về thay đổi qui định tiêu thoát nước của Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser
- Qui định thứ ba về thay đổi qui định hoạt động của Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser
- Qui định về ngân sách và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2003 (lần đọc đầu tiên) của Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser
- Thuê nhân viên thuế để làm báo cáo tổng kết năm 2002 cho Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser
- Tính lệ phí cho khoảng thời gian 2003 – 2006 của Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser
- Xây dựng hợp đồng sử dụng các kênh thu với công ty Jena-Pöbneck GmbH
- Xây dựng hợp đồng khai thác đối với khu qui hoạch xây dựng "Im Stiegel" ở vùng Schöps, thuộc địa phận Jägersdorf

Xin lưu ý: Số lượng chỗ ngồi trong phòng họp có hạn.

**JenaWasser**

## **QUY ĐỊNH VỀ MỨC ĐÓNG GÓP VÀ LỆ PHÍ CHO TIÊU THOÁT NƯỚC CỦA HIỆP HỘI CHUYÊN NGÀNH JENAWASSER – TỔNG HỢP MỚI NHẤT**

### **1. Thu phí**

Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser tính thu phí đúng mức của qui định này bao gồm các phí sau:

1. Các khoản thu/đóng góp dùng để bù đắp cho chi phí đầu tư cho xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng phương pháp sinh học với mức làm sạch sinh học cũng như cho các hệ thống thu gom chính và nhánh liên khu vực. Dĩ nhiên là các khoản thu này không được hỗ trợ, bù lỗ hay các hình thức khuyến khích khác. Khoản thu phí cho nước thải sẽ được tính dựa vào các mục (nguyên nhân) phát sinh chi phí.
2. Phí sử dụng bao gồm phí cho việc sử dụng cơ sở hạ tầng tiêu thoát nước công (phí thuê bao cố định, phí tiêu thoát nước thải vào hệ thống và phí cho xử lý nước thải).

3. Phí cho việc kết nối từ các thửa đất của cá nhân (hộ), nếu như việc tiêu thoát của thửa đất không phải là một phần của cơ sở hạ tầng tiêu thoát nước công theo qui định của điều § 1 của qui định về tiêu thoát (EWG).

## **2. Bản chất của phí**

Phí được tính cho các thửa đất đã được xây dựng, có thể xây dựng hoặc được sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh hoặc có thể được sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh, nếu các thửa đất đó theo điều § 4 EWG (qui định tiêu thoát) có quyền kết nối với hệ thống tiêu thoát chung. Phí được tính cho thửa đất thực tế có liên kết với hệ thống tiêu thoát hoặc được kết nối trên cơ sở thỏa thuận đặc biệt theo điều § 7 EWG.

## **3. Phát sinh nghĩa vụ nộp phí**

Nghĩa vụ đóng phí đối với các trường hợp sau:

1. Theo điều 2 khoản 1 nếu như mảnh, thửa của hộ có thể được liên kết với cơ sở hạ tầng tiêu thoát nước theo điều § 1 khoản 1,
2. Theo điều 2 khoản 2 mục 1. Nếu như thửa đất của hộ sau này có thể được liên kết với cơ sở hạ tầng tiêu thoát nước theo điều § 1 khoản 1.
3. Theo điều 2 khoản 2 mục 2 nếu như sau này có hợp đồng riêng trong liên kết với cơ sở hạ tầng tiêu thoát nước.

Nếu thời điểm được nêu ở câu 1 nằm vào khoảng thời gian trước khi qui định này có hiệu lực thì trách nhiệm nộp phí chỉ đúng khi qui định này có hiệu lực.

## **4. Cá nhân có nghĩa vụ nộp phí**

- (1) Cá nhân có nghĩa vụ nộp phí là người mà vào thời điểm đưa ra thông báo khoản phí phải nộp lại chính là chủ sở hữu thửa đất, người có quyền thừa kế hay chủ của quyền sử dụng cần thiết theo nghĩa hẹp của chương mục 233 điều § 4 của văn bản thi hành theo Bộ luật dân sự. Nhiều cá nhân có nghĩa vụ nộp phí là những người đang ghi nợ; việc sở hữu căn hộ và một phần sở hữu chính là những người có sở hữu hoặc một phần sở hữu của căn hộ và có nghĩa vụ nộp phí tương ứng với phần sở hữu của mình.
- (2) Nếu chủ sở hữu hoặc người thừa kế không được ghi danh trong sổ đỏ hay trong bất cứ một hồ sơ chứng từ nào có liên quan về quyền sở hữu, thì cá nhân tiếp theo sẽ thay vào vị trí đó mà vào thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả phí nước thải lại là chủ sở hữu của thửa đất. Trong trường hợp có nhiều chủ sở hữu thì mọi người đều có trách nhiệm trả phần phí nước thải của mình để làm sao tổng đúng bằng số tiền phải nộp.

## **5. Tính phí**

- (1) Khoản chi phí nước thải được tính với diện tích thửa đất có trọng số thông qua hệ số sử dụng. Nó là tích của diện tích (nêu ở mục 2) với hệ số sử dụng (nêu ở mục 3).
- (2) Diện tích của thửa đất (DTTD) được hiểu là:
  - a) Đối với thửa đất nằm trong khu vực có qui hoạch xây dựng thì DTTD chính là diện tích được cấp phép sử dụng.
  - b) Đối với thửa đất mà toàn bộ diện tích của nó nằm ngoài khu vực có hiệu lực về pháp lý của bản qui hoạch xây dựng (khu vực nội bộ mà không có qui hoạch xây

dựng) hay đối với thửa đất mà trong bản qui hoạch xây dựng không được xác định rõ cho việc sử dụng cho mục đích xây dựng, sản xuất kinh doanh hay một sử dụng tương đương nào đó, thì DTTD chính là diện tích được cấp phép sử dụng.

- c) Đối với thửa đất mà một phần nằm trong khu vực đã mô tả ở mục a) (điều § 33 BauGB = Bộ luật xây dựng) hay mục b) (điều § 34 BauGB) và một phần nằm ngoài (điều § 35 BauGB) thì DTTD chính là diện tích mà theo qui định về luật xây dựng được áp dụng để xem xét cho phép sử dụng.
- d) Đối với các thửa đất được phép sử dụng cho xây dựng nhưng nằm ngoài (điều § 35 BauGB) thì DTTD được tính bằng diện tích mặt bằng xây dựng nhân với hệ số 5. Sau đó diện tích này được coi là diện tích của công trình xây dựng và khoanh một diện tích có khoảng cách đều với danh giới với diện tích được tính. Nếu danh giới nằm ở ngoài thì lấy diện tích khác của thửa đất bù vào. Cuối cùng để làm sao mà diện tích thửa đất không bị vượt.

(3) Hệ số sử dụng được qui định như sau:

- a) Đối với thửa đất mà có thể sử dụng tương tự cho các mục đích xây dựng hay sản xuất kinh doanh (ví dụ thửa đất của nhà thờ, nghĩa trang, sân vận động, bãi để cắm trại, bãi tắm, bãi chơi hay các vườn loại nhỏ) hoặc sử dụng phần nào cho xây dựng hoặc phần nào cho sản xuất kinh doanh thì lấy hệ số sử dụng bằng 1,0.
- b) Đối với thửa đất mà có mức độ xây dựng là 1 tầng thì hệ số là 1,0, còn đối với các tầng tiếp theo thì tính với hệ số 0,5 tăng lên.

(4) Đối với số tầng nhà hoàn chỉnh theo tinh thần của mục 3 được hiểu là:

- a) Số tầng nhà hoàn chỉnh lớn nhất được qui định trong bản thiết kế xây dựng.
- b) Nếu như bản qui hoạch xây dựng được tiến hành theo thủ tục của điều § 33 BauGB thì tuân theo các qui định ở điều đó.
- c) Nếu bản qui hoạch xây dựng thay vì nêu số tầng mà lại đưa ra qui mô xây dựng thì ta lấy qui mô xây dựng đem chia cho 3,5; sau đó làm tròn số, nếu dưới 0,4 thì làm tròn xuống số dưới và nếu trên thì làm tròn lên số tiếp theo.
- d) Nếu như không có bản qui hoạch xây dựng hay trong bản qui hoạch xây dựng lại không qui định số tầng đầy đủ hay qui mô xây dựng thì trong trường hợp này buộc phải lấy số tầng hoàn chỉnh của các địa điểm xung quanh gần nhất mà được phép xây dựng.
- e) Nếu thửa đất nằm ngoài (theo điều § 35 BauGB) thì chính là con số về số tầng cho phép hay không cho phép nhưng tạm chấp nhận tồn tại.
- f) Số tầng hoàn chỉnh thực tế nếu con số này cao hơn số tầng theo được xác định theo mục 4 a) đến e).

(5) Số tầng nhà hoàn chỉnh là số tầng theo đúng nội dung của tập qui tắc xây dựng do bang Thüringen (ThürBauO) ban hành. Nếu đối với thửa đất mà chỉ qui định chiều cao cho phép của công trình xây dựng thì số tầng của các công trình xây dựng với số tầng hoàn chỉnh mà có chiều cao hơn 3,5 m và đối với ngôi nhà không có chia tầng hoàn chỉnh thì đem chia tổng diện tích cho diện tích của từng tầng. Số dư được làm tròn tương ứng với mục 4 c).

## 6. Bóc tách phí

Phí nước thải được tính cho:

- Xử lý nước thải tập trung bằng phương pháp sinh học và
- Hệ thống thu gom chính và nhánh (tính cho ngoài vùng)

## 7. Mức tính phí

Phí nước thải được tính cho:

- Xử lý tập trung bằng phương pháp sinh học và
- Hệ thống thu gom chính và nhánh (tính cho ngoài vùng)

với mức 0,51 € tính cho 1 mét vuông có trọng số diện tích của mảnh, thửa đất của hộ.

## 8. Thời hạn thanh toán

Phí nước thải phải được thanh toán sau khi nhận giấy báo 1 tháng.

## 9. Trả trước và trả theo khoản

- (1) Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser thu phí dưới dạng trả trước cho toàn bộ số phí theo tùy theo tiến độ xây dựng cho đến 80% của khoản nợ dự tính nếu như người ta đã bắt đầu thi công biện pháp xây dựng mà có nghĩa vụ trả phí.
- (2) Đối với việc trả trước thì giải quyết tương tự như theo điều 8.

## 10. Trả trước

- (1) Phí nước thải có thể được thanh toán trước khi phát giấy ghi nợ. Khoản thanh toán sớm được xác định tùy vào mức độ của khoản phí phải trả phát sinh dự kiến.
- (2) Đối với từng trường hợp cụ thể thì việc trả sớm đều được thỏa thuận giữa Hiệp hội JenaWasser và cá nhân có trách nhiệm trả phí. Về mặt pháp lý thì không có quyền yêu cầu trả sớm.

## 11. Trả tiền cho việc kết nối với thửa đất

- (1) Chi phí cho việc xây dựng, mua sắm, cải tạo, thay đổi hay dỡ bỏ cũng như bảo dưỡng một phần của kết nối thửa đất theo tinh thần của điều § 1 mục 3 EWS, mà phần kết nối không nằm trong phần nền đường công cộng thì chủ thửa đất có nghĩa vụ chi trả cho hiệp hội theo đúng mức chi phí phát sinh.
- (2) Yêu cầu thanh toán tiền được đưa ra khi biện pháp thi công kết thúc. Đối tượng chịu nợ (người có nghĩa vụ phải trả tiền) là cá nhân vào thời điểm phát sinh yêu cầu trả nợ là chủ sở hữu của thửa đất hay người thừa kế. Nếu có nhiều phải trả phí thì áp dụng điều § 8 về chủ nợ chung.

## 12. Thu lệ phí

Hiệp hội JenaWasser tiến hành thu lệ phí cho các thửa đất được kết nối vì đã sử dụng hệ thống tiêu thoát với phí thuê bao chiểu theo điều § 13 và phí tiêu dẫn của điều § 14; còn đối với thửa đất không có kết nối xong lại được tiêu thoát thì chiểu theo điều § 15 về việc xử lý nước thải.

**13. Phí thuê bao cố định**

- (1) Phí thuê bao cố định đối với các thửa đất (hộ) được kết nối tiêu thoát thì được tính theo đồng hồ đo lưu lượng nước cấp. Nếu như trong cùng một thửa đất mà hiện có nhiều đầu kết nối thì phí thuê bao cố định được tính cho tổng lưu lượng của các đầu kết nối riêng. Trong trường hợp mà không lắp đặt đồng hồ thì buộc phải ước tính mức lưu lượng gốc và trên cơ sở đó thì tính tổng lượng nước.
- (2) Phí thuê bao cố định trong trường hợp có đồng hồ đo lưu lượng nước theo mức sau:

đến 2,5 m <sup>3</sup> /h	5,00 € tháng
đến 6,0 m <sup>3</sup> /h	15,00 € tháng
đến 10,0 m <sup>3</sup> /h	30,00 € tháng
đến 15,0 m <sup>3</sup> /h bình thường	40,00 € tháng
đồng hồ chung	65,00 € tháng
đến 40,0 m <sup>3</sup> /h bình thường	50,00 € tháng
đồng hồ chung	75,00 € tháng
đến 60,0 m <sup>3</sup> /h bình thường	100,00 € tháng
đồng hồ chung	125,00 € tháng
đến 150,0 m <sup>3</sup> /h bình thường	150,00 € tháng
đồng hồ chung	175,00 € tháng
đến 200,0 m <sup>3</sup> /h bình thường	200,00 € tháng
đồng hồ chung	225,00 € tháng

**14. Phí tiêu thoát**

- (1) Phí tiêu thoát nước được trên cơ sở lượng nước thải được chuyển tiếp từ các thửa đất cá nhân đã được kết nối với hệ thống cơ sở hạ tầng tiêu thoát nước thành phố theo các mức sau.
- (2) Phí tiêu thoát tính theo lượng nước thải mà trong năm được tiêu thoát.

Phí được tính như sau:

## a) Đối với mét khối đầu tiên cho đến mét khối 50.000

- 2,13 €/m<sup>3</sup> cho thửa đất được nối với hệ thống xử lý nước thải sinh học tập trung
- 1,90 €/m<sup>3</sup> cho thửa đất được nối song không xử lý nước thải tập trung
- 1,20 €/m<sup>3</sup> cho các thửa đất được tiêu thoát ra hệ thống công cộng thông qua hệ thống xử lý nước thải độc lập chung nằm chính trên thửa đất và xây dựng theo chuẩn của DIN 4261 phần 2 (xử lý hoàn toàn bằng sinh học) hay một phương pháp chưa được chuẩn hóa song tương đương cho phép, ví dụ hồ chứa nước thải hay hệ thống xử lý nước thải bằng cây trồng.

## b) Từ mét khối thứ 50.001 trở lên

- 1,88 €/m<sup>3</sup> cho thửa đất được nối với hệ thống xử lý nước thải sinh học tập trung
- 1,65 €/m<sup>3</sup> cho thửa đất được nối song không xử lý nước thải tập trung
- 0,95 €/m<sup>3</sup> cho các thửa đất được tiêu thoát ra hệ thống công cộng thông qua hệ thống xử lý nước thải độc lập chung nằm chính trên thửa đất và xây dựng theo

chuẩn của DIN 4261 phần 2 (xử lý hoàn toàn bằng sinh học) hay một phương pháp chưa được chuẩn hóa song tương đương cho phép, ví dụ hồ chứa nước thải hay hệ thống xử lý nước thải bằng cây trồng.

c) Từ mét khối thứ 100.001 trở lên

- 1,62 €/m<sup>3</sup> cho thửa đất được nối với hệ thống xử lý nước thải sinh học tập trung
- 1,39 €/m<sup>3</sup> cho thửa đất được nối song không xử lý nước thải tập trung
- 0,69 €/m<sup>3</sup> cho các thửa đất được tiêu thoát ra hệ thống công cộng thông qua hệ thống xử lý nước thải độc lập chung nằm chính trên thửa đất và xây dựng theo chuẩn của DIN 4261 phần 2 (xử lý hoàn toàn bằng sinh học) hay một phương pháp chưa được chuẩn hóa song tương đương cho phép, ví dụ hồ chứa nước thải hay hệ thống xử lý nước thải bằng cây trồng.

Lượng nước được nêu ở câu 1 thì được tính riêng cho từng thửa đất (hộ).

Trong phí tiêu thoát đối với các thửa đất mà có kết nối với thì còn có chi phí cho việc xử lý cặn bã của bề phốt tự hoại mà được lấy từ thửa đất.

(3) Lượng nước thải của thửa đất chính là

- a) Lượng nước thải có xuất phát từ lượng nước được cung cấp cho thửa đất,
- b) Lượng nước được khai thác từ các giếng, hệ thống thu nước mưa bản và các hệ thống tự khai thác khác của khách hàng,

Sau đó đem khấu trừ cho lượng nước được trữ lại hay đã tiêu dùng trên thửa đất. Lượng nước này phải có minh chứng, nếu như việc khấu trừ này không vi phạm mục 5. Cá nhân có trách nhiệm chi trả phải có trách nhiệm chứng minh lượng nước này. Đối với các đơn vị sản xuất nông nghiệp lớn mà có chăn nuôi nhiều gia súc thì tạm tính lượng nước tiêu hao cho một đầu gia súc là 20 m<sup>3</sup>/năm mà được coi là một bằng chứng. Quan trọng ở đây là lượng gia súc có được trong năm qua để làm cơ sở tính.

Lượng nước được xác định dựa vào đồng hồ đo nước. Lượng nước này được Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser ước tính trong các trường hợp sau:

- a) Không có đồng hồ nước
- b) Không thể nào tiếp cận được đồng hồ nước và việc đọc số nước không tiến hành được
- c) Chỉ số đồng hồ nước trong trường hợp của khoản 3 mục 2 và liên quan với khoản 4 và mục 1, không được chủ thửa đất thông báo và/hay
- d) Có đầy đủ bằng chứng là đồng hồ nước không phù hợp với lượng nước tiêu dùng thực tế.

(4) Theo yêu cầu của Hiệp hội chuyên ngành nước chủ ghi nợ có trách nhiệm lắp đặt thiết bị đo nước để có thể xác định được lượng nước tiêu dùng theo tinh thần của khoản 3 mục 2 và việc lắp đặt phải đảm bảo theo đúng qui định chung. Mọi chi phí lắp đặt do chủ ghi nợ phải chịu. Chủ ghi nợ có trách nhiệm thông báo về chỉ số nước theo yêu cầu. Hiệp hội chuyên ngành nước có thể kiểm tra bất kỳ các trang thiết bị đo đếm thông qua một cơ quan đo lường hay một thanh tra chuyên làm công tác đo lường được nhà nước công nhận theo tinh thần của điều 6 khoản 2 của bộ luật đo lường. Chi phí cho việc kiểm tra thì chủ ghi nợ phải chịu nếu như sự chênh lệch vượt quá khuôn khổ giới hạn pháp lý cho phép, hay của hiệp hội qui định.

(5) Việc khấu trừ theo khoản 3 thì bị loại bỏ nếu

- a) Lượng nước với khối lượng đến 15 m<sup>3</sup>/năm được dùng làm nước tuần hoàn.

- b) Lượng nước được dùng cho hộ gia đình.
- c) Nước chạy tuần hoàn dùng cho mục đích sử dụng

### 15. Lệ phí cho việc xử lý nước thải

- (1) Lệ phí xử lý nước thải được tính dựa vào khối lượng nước thải được chuyển đi từ các thửa đất không có kết nối. Khối lượng nước thải được đo tính bằng một phương tiện thích hợp.
- (2) Lệ phí được tính
  - a) 17,90 €/m<sup>3</sup> nước thải hút từ bể không có đường tiêu thoát
  - b) 20,45 €/m<sup>3</sup> nước thải (có chứa bùn phân) từ hệ thống bể phốt của gia đình.

### 16. Thu tăng thêm lệ phí

- (1) Đối với loại nước thải mà việc xử lý nó còn bao gồm cả việc xử lý cặn bã bùn của bể phốt, nên đã phát sinh thêm chi phí và vượt quá chi phí trung bình của việc xử lý nước thải đơn thuần của hộ gia đình thì buộc phải trả tăng thêm lệ phí cho nước bẩn quá mức bình thường theo tinh thần của phụ lục 1, một thành phần của qui định này.

Phí thu tăng thêm cho nước bẩn khi nước thải đã vượt quá ngưỡng của phụ lục 1 qui định.

- (a) Loại I: 0,21 €/m<sup>3</sup>
- (b) Loại II 0,30 €/m<sup>3</sup>
- (c) Loại III 0,38 €/m<sup>3</sup>
- (2) Mục 1 được áp dụng cho bùn lắng đọng của bể phốt có chứa phân người và khi mức độ bẩn của nó vượt quá ngưỡng bình thường và phát sinh ra chi phí tương ứng với chi phí được nêu ở trên.

### 17. Phát sinh việc nợ phí

- (1) Số nợ phí tiêu thoát phát sinh khi dẫn nước thải vào hệ thống tiêu thoát chung. Số nợ phí xử lý phát sinh khi tiếp nhận các chất cần xử lý.
- (2) Số nợ phí thuê bao cố định đối với các thửa đất được kết nối thì được tính vào ngày đầu tiên, mà ngày tiếp theo là thời điểm xây dựng xong và đưa vào sử dụng hệ kết nối; Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser sẽ thông báo bằng văn bản cho chủ nợ. Theo thông thường thì số nợ phí thuê bao cố định được tính bằng phí trung bình ngày trong năm.

### 18. Người nợ phí

- (1) Người nợ phí là người mà vào thời điểm của phát sinh nợ phí chính là chủ sở hữu thửa đất hay tương tự, là người có quyền sử dụng thửa đất. Người nợ phí cũng có thể là người mà sở hữu của một doanh nghiệp đóng trên thửa đất. Nhiều chủ nợ phí thì đóng vai trò của nợ phí chung.
- (2) Nếu tình trạng về sở hữu hay quyền pháp lý không được giải thích thì người có trách nhiệm nộp phí là người mà vào thời điểm phát sinh trách nhiệm nộp phí là chủ nhân của thửa đất. Trong trường hợp có nhiều chủ nhân thì mỗi cá nhân phải nộp một khoản tương ứng với phần của mình trong thửa đất đó.

### **19. Thanh toán, thời hạn thanh toán, trả trước**

- (1) Việc tiêu dẫn hay xử lý nước thải về cơ bản là phải trả tiền hàng năm. Phí cơ bản và phí dẫn tiêu cũng như phí xử lý phải được thanh toán trong vòng 1 tháng sau khi có giấy báo thu phí.
- (2) Hiệp hội chuyên ngành nước có thể yêu cầu phải nộp trước theo định kỳ một khoản tương ứng so với khoản phí nợ. Khoản phí nợ được tính dựa vào khoản phí nợ kỳ trước phát sinh hoặc trong một số trường hợp có thể tính khoản phí nợ kỳ vọng. Nếu không có số liệu tính toán của năm trước thì Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser ấn định mức phí trả trước theo ước tính của lượng nước thải tiêu dẫn năm.
- (3) Trong khoảng thời gian thanh toán nếu có sự thay đổi mức phí do thay đổi qui định thì lượng nước có khả năng hiện thực để làm cơ sở tính phí mới được tính theo tỷ lệ thời gian.
- (4) Có sự chênh lệch so với mục 1 thì Hiệp hội có thể ấn định việc hạch toán tiêu dùng có sự thay đổi.

### **20. Trách nhiệm của cá nhân ghi nợ khoản đóng góp và phí**

Cá nhân nợ khoản đóng góp và phí thì có trách nhiệm trình báo ngay cho hiệp hội JenaWasser những thay đổi đáng kể mà ảnh hưởng đến mức phí nợ cũng như thông báo về qui mô của những thay đổi này – Tùy theo yêu cầu cụ thể mà phải cung cấp một số tài liệu tương ứng nhất định –

## Phụ lục 1 đối với điều 16 - Thu thêm phụ phí gia tăng

### Danh mục các giá trị ngưỡng đối với các loại nước thải dẫn vào hệ thống nước thải công cộng của hiệp hội chuyên ngành JenaWasser.

Đối với việc dẫn thải trong các cấp hạng riêng thì ta lấy trị số trung bình của các lần lấy mẫu của một năm. Mỗi năm phải tiến hành lấy mẫu ít nhất là 4 lần.

### Biểu các giá trị ngưỡng để xếp hạng phụ phí gia tăng

Loại chất chứa trong nước thải	Đơn vị	Hạng		
		I	II	III
COD	mg/l	2600	3600	4600

Qui định này được tập hợp dựa vào các qui định từng phần mà đã được thông báo chung ở tờ báo Thüringer Staatsanzeiger cũng như những qui định về thay đổi chi tiết theo tinh thần của điều § 23 khoản 1 (GKG) với điều § 21 khoản 3 của ThürKO mà đã được công bố công khai trước đây. Những lỗi do vi phạm về qui trình làm việc và qui định về hình thức mà không phải là lỗi phát sinh trong quá trình in ấn thì Hiệp hội chịu trách nhiệm toàn bộ.

Đề nghị viết bằng văn bản những lỗi này. Nếu những lỗi sai phạm này sau khoảng thời gian hạn định là một năm sau khi đã thông báo công khai thì không còn được xem xét nữa.

Qui định này được ban hành vào ngày 18.06.2001 trên cơ sở của quyết định số 024/01. Văn phòng quản lý công tác hành chính của bang Thüringen, cùng với công văn số 204.1524.20-006/01-J của ngày 06.07.01, đã xác nhận việc ban hành theo điều § 23 mục 1 câu 1 của Bộ luật về các công tác cộng đồng của địa phương (GKG) cùng với điều § 2 khoản 5 câu 2 của Bộ luật thu phí địa phương và có hiệu lực sau khi thời hạn pháp lý của thông báo chung đã kết thúc.

## Qui định về đóng góp và đóng phí theo qui định tiêu thoát nước thải (BGS-EWS) của Hiệp hội chuyên ngành nước và nước thải của thành phố Jena của ngày 10.07.2001

Trên cơ sở của điều §§ 19, 20 và 26 mục 2 số 2 của qui định chính quyền địa phương (huyện, xã, Thüringer Kommunalordnung – ThürKO) của ngày 16.08.1993 (GVBl tr. 501) trong qui định của việc công khai tài liệu mới của ngày 14.04.1998 (GVBl. trang 73), của §§ 2, 7, 12 và 14 của bộ luật nộp phí của Thüringen (ThüKAG) của 07.08.1991 (GVBl. trang 329), đã được thay đổi thông qua luật của 28.06.1994 (GVBl trang 796), của 10.11.1995 (GVBl trang 342), của 23.07.1998 (GVBl trang 247), của 15.12.1998 (GVBl trang 427), của 17.12.1999 (GVBl trang 626), của 18.07.2000 (GVBl trang 178), trong qui định của công bố chung tài liệu mới của 19.09.2000 (GVBl trang 301), cuối cùng được thay đổi thông qua luật của 19.12.2000 (GVBl trang 418) cũng như của điều § 20 khoản 2 của luật về công tác cộng đồng địa phương của 11.06.1992 (GVBl trang 232), cuối cùng được thay đổi thông qua luật thay đổi lần thứ nhất của 10.11.1995 (GVBl trang 346), thì Hiệp hội chuyên ngành nước Jena ban hành vào ngày 18.06.2001 qui định đã được ký kết sau:

### 1. Thu phí

Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser tính thu phí đúng mức của qui định này gồm các phí sau:

4. Các khoản thu/đóng góp dùng để bù đắp cho chi phí đầu tư cho xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng phương pháp sinh học với mức làm sạch sinh học cũng như cho các hệ thống thu gom chính và nhánh liên khu vực. Dĩ nhiên là các khoản thu này không được hỗ trợ, bù lỗ hay các hình thức khuyến khích khác. Khoản thu phí cho nước thải sẽ được tính dựa vào các mục (nguyên nhân) phát sinh chi phí.
5. Phí sử dụng bao gồm phí cho việc sử dụng cơ sở hạ tầng tiêu thoát nước công (phí thuê bao cố định, phí tiêu thoát nước thải vào hệ thống và phí cho xử lý nước thải).
6. Phí cho việc kết nối từ các thửa đất của cá nhân (hộ), nếu như việc tiêu thoát của thửa đất không phải là một phần của cơ sở hạ tầng tiêu thoát nước công theo qui định của điều 1 của qui định về tiêu thoát (EWG).

## **2. Bản chất của phí**

Phí được tính cho các thửa đất đã được xây dựng, có thể xây dựng hoặc được sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh hoặc có thể được sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh, nếu các thửa đất đó theo điều § 4 EWG (qui định tiêu thoát) có quyền kết nối với hệ thống tiêu thoát chung. Phí được tính cho thửa đất thực tế có liên kết với hệ thống tiêu thoát hoặc được kết nối trên cơ sở thỏa thuận đặc biệt theo điều § 7 EWG

## **3. Phát sinh nghĩa vụ nộp phí**

Nghĩa vụ đóng phí đối với các trường hợp sau:

1. Theo điều 2 khoản 1 nếu như thửa đất của hộ có thể được liên kết với cơ sở hạ tầng tiêu thoát nước theo điều 1 khoản 1,
2. Theo điều 2 khoản 2 mục 1. Nếu như thửa đất của hộ sau này có thể được liên kết với cơ sở hạ tầng tiêu thoát nước theo điều 1 khoản 1.
3. Theo điều 2 khoản 2 mục 2 nếu như sau này có hợp đồng riêng trong liên kết với cơ sở hạ tầng tiêu thoát nước.

Nếu thời điểm được nêu ở câu 1 nằm vào khoảng thời gian trước khi qui định này có hiệu lực thì trách nhiệm nộp phí chỉ đúng khi qui định này có hiệu lực.

## **4. Cá nhân có nghĩa vụ nộp phí**

- (1) Cá nhân có nghĩa vụ nộp phí là người mà vào thời điểm đưa ra thông báo khoản phí phải nộp lại chính là chủ sở hữu thửa đất, người có quyền thừa kế hay chủ của quyền sử dụng cần thiết theo nghĩa hẹp của chương mục 233 điều § 4 của văn bản thi hành theo Bộ luật dân sự. Nhiều cá nhân có nghĩa vụ nộp phí là những người đang ghi nợ; việc sở hữu căn hộ và một phần sở hữu chính là những người có sở hữu hoặc một phần sở hữu của căn hộ và có nghĩa vụ nộp phí tương ứng với phần sở hữu của mình.
- (2) Nếu chủ sở hữu hoặc người thừa kế không được ghi danh trong sổ đỏ hay trong bất cứ một hồ sơ chứng từ nào có liên quan về quyền sở hữu, thì cá nhân tiếp theo sẽ thay vào vị trí đó mà vào thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả phí nước thải lại là chủ sở hữu của thửa

đất. Trong trường hợp có nhiều chủ sở hữu thì mọi người đều có trách nhiệm trả phần phí nước thải của mình để làm sao tổng đúng bằng số tiền phải nộp.

## 5. Tính phí

- (1) Khoản chi phí nước thải được tính với diện tích thửa đất có trọng số thông qua hệ số sử dụng. Nó là tích của diện tích (nêu ở mục 2) với hệ số sử dụng (nêu ở mục 3).
- (2) Diện tích của thửa đất (DTTD) được hiểu là:
  - a) Đối với thửa đất nằm trong khu vực có qui hoạch xây dựng thì DTTD chính là diện tích được cấp phép sử dụng.
  - b) Đối với thửa đất mà toàn bộ diện tích của nó nằm ngoài khu vực có hiệu lực về pháp lý của bản qui hoạch xây dựng (khu vực nội bộ mà không có qui hoạch xây dựng) hay đối với thửa đất mà trong bản qui hoạch xây dựng không được xác định rõ cho việc sử dụng với mục đích xây dựng, sản xuất kinh doanh hay một sử dụng tương đương nào đó, thì DTTD chính là diện tích được cho phép sử dụng.
  - c) Đối với thửa đất mà một phần nằm trong khu vực đã mô tả ở mục a) (điều § 33 BauGB = Bộ luật xây dựng) hay mục b) (điều § 34 BauGB) và một phần nằm ngoài (điều § 35 BauGB) thì DTTD chính là diện tích mà theo qui định về luật xây dựng được áp dụng để xem xét cho phép sử dụng.
  - d) Đối với các thửa đất được phép sử dụng cho xây dựng nhưng nằm ngoài (điều § 35 BauGB) thì DTTD được tính bằng diện tích mặt bằng xây dựng nhân với hệ số 5. Sau đó diện tích này được coi là diện tích của công trình xây dựng và khoanh một diện tích có khoảng cách đều với danh giới với diện tích được tính. Nếu danh giới nằm ở ngoài thì lấy diện tích khác của thửa đất bù vào. Cuối cùng để làm sao mà diện tích thửa đất không bị vượt
- (3) Hệ số sử dụng được qui định như sau:
  - a) Đối với thửa đất mà có thể sử dụng tương tự cho các mục đích xây dựng hay sản xuất kinh doanh (ví dụ thửa đất của nhà thờ, nghĩa trang, sân vận động, bãi đỗ cắm trại, bãi tắm, bãi chơi hay các vườn loại nhỏ) hoặc sử dụng phần nào cho xây dựng hoặc phần nào cho sản xuất kinh doanh thì lấy hệ số sử dụng bằng 0,5.
  - b) Đối với thửa đất mà có mức độ xây dựng là 1 tầng thì hệ số là 1,0, còn đối với các tầng tiếp theo thì tính với hệ số 0,5 tăng lên.
- (4) Đối với số tầng nhà hoàn chỉnh theo tinh thần của mục 3 được hiểu là:
  - a) Số tầng nhà hoàn chỉnh lớn nhất được qui định trong bản thiết kế xây dựng.
  - b) Nếu như bản qui hoạch xây dựng được tiến hành theo thủ tục của điều § 33 BauGB thì tuân theo các qui định ở điều đó.
  - c) Nếu bản qui hoạch xây dựng thay vì nêu số tầng mà lại đưa ra qui mô xây dựng thì ta lấy qui mô xây dựng đem chia cho 3,5; sau đó làm tròn số, nếu dưới 0,4 thì làm tròn xuống số dưới và nếu trên thì làm tròn lên số tiếp theo.
  - d) Nếu như không có bản qui hoạch xây dựng hay trong bản qui hoạch xây dựng lại không qui định số tầng đầy đủ hay qui mô xây dựng thì
    - Đối với thửa đất đã được xây dựng thì lấy số tầng thực
    - Đối với thửa đất chưa xây dựng, song có khả năng xây dựng thì lấy số tầng hoàn chỉnh của các địa điểm xung quanh gần nhất mà được phép xây dựng.
  - e) Nếu thửa đất nằm ngoài (theo điều 35 BauGB) thì chính là con số về số tầng cho phép hay không cho phép nhưng tạm chấp nhận tồn tại.

f) Số tầng hoàn chỉnh thực tế nếu con số này cao hơn số tầng theo được xác định theo mục 4 a) đến e).

(5) Số tầng nhà hoàn chỉnh là số tầng theo đúng nội dung của tập qui tắc xây dựng do bang Thüringen (ThürBauO) ban hành. Nếu đối với thửa đất mà chỉ qui định chiều cao cho phép của công trình xây dựng thì số tầng của các công trình xây dựng với số tầng hoàn chỉnh mà có chiều cao hơn 3,5 m và đối với ngôi nhà không có chia tầng hoàn chỉnh thì đem chia tổng diện tích cho diện tích của từng tầng. Số dư được làm tròn tương ứng với mục 4 c).

## 6. Bóc tách phí

Phí nước thải được tính cho

- Xử lý nước thải tập trung bằng phương pháp sinh học và
- Hệ thống thu gom chính và nhánh (tính cho ngoài vùng)

## 7. Mức tính phí

Phí nước thải được tính cho

- Xử lý tập trung bằng phương pháp sinh học và
- Hệ thống thu gom chính và nhánh (tính cho ngoài vùng)

với mức 1,00 DM tính cho 1 mét vuông có trọng số diện tích của mảnh, thửa đất của hộ.

## 8. Thời hạn thanh toán

Phí nước thải phải được thanh toán sau khi nhận giấy báo 1 tháng.

## 9. Trả trước và trả theo khoản

(1) Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser thu phí dưới dạng trả trước cho toàn bộ số phí theo tùy theo tiến độ xây dựng cho đến 80% của khoản nợ dự tính nếu như người ta đã bắt đầu thi công biện pháp xây dựng mà có nghĩa vụ trả phí.

(2) Đối với việc trả trước thì giải quyết tương tự như theo điều 8.

## 10. Trả trước

(1) Phí nước thải có thể được thanh toán trước khi phát giấy ghi nợ. Khoản thanh toán sớm được xác định tùy vào mức độ của khoản phí phải trả phát sinh dự kiến.

(2) Đối với từng trường hợp cụ thể thì việc trả sớm đều được thỏa thuận giữa Hiệp hội JenaWasser và cá nhân có trách nhiệm trả phí. Về mặt pháp lý thì không có quyền yêu cầu trả sớm.

## 11. Trả tiền cho việc kết nối với thửa đất

(1) Chi phí cho việc xây dựng, mua sắm, cải tạo, thay đổi hay dỡ bỏ cũng như bảo dưỡng một phần của kết nối thửa đất theo tinh thần của điều § 1 mục 3 EWS, mà phần kết nối không nằm trong phần nền đường công cộng thì chủ thửa đất có nghĩa vụ chi trả cho hiệp hội theo đúng mức chi phí phát sinh.

(2) Yêu cầu thanh toán tiền được đưa ra khi biện pháp thi công kết thúc. Đối tượng chịu nợ (người có nghĩa vụ phải trả tiền) là cá nhân vào thời điểm phát sinh yêu cầu trả nợ là chủ sở hữu của thửa đất hay người thừa kế hay người có quyền sử dụng cần thiết theo tinh

thần của mục 233 điều § 4 của bộ luật dân sự. Nếu có nhiều phải trả phí thì áp dụng điều § 8 về chủ nợ chung.

## 12. Thu lệ phí

Hiệp hội JenaWasser tiến hành thu lệ phí cho các thửa đất được kết nối vì đã sử dụng hệ thống tiêu thoát với phí thuê bao chiều theo điều § 13 và phí tiêu dẫn của điều § 14; còn đối với thửa đất không có kết nối xong lại được tiêu thoát thì chiều theo điều § 15 về việc xử lý nước thải.

## 13. Phí thuê bao cố định

- (1) Phí thuê bao cố định đối với các thửa đất (hộ) được kết nối tiêu thoát thì được tính theo đồng hồ đo lưu lượng nước cấp. Nếu như trong cùng một thửa đất mà hiện có nhiều đầu kết nối thì phí thuê bao cố định được tính cho tổng lưu lượng của các đầu kết nối riêng. Trong trường hợp mà không lắp đặt đồng hồ thì buộc phải ước tính mức lưu lượng gốc và trên cơ sở đó thì tính tổng lượng nước.
- (2) Phí thuê bao cố định trong trường hợp có đồng hồ đo lưu lượng nước theo mức sau:

đến 2,5 m <sup>3</sup> /h	10,00 DM tháng
đến 6,0 m <sup>3</sup> /h	30,00 DM tháng
đến 10,0 m <sup>3</sup> /h	60,00 DM tháng
đến 15,0 m <sup>3</sup> /h bình thường	80,00 DM tháng
đồng hồ chung	130,00 DM tháng
đến 40,0 m <sup>3</sup> /h bình thường	100,00 DM tháng
đồng hồ chung	150,00 DM tháng
đến 60,0 m <sup>3</sup> /h bình thường	200,00 DM tháng
đồng hồ chung	250,00 DM tháng
đến 150,0 m <sup>3</sup> /h bình thường	300,00 DM tháng
đồng hồ chung	350,00 DM tháng
đến 200,0 m <sup>3</sup> /h bình thường	400,00 DM tháng
đồng hồ chung	450,00 DM tháng

## 14. Phí tiêu thoát

- (1) Phí tiêu thoát nước được trên cơ sở lượng nước thải được chuyển tiếp từ các thửa đất cá nhân đã được kết nối với hệ thống cơ sở hạ tầng tiêu thoát nước thành phố theo các mức sau.
- (2) Phí tiêu thoát tính theo lượng nước thải mà trong năm được tiêu thoát.

Phí được tính như sau:

1. Đối với mét khối đầu tiên cho đến mét khối 50.000
  - a) 4,36 DM/m<sup>3</sup> cho thửa đất được nối với hệ thống xử lý nước thải sinh học tập trung
  - b) 3,75 DM/m<sup>3</sup> cho thửa đất được nối song không xử lý nước thải tập trung
  - c) 2,35 DM/m<sup>3</sup> cho các thửa đất được tiêu thoát ra hệ thống công cộng thông qua hệ thống xử lý nước thải độc lập chung nằm chính trên thửa đất và xây dựng theo chuẩn của DIN 4261 phần 2 (xử lý hoàn toàn bằng sinh học) hay một phương pháp chưa được chuẩn hóa song tương đương cho phép, ví dụ hồ chứa nước thải hay hệ thống xử lý nước thải bằng cây trồng.

2. Từ mét khối thứ 50.001 trở lên

- a) 3,86 DM/m<sup>3</sup> cho thửa đất được nối với hệ thống xử lý nước thải sinh học tập trung
- b) 3,25 DM/m<sup>3</sup> cho thửa đất được nối song không xử lý nước thải tập trung
- c) 1,85 DM/m<sup>3</sup> cho các thửa đất được tiêu thoát ra hệ thống công cộng thông qua hệ thống xử lý nước thải độc lập chung nằm chính trên thửa đất và xây dựng theo chuẩn của DIN 4261 phần 2 (xử lý hoàn toàn bằng sinh học) hay một phương pháp chưa được chuẩn hóa song tương đương cho phép, ví dụ hồ chứa nước thải hay hệ thống xử lý nước thải bằng cây trồng.

3. Từ mét khối thứ 100.001 trở lên

- a) 3,36 DM/m<sup>3</sup> cho thửa đất được nối với hệ thống xử lý nước thải sinh học tập trung
- b) 2,75 DM/m<sup>3</sup> cho thửa đất được nối song không xử lý nước thải tập trung
- c) 1,35 DM/m<sup>3</sup> cho các thửa đất được tiêu thoát ra hệ thống công cộng thông qua hệ thống xử lý nước thải độc lập chung nằm chính trên thửa đất và xây dựng theo chuẩn của DIN 4261 phần 2 (xử lý hoàn toàn bằng sinh học) hay một phương pháp chưa được chuẩn hóa song tương đương cho phép, ví dụ hồ chứa nước thải hay hệ thống xử lý nước thải bằng cây trồng.

Lượng nước được nêu ở câu 1 thì được tính riêng cho từng thửa đất (hộ).

Trong phí tiêu thoát đối với các thửa đất mà có kết nối với thì còn có chi phí cho việc xử lý cặn bã của bể phốt tự hoại mà được lấy từ thửa đất.

(3) Lượng nước thải của thửa đất chính là

1. Lượng nước thải có xuất phát từ lượng nước được cung cấp cho thửa đất,
2. Lượng nước được khai thác từ các giếng, hệ thống thu nước mưa bản và các hệ thống tự khai thác khác của khách hàng,

Sau đó đem khấu trừ cho lượng nước được trữ lại hay đã tiêu dùng trên thửa đất. Lượng nước này phải có minh chứng, nếu như việc khấu trừ này không vi phạm mục 5. Cá nhân có trách nhiệm chi trả phải có trách nhiệm chứng minh lượng nước này. Đối với các đơn vị sản xuất nông nghiệp lớn mà có chăn nuôi nhiều gia súc thì tạm tính lượng nước tiêu hao cho một đầu gia súc là 20 m<sup>3</sup>/năm mà được coi là một bằng chứng. Quan trọng ở đây là lượng gia súc có được trong năm qua để làm cơ sở tính.

Lượng nước được xác định dựa vào đồng hồ đo nước. Lượng nước này được Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser ước tính trong các trường hợp sau:

- a) Không có đồng hồ nước
- b) Không thể nào tiếp cận được đồng hồ nước và việc đọc số nước không tiến hành được
- c) Chỉ số đồng hồ nước trong trường hợp của khoản 3 mục 2 và liên quan với khoản 4 và mục 1, không được chủ thửa đất thông báo và/hay
- d) Có đầy đủ bằng chứng là đồng hồ nước không phù hợp với lượng nước tiêu dùng thực tế.

(4) Theo yêu cầu của Hiệp hội chuyên ngành nước chủ ghi nợ có trách nhiệm lắp đặt thiết bị đo nước để có thể xác định được lượng nước tiêu dùng theo tinh thần của khoản 3 mục 2 và việc lắp đặt phải đảm bảo theo đúng qui định chung. Mọi chi phí lắp đặt do chủ ghi nợ phải chịu. Chủ ghi nợ có trách nhiệm thông báo về chỉ số nước theo yêu cầu. Hiệp hội chuyên ngành nước có thể kiểm tra bất kỳ các trang thiết bị đo đếm thông qua một cơ quan đo lường hay một thanh tra chuyên làm công tác đo lường được nhà nước công nhận theo tinh thần của điều § 6 khoản 2 của bộ luật đo lường. Chi phí cho việc kiểm tra

thì chủ ghi nợ phải chịu nếu như sự chênh lệch vượt quá khuôn khổ giới hạn pháp lý cho phép, hay của hiệp hội qui định.

(5) Việc khấu trừ theo khoản 3 thì bị loại bỏ

- a) Lượng nước với khối lượng đến 15 m<sup>3</sup>/năm được dùng làm nước tuần hoàn.
- b) Lượng nước được dùng cho hộ gia đình.
- c) Nước chạy tuần hoàn dùng cho mục đích tưới

#### **15. Lệ phí cho việc xử lý nước thải**

- (1) Lệ phí xử lý nước thải được tính dựa vào khối lượng nước thải được chuyển đi từ các thửa đất không có kết nối. Khối lượng nước thải được đo tính bằng một phương tiện thích hợp.
- (2) Lệ phí được tính
  - a) 35,00 DM/m<sup>3</sup> nước thải hút từ bể không có đường tiêu thoát
  - b) 40,00 DM/m<sup>3</sup> nước thải (có chứa cặn bã bùn phân) từ hệ thống bể phốt của gia đình.

#### **16. Thu tăng thêm lệ phí**

- (1) Đối với loại nước thải mà việc xử lý nó còn bao gồm cả việc xử lý cặn bã bùn của bể phốt, nên đã phát sinh thêm chi phí và vượt quá chi phí trung bình của việc xử lý nước thải đơn thuần của hộ gia đình thì buộc phải trả tăng thêm lệ phí cho nước bẩn quá mức bình thường theo tinh thần của phụ lục 1, một thành phần của qui định này.

Phí thu tăng thêm cho nước bẩn khi nước thải đã vượt quá ngưỡng của phụ lục 1 qui định.

- (a) Loại I 0,61 DM/m<sup>3</sup>
- (b) Loại II 0,91 DM/m<sup>3</sup>
- (c) Loại III 1,22 DM/m<sup>3</sup>
- (2) Mục 1 được áp dụng cho bùn lắng đọng của bể phốt có chứa phân người và khi mức độ bẩn của nó vượt quá ngưỡng bình thường và phát sinh ra chi phí tương ứng với chi phí được nêu ở trên.

#### **17. Phát sinh việc nợ phí**

- (1) Số nợ phí tiêu thoát phát sinh khi dẫn nước thải vào hệ thống tiêu thoát chung. Số nợ phí xử lý phát sinh khi tiếp nhận các chất cần xử lý.
- (2) Số nợ phí thuê bao cố định đối với các thửa đất được kết nối thì được tính vào ngày đầu tiên, mà ngày tiếp theo là thời điểm xây dựng xong và đưa vào sử dụng hệ kết nối; Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser sẽ thông báo bằng văn bản cho chủ nợ. Theo thông thường thì số nợ phí thuê bao cố định được tính bằng phí trung bình ngày trong năm.

#### **18. Người nợ phí**

- (1) Người nợ phí là người mà vào thời điểm của phát sinh nợ phí chính là chủ sở hữu thửa đất hay tương tự, là người có quyền sử dụng thửa đất. Người nợ phí cũng có thể là người mà sở hữu của một doanh nghiệp đóng trên thửa đất. Nhiều chủ nợ phí thì đóng vai trò của nợ phí chung.

- (2) Nếu tình trạng về sở hữu hay quyền pháp lý không được giải thích thì người có trách nhiệm nộp phí là người mà vào thời điểm phát sinh trách nhiệm nộp phí là chủ nhân của thửa đất. Trong trường hợp có nhiều chủ nhân thì mỗi cá nhân phải nộp một khoản tương ứng với phần của mình trong thửa đất đó.

#### **19. Thanh toán, thời hạn thanh toán, trả trước**

- (1) Việc tiêu dẫn hay xử lý nước thải về cơ bản là phải trả tiền hàng năm. Phí cơ bản và phí dẫn tiêu cũng như phí xử lý phải được thanh toán trong vòng 1 tháng sau khi có giấy báo thu phí.
- (2) Hiệp hội chuyên ngành nước có thể yêu cầu phải nộp trước theo định kỳ một khoản tương ứng so với khoản phí nợ. Khoản phí nợ được tính dựa vào khoản phí nợ kỳ trước phát sinh hoặc trong một số trường hợp có thể tính khoản phí nợ kỳ vọng. Nếu không có số liệu tính toán của năm trước thì Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser ấn định mức phí trả trước theo ước tính của lượng nước thải tiêu dẫn năm.
- (3) Trong khoảng thời gian thanh toán nếu có sự thay đổi mức phí do thay đổi qui định thì lượng nước có khả năng hiện thực để làm cơ sở tính phí mới được tính theo tỷ lệ thời gian.
- (4) Có sự chênh lệch so với mục 1 thì Hiệp hội có thể ấn định việc hạch toán tiêu dùng có sự thay đổi.

#### **20. Trách nhiệm của cá nhân ghi nợ khoản đóng góp và phí**

Cá nhân ghi nợ khoản đóng góp và phí thì có trách nhiệm trình báo ngay cho hiệp hội JenaWasser những thay đổi đáng kể mà ảnh hưởng đến mức phí nợ cũng như thông báo về qui mô của những thay đổi này – Tùy theo yêu cầu cụ thể mà phải cung cấp một số tài liệu tương ứng nhất định –

#### **21. Bắt đầu có hiệu lực**

Qui định này bắt đầu có hiệu lực đối ứng kể từ ngày 16.04.1999

Đồng thời qui định của ngày 29.03.1999 bắt đầu mất hiệu lực.

Jena, ngày 10.07.2001

Đã ký Thomas Moritz  
Chủ tịch hiệp hội

- đóng dấu -

**Phu lục 1 đối với điều 16 - Thu thêm phụ phí gia tăng**

**Danh mục các giá trị ngưỡng đối với các loại nước thải dẫn vào hệ thống nước thải công cộng của hiệp hội chuyên ngành JenaWasser.**

Đối với việc dẫn thải trong các cấp hạng riêng thì ta lấy trị số trung bình của các lần lấy mẫu của một năm. Mỗi năm phải tiến hành lấy mẫu ít nhất là bốn lần.

**Biểu các giá trị ngưỡng để xếp hạng phụ phí gia tăng**

Loại chất chứa trong nước thải	Đơn vị	Hạng		
		I	II	III
COD	mg/l	2600	3600	4600

**II.**

Hiệp hội chuyên ngành nước và nước thải Jena đã trình nộp Văn phòng quản lý hành chính của bang Thüringen những qui định công khai được ban hành ngày 24.10.2001. Qui định đi cùng công văn của ngày 30.11.2001 với ký hiệu Az. 204-1524.20-006/01-J đã chấp thuận như sau:

1. Qui định thay đổi lần thứ nhất do Hiệp hội chuyên ngành nước và nước thải ban hành vào ngày 22.10.2001 (Quyết định số 041/01) về đóng góp và thu lệ phí đối với tiêu thoát đã được chấp thuận.
2. Hiệp hội chuyên ngành nước và nước thải Jena thì chịu mọi phí tổn.
3. Quyết định này được xuất bản miễn phí. và không thu phí

Ủy quyền

Singer đã ký

## **1. Qui định về thay đổi khoản đóng góp và lệ phí đối với qui định tiêu thoát (EGS-EWS) của Hiệp hội chuyên ngành nước và nước thải Jena của ngày 03 tháng 12 năm 2001**

Trên cơ sở của điều §§ 19, 20 và 26 mục 2 số 2 của qui định chính quyền địa phương (huyện, xã, Thüringer Kommunalordnung – ThürKO) của ngày 16.08.1993 (GVBl tr. 501) trong qui định của việc công khai tài liệu mới của ngày 14.04.1998 (GVBl. trang 73), của §§ 2, 7, 12 và 14 của bộ luật nộp phí của Thüringen (ThüKAG) của 07.08.1991 (GVBl. trang 329), đã được thay đổi thông qua luật của 28.06.1994 (GVBl trang 796), của 10.11.1995 (GVBl trang 342), của 23.07.1998 (GVBl trang 247), của 15.12.1998 (GVBl trang 427), của 17.12.1999 (GVBl trang 626), của 18.07.2000 (GVBl trang 178), trong qui định của công bố chung tài liệu mới của 19.09.2000 (GVBl trang 301), cuối cùng được thay đổi thông qua luật của 19.12.2000 (GVBl trang 418) và luật của 14 tháng chín năm 2001 (GVBl trang 259) cũng như của điều § 20 khoản 2 của luật về công tác cộng đồng địa phương của 11.06.1992

(GVBl trang 232), cuối cùng được thay đổi thông qua luật thay đổi lần 1 của 10.11.1995 (GVBl trang 346), thì Hiệp hội chuyên ngành nước Jena ban hành vào ngày 22.10.2001 qui định đã được ký kết sau:

### Phần I

Điều 7 bao gồm những qui định sau:

#### 7. Mức đóng góp

(Một phần) Khoản phí nước thải đối với

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng biện pháp sinh học và hệ thống thu gom chính và phụ (ngoài vùng)
- 0,51 € cho một mét vuông diện tích thửa đất có trọng số.

### Phần II

Điều 11 khoản 2 bao gồm những qui định sau:

- (2) Yêu cầu thanh toán tiền được đưa ra khi biện pháp thi công nào đó kết thúc. Đối tượng chịu nợ (người có nghĩa vụ phải trả tiền) là cá nhân vào thời điểm phát sinh yêu cầu trả nợ là chủ sở hữu của thửa đất hay người thừa kế. Nếu có nhiều phải trả phí thì áp dụng điều 8 về chủ nợ chung.

### Phần III

Điều 13 bao gồm những qui định sau:

- (1) Phí thuê bao cố định đối với các thửa đất (hộ) được kết nối tiêu thoát thì được tính theo đồng hồ đo lưu lượng nước cấp. Nếu như trong cùng một thửa đất mà hiện có nhiều đầu kết nối thì phí thuê bao cố định được tính cho tổng lưu lượng của các đầu kết nối riêng. Trong trường hợp mà không lắp đặt đồng hồ thì buộc phải ước tính lưu lượng tịnh và trên cơ sở đó thì tính tổng lưu lượng nước.
- (2) Phí thuê bao cố định trong trường hợp có đồng hồ đo lưu lượng nước theo mức sau:

đến 2,5 m <sup>3</sup> /h	5,00 € tháng
đến 6,0 m <sup>3</sup> /h	15,00 € tháng
đến 10,0 m <sup>3</sup> /h	30,00 € tháng
đến 15,0 m <sup>3</sup> /h bình thường	40,00 € tháng
đồng hồ chung	65,00 € tháng
đến 40,0 m <sup>3</sup> /h bình thường	50,00 € tháng
đồng hồ chung	75,00 € tháng
đến 60,0 m <sup>3</sup> /h bình thường	100,00 € tháng
đồng hồ chung	125,00 € tháng
đến 150,0 m <sup>3</sup> /h bình thường	150,00 € tháng
đồng hồ chung	175,00 € tháng
đến 200,0 m <sup>3</sup> /h bình thường	200,00 € tháng
đồng hồ chung	225,00 € tháng

## Phần IV

Điều 14 bao gồm những qui định sau:

### 14. Phí tiêu thoát

- (1) Phí tiêu thoát nước được trên cơ sở lượng nước thải được chuyển tiếp từ các thửa đất cá nhân đã được kết nối với hệ thống cơ sở hạ tầng tiêu thoát nước thành phố theo các mức sau.
- (2) Phí tiêu thoát tính theo lượng nước thải mà trong năm được tiêu thoát.

Phí được tính như sau:

#### 1. Đối với mét khối đầu tiên cho đến mét khối 50.000

- d) 2,13 €/m<sup>3</sup> cho thửa đất được nối với hệ thống xử lý nước thải sinh học tập trung
- e) 1,90 €/m<sup>3</sup> cho thửa đất được nối song không xử lý nước thải tập trung
- f) 1,20 €/m<sup>3</sup> cho các thửa đất được tiêu thoát ra hệ thống công cộng thông qua hệ thống xử lý nước thải độc lập chung nằm chính trên thửa đất và xây dựng theo chuẩn của DIN 4261 phần 2 (xử lý hoàn toàn bằng sinh học) hay một phương pháp chưa được chuẩn hóa song tương đương cho phép, ví dụ hồ chứa nước thải hay hệ thống xử lý nước thải bằng cây trồng.

#### 2. Từ mét khối thứ 50.001 trở lên

- a) 1,88 €/m<sup>3</sup> cho thửa đất được nối với hệ thống xử lý nước thải sinh học tập trung
- b) 1,65 €/m<sup>3</sup> cho thửa đất được nối song không xử lý nước thải tập trung
- c) 0,95 €/m<sup>3</sup> cho các thửa đất được tiêu thoát ra hệ thống công cộng thông qua hệ thống xử lý nước thải độc lập chung nằm chính trên thửa đất và xây dựng theo chuẩn của DIN 4261 phần 2 (xử lý hoàn toàn bằng sinh học) hay một phương pháp chưa được chuẩn hóa song tương đương cho phép, ví dụ hồ chứa nước thải hay hệ thống xử lý nước thải bằng cây trồng.

#### 3. Từ mét khối thứ 100.001 trở lên

- a) 1,62 €/m<sup>3</sup> cho thửa đất được nối với hệ thống xử lý nước thải sinh học tập trung
- b) 1,39 €/m<sup>3</sup> cho thửa đất được nối song không xử lý nước thải tập trung
- c) 0,69 €/m<sup>3</sup> cho các thửa đất được tiêu thoát ra hệ thống công cộng thông qua hệ thống xử lý nước thải độc lập chung nằm chính trên thửa đất và xây dựng theo chuẩn của DIN 4261 phần 2 (xử lý hoàn toàn bằng sinh học) hay một phương pháp chưa được chuẩn hóa song tương đương cho phép, ví dụ hồ chứa nước thải hay hệ thống xử lý nước thải bằng cây trồng.

Lượng nước được nêu ở câu 1 thì được tính riêng cho từng thửa mảnh đất (hộ).

Trong phí tiêu thoát đối với các thửa đất mà có kết nối với thì còn có chi phí cho việc xử lý cặn bã của bể phốt tự hoại mà được lấy từ mảnh thửa.

#### (3) Lượng nước thải của thửa đất chính là

1. Lượng nước thải có xuất phát từ lượng nước được cung cấp cho thửa đất,
2. Lượng nước được khai thác từ các giếng, hệ thống thu nước mưa bản và các hệ thống tự khai thác khác của khách hàng,

Sau đó đem khấu trừ cho lượng nước được trữ lại hay đã tiêu dùng trên thửa đất. Lượng nước này phải có minh chứng, nếu như việc khấu trừ này không vi phạm mục 5. Cá nhân có trách nhiệm chi trả phải có trách nhiệm chứng minh lượng nước này. Đối với các đơn vị sản

xuất nông nghiệp lớn mà có chăn nuôi nhiều gia súc thì tạm tính lượng nước tiêu hao cho một đầu gia súc là 20 m<sup>3</sup>/năm mà được coi là một bằng chứng. Quan trọng ở đây là lượng gia súc có được trong năm qua để làm cơ sở tính.

Lượng nước được xác định dựa vào đồng hồ đo nước. Lượng nước này được Hiệp hội chuyên ngành nước Jena ước tính trong các trường hợp sau:

- a) Không có đồng hồ nước
  - b) Không thể nào tiếp cận được đồng hồ nước và việc đọc số nước không tiến hành được
  - c) Chỉ số đồng hồ nước trong trường hợp của khoản 3 mục 2 và liên quan với khoản 4 và mục 1, không được chủ thửa đất thông báo và/hay
  - d) Có đầy đủ bằng chứng là đồng hồ nước không phù hợp với lượng nước tiêu dùng thực tế.
- (4) Theo yêu cầu của Hiệp hội chuyên ngành nước chủ ghi nợ có trách nhiệm lắp đặt thiết bị đo nước để có thể xác định được lượng nước tiêu dùng theo tinh thần của khoản 3 mục 2 và việc lắp đặt phải đảm bảo theo đúng qui định chung. Mọi chi phí lắp đặt do chủ ghi nợ phải chịu. Chủ ghi nợ có trách nhiệm thông báo về chỉ số nước theo yêu cầu. Hiệp hội chuyên ngành nước có thể kiểm tra bất kỳ các trang thiết bị đo đếm thông qua một cơ quan đo lường hay một thanh tra chuyên làm công tác đo lường được nhà nước công nhận theo tinh thần của điều § 6 khoản 2 của bộ luật đo lường. Chi phí cho việc kiểm tra thì chủ ghi nợ phải chịu nếu như sự chênh lệch vượt quá khuôn khổ giới hạn pháp lý cho phép, hay của hiệp hội qui định.
- (5) Việc khấu trừ theo khoản 3 thì bị loại bỏ
- a) Lượng nước với khối lượng đến 15 m<sup>3</sup>/năm được dùng làm nước tuần hoàn.
  - b) Lượng nước được dùng cho hộ gia đình.
  - c) Nước chạy tuần hoàn dùng cho mục đích tưới

## Phần V

Điều 15 bao gồm những qui định sau:

### 15. Lệ phí cho việc xử lý nước thải

- (1) Lệ phí xử lý nước thải được tính dựa vào khối lượng nước thải được chuyển đi từ các thửa đất không có kết nối. Khối lượng nước thải được đo tính bằng một phương tiện thích hợp.
- (2) Lệ phí được tính
  - a) 17,90 €/m<sup>3</sup> nước thải hút từ bể không có đường tiêu thoát
  - b) 20,45 €/m<sup>3</sup> nước thải (có chứa bùn phân) từ hệ thống bể phốt của gia đình.

## Phần VI

Điều 16 bao gồm những qui định sau:

### 16. Thu tăng thêm lệ phí

- (1) Đối với loại nước thải mà việc xử lý nó còn bao gồm cả việc xử lý cặn bã bùn của bể phốt, nên đã phát sinh thêm chi phí và vượt quá chi phí trung bình của việc xử lý nước

thải đơn thuần của hộ gia đình thì buộc phải trả tăng thêm lệ phí cho nước bẩn quá mức bình thường theo tinh thần của phụ lục 1, một thành phần của qui định này.

Phí thu tăng thêm cho nước bẩn khi nước thải đã vượt quá ngưỡng của phụ lục 1 qui định.

(a) Loại I 0,21 €/m<sup>3</sup>

(b) Loại II 0,30 €/m<sup>3</sup>

(c) Loại III 0,38 €/m<sup>3</sup>

(2) Mục 1 được áp dụng cho bùn lắng đọng của bể phốt có chứa phân người và khi mức độ bẩn của nó vượt quá ngưỡng bình thường và phát sinh ra chi phí tương ứng với chi phí được nêu ở trên.

### **Phần VII**

Qui định này có hiệu lực kể từ ngày 01.01.2002

Jena, ngày 03 tháng mười hai năm 2001

Đã ký Thomas Moritz

Chủ tịch hiệp hội

- Đóng dấu -

**Phụ lục 1 đối với điều 16 - Thu thêm phụ phí gia tăng**

**Danh mục các giá trị ngưỡng đối với các loại nước thải tiêu dẫn vào hệ thống nước thải công cộng của hiệp hội chuyên ngành JenaWasser.**

Đối với việc dẫn thải trong các cấp hạng riêng thì ta lấy trị số trung bình của các lần lấy mẫu của một năm. Mỗi năm phải tiến hành lấy mẫu ít nhất là bốn lần.

**Biểu các giá trị ngưỡng để xếp hạng phụ phí gia tăng**

Loại chất chứa trong nước thải	Đơn vị	Hạng		
		I	II	III
COD	mg/l	2600	3600	4600

III.

## **2. Qui định về thay đổi khoản đóng góp và lệ phí đối với qui định tiêu thoát (EGS-EWS) của Hiệp hội chuyên ngành nước và nước thải Jena của ngày 30.04.2002**

Trên cơ sở của điều §§ 19, 20 và 26 mục 2 số 2 của qui định chính quyền địa phương (huyện, xã, Thüringer Kommunalordnung – ThürKO) của ngày 16.08.1993 (GVBl tr. 501), cuối cùng được sửa đổi thông qua luật thứ ba về tay đổi qui định của địa phương Thüringen của ngày 18 tháng 7 năm 2000 (GVBl trang 177), của §§ 2, 7, 12 và 14 của bộ luật nộp phí của Thüringen (ThüKAG) của 07 tháng 8 năm 1991 (GVBl. trang 329), dưới dạng của công bố công khai của ngày 19 tháng chín năm 2000 (GVBl trang 301), cuối cùng đã được thay đổi thông qua luật của 14 tháng chín 2001 (GVBl trang 259), cũng như § 20 mục 2 của luật luật về công tác cộng đồng địa phương của 11 tháng 6 năm 1992 (GVBl trang 232), cuối cùng được thay đổi qua luật của 18.07.2000 (GVBl trang 178), cũng như của luật về thay đổi luật cộng đồng của Thüringen và để thực hiện khoản đóng góp tiêu thụ của 07 tháng 7 năm 2000 (GVBl trang 178), thì Hiệp hội chuyên ngành nước Jena ban hành vào ngày 18.03.2002 qui định đã được ký kết sau:

### **Phần I**

Phần của qui định - điều 1 đến 10 - gồm các qui định sau:

#### **1. Thu phí**

Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser tính thu phí đúng mức của qui định này bao gồm các phí sau:

1. Các khoản thu/đóng góp dùng để bù đắp cho chi phí đầu tư cho xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng phương pháp sinh học với mức làm sạch sinh học cũng như cho các hệ thống thu gom chính và nhánh liên khu vực. Dĩ nhiên là các khoản thu này không được hỗ trợ, bù lỗ hay các hình thức khuyến khích

khác. Khoản thu phí cho nước thải sẽ được tính dựa vào các mục (nguyên nhân) phát sinh chi phí.

2. Phí sử dụng bao gồm phí cho việc sử dụng cơ sở hạ tầng tiêu thoát nước công (phí thuê bao cố định, phí tiêu thoát nước thải vào hệ thống và phí cho xử lý nước thải).
3. Phí cho việc kết nối từ các thửa, mảnh của cá nhân (hộ), nếu như việc tiêu thoát của thửa đất không phải là một phần của cơ sở hạ tầng tiêu thoát nước công theo qui định của điều § 1 của qui định về tiêu thoát (EWG).

## **2. Bản chất của phí**

Phí được tính cho các thửa đất đã được xây dựng, có thể xây dựng hoặc được sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh hoặc có thể được sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh, nếu các thửa đất đó theo điều § 4 EWG (qui định tiêu thoát) có quyền kết nối với hệ thống tiêu thoát chung. Phí được tính cho thửa đất thực tế có liên kết với hệ thống tiêu thoát hoặc được kết nối trên cơ sở thỏa thuận đặc biệt theo điều § 7 EWG.

## **3. Phát sinh nghĩa vụ nộp phí**

Nghĩa vụ đóng phí đối với các trường hợp sau:

1. Theo điều 2 khoản 1 nếu như mảnh, thửa của hộ có thể được liên kết với cơ sở hạ tầng tiêu thoát nước theo điều 1 khoản 1,
2. Theo điều 2 khoản 2 mục 1. nếu như thửa đất của hộ sau này có thể được liên kết với cơ sở hạ tầng tiêu thoát nước theo điều 1 khoản 1.
3. Theo điều 2 khoản 2 mục 2 nếu như sau này có hợp đồng riêng trong liên kết với cơ sở hạ tầng tiêu thoát nước.

Nếu thời điểm được nêu ở câu 1 nằm vào khoảng thời gian trước khi qui định này có hiệu lực thì trách nhiệm nộp phí chỉ đúng khi qui định này có hiệu lực.

## **4. Cá nhân có nghĩa vụ nộp phí**

- (1) Cá nhân có nghĩa vụ nộp phí là người mà vào thời điểm đưa ra thông báo khoản phí phải nộp lại chính là chủ sở hữu thửa đất, người có quyền thừa kế hay chủ của quyền sử dụng cần thiết theo nghĩa hẹp của chương mục 233 điều § 4 của văn bản thi hành theo Bộ luật dân sự. Nhiều cá nhân có nghĩa vụ nộp phí là những người đang ghi nợ; việc sở hữu căn hộ và một phần sở hữu chính là những người có sở hữu hoặc một phần sở hữu của căn hộ và có nghĩa vụ nộp phí tương ứng với phần sở hữu của mình.
- (2) Nếu chủ sở hữu hoặc người thừa kế không được ghi danh trong sổ đỏ hay trong bất cứ một hồ sơ chứng từ nào có liên quan về quyền sở hữu, thì cá nhân tiếp theo sẽ thay vào vị trí đó mà vào thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả phí nước thải lại là chủ sở hữu của thửa đất. Trong trường hợp có nhiều chủ sở hữu thì mọi người đều có trách nhiệm trả phần phí nước thải của mình để làm sao tổng đúng bằng số tiền phải nộp.

## **5. Tính phí**

- (1) Khoản chi phí nước thải được tính với diện tích thửa đất có trọng số thông qua hệ số sử dụng. Nó là tích của diện tích (nêu ở mục 2) với hệ số sử dụng (nêu ở mục 3).
- (2) Diện tích của thửa đất (DTTD) được hiểu là:

- a) Đối với thửa đất nằm trong khu vực có qui hoạch xây dựng thì DTTD chính là diện tích được cấp phép sử dụng.
  - b) Đối với thửa đất mà toàn bộ diện tích của nó nằm ngoài khu vực có hiệu lực về pháp lý của bản qui hoạch xây dựng (khu vực nội bộ mà không có qui hoạch xây dựng) hay đối với thửa đất mà trong bản qui hoạch xây dựng không được xác định rõ cho việc sử dụng cho mục đích xây dựng, sản xuất kinh doanh hay một sử dụng tương đương nào đó, thì DTTD chính là diện tích được cấp phép sử dụng.
  - c) Đối với thửa đất mà một phần nằm trong khu vực đã mô tả ở mục a) (điều § 33 BauGB = Bộ luật xây dựng) hay mục b) (điều § 34 BauGB) và một phần nằm ngoài (điều § 35 BauGB) thì DTTD chính là diện tích mà theo qui định về luật xây dựng được áp dụng để xem xét cho phép sử dụng.
  - d) Đối với các thửa đất được phép sử dụng cho xây dựng nhưng nằm ngoài (điều § 35 BauGB) thì DTTD được tính bằng diện tích mặt bằng xây dựng nhân với hệ số 5. Diện tích được tính như vậy
- (3) Hệ số sử dụng được qui định như sau:
- a) Đối với thửa đất mà có thể sử dụng tương tự cho các mục đích xây dựng hay sản xuất kinh doanh (ví dụ thửa đất của nhà thờ, nghĩa trang, sân vận động, bãi để cắm trại, bãi tắm, bãi chơi hay các vườn loại nhỏ) hoặc sử dụng phần nào cho xây dựng hoặc phần nào cho sản xuất kinh doanh thì lấy hệ số sử dụng bằng 1,0.
  - b) Đối với thửa đất mà có mức độ xây dựng là 1 tầng thì hệ số là 1,0, còn đối với các tầng tiếp theo thì tính với hệ số 0,5 tăng lên.
- (4) Đối với số tầng nhà hoàn chỉnh theo tinh thần của mục 3 được hiểu là:
- a) Số tầng nhà hoàn chỉnh lớn nhất được qui định trong bản thiết kế xây dựng.
  - b) Nếu như bản qui hoạch xây dựng được tiến hành theo thủ tục của điều § 33 BauGB thì tuân theo các qui định ở điều đó.
  - c) Nếu bản qui hoạch xây dựng thay vì nêu số tầng mà lại đưa ra qui mô xây dựng thì ta lấy qui mô xây dựng đem chia cho 3,5; sau đó làm tròn số, nếu dưới 0,4 thì làm tròn xuống số dưới và nếu trên thì làm tròn lên số tiếp theo.
  - d) Nếu như không có bản qui hoạch xây dựng hay trong bản qui hoạch xây dựng lại không qui định số tầng đầy đủ hay qui mô xây dựng thì trong trường hợp này buộc phải lấy số tầng hoàn chỉnh của các địa điểm xung quanh gần nhất mà được phép xây dựng.
  - e) Nếu thửa đất nằm ngoài (theo điều § 35 BauGB) thì chính là con số về số tầng cho phép hay không cho phép nhưng tạm chấp nhận tồn tại.
  - f) Số tầng hoàn chỉnh thực tế nếu con số này cao hơn số tầng theo được xác định theo mục 4 a) đến e).
- (5) Số tầng nhà hoàn chỉnh là số tầng theo đúng nội dung của tập qui tắc xây dựng do bang Thüringen (ThürBauO) ban hành. Nếu đối với thửa đất mà chỉ qui định chiều cao cho phép của công trình xây dựng thì số tầng của các công trình xây dựng với số tầng hoàn chỉnh mà có chiều cao hơn 3,5 m và đối với ngôi nhà không có chia tầng hoàn chỉnh thì đem chia tổng diện tích cho diện tích của từng tầng. Số dư được làm tròn tương ứng với mục 4 c).

## 6. Bóc tách phí

Phí nước thải được tính cho

- Xử lý nước thải tập trung bằng phương pháp sinh học và
- Hệ thống thu gom chính và nhánh (tính cho ngoài vùng)

## **7. Mức tính phí**

Phí nước thải được tính cho

- Xử lý tập trung bằng phương pháp sinh học và
- Hệ thống thu gom chính và nhánh (tính cho ngoài vùng)
- với mức 0,51 € tính cho 1 mét vuông có trọng số diện tích của thửa đất của hộ.

## **8. Thời hạn thanh toán**

Phí nước thải phải được thanh toán sau khi nhận giấy báo 1 tháng.

## **9. Trả trước và trả theo khoản**

- (1) Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser thu phí dưới dạng trả trước cho toàn bộ số phí theo tùy theo tiến độ xây dựng cho đến 80% của khoản nợ dự tính nếu như người ta đã bắt đầu thi công biện pháp xây dựng mà có nghĩa vụ trả phí.
- (2) Đối với việc trả trước thì giải quyết tương tự như theo điều 8.

## **10. Trả trước**

- (1) Phí nước thải có thể được thanh toán trước khi phát giấy ghi nợ. Khoản thanh toán sớm được xác định tùy vào mức độ của khoản phí phải trả phát sinh dự kiến.
- (2) Đối với từng trường hợp cụ thể thì việc trả sớm đều được thỏa thuận giữa Hiệp hội JenaWasser và cá nhân có trách nhiệm trả phí. Về mặt pháp lý thì không có quyền yêu cầu trả sớm.

## **Phần II**

Qui định này có hiệu lực kể từ ngày 16.04.1999

Jena, ngày 03 tháng tư năm 2002

Đã ký Thomas Moritz  
Chủ tịch hiệp hội

- Đóng dấu -

\* \* \*

## Thông tin chung của địa phương về việc báo cáo tổng kết năm 2001 của Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser

Phiên họp hiệp hội đã xem xét báo cáo tổng kết năm 2001 và ban hành quyết định số 021/02 vào ngày 19.08.2002 do ông Thomas Moritz, chủ tịch hiệp hội đã ký. Quyết định có nội dung chính sau:

001	Trong kỳ họp Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser đã kiểm tra bản báo cáo tổng kết năm kết thúc vào ngày 31.12.2001, và có kết luận sau: đối với lĩnh vực nước sạch thì lỗ 1.403.977,89 Euro và lĩnh vực nước thải thì lãi 869.781,45 Euro.
002	Theo điều § 8 ThürEBV thì phần lỗ của lĩnh vực cấp nước sạch được chuyển khoản sang mục tính mới.
003	Khoản lợi nhuận thu được của lĩnh vực xử lý nước thải được cân đối đầy đủ với khoản nợ của sở giao thông thành phố Jena và Camburg mà đã phát sinh từ năm 1995. Cụ thể phải trả 521.694,91 € cho phần nợ của thành phố Jena và 348.086,54 € cho thành phố Camburg.
004	Theo điều § 8 ThürEBV thì lợi nhuận của lĩnh vực nước thải là 802.915,56 € được bổ sung cho quỹ dự trữ.
005	Nhu cầu thiếu của năm 2001 được xác định là 1.322 TEuro.
006	Chủ tịch hội, hội đồng thường trực và ban quản lý nhà máy hết nhiệm kỳ.

2. Đề nghị trong văn bản là thuê mượn công ty kiểm toán đức PwC Deutsche Revision, có địa chỉ ở Maximilian-Welsch-Straße 4, 99084 Erfurt, để làm các công tác kiểm toán kết quả năm 2000 của Hiệp hội.

“Chúng tôi đã kiểm tra bằng báo cáo tổng kết năm mà áp dụng hạch và kế toán, và bản báo cáo tình hình chung của các thành viên thuộc hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser là thành phố Jena, Camburg và các huyện thị ngoại thành, Jena (JenaWasser) cho năm tài khóa tính từ ngày 01.01 đến 31.12.2001. Công tác hạch toán kế toán và lập báo cáo tổng kết cuối năm cũng như viết báo cáo tổng kết tình hình chung đã được tiến hành theo đúng các qui định hiện hành và các điều chỉnh đã được bổ sung trong qui định của doanh nghiệp. Ban quản lý hiệp hội chịu hoàn toàn trách nhiệm cho các công tác này. Nhiệm vụ của chúng tôi là trên cơ sở những kiểm tra của mình để đưa ra một đánh giá chung về báo cáo tổng kết năm mà có xem xét đến vấn đề hạch toán kế toán và báo cáo tình hình chung.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm tra báo cáo tổng kết năm theo điều § 317 HGB mà có tuân thủ các nguyên tắc cơ bản về kiểm tra kết thúc theo đúng qui định mà viện kiểm toán Đức (IDW) đã ban hành. Trên cơ sở đó thì lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán, để từ đó phát hiện ra những điều không đúng hay những điểm sai sót mà ảnh hưởng đến kết quả của tình hình tài chính, vốn và thu nhập mà được thể hiện trong bản báo cáo thành tích năm. Trong khi xác định các hành vi kiểm tra thì có nghiên cứu các đặc điểm của hiệp hội như đặc thù công tác và môi trường kinh tế và pháp lý của JenaWasser cũng như những khả năng có thể phát sinh ra sai phạm. Trong khuôn khổ của công tác kiểm toán thì sẽ đánh giá tác dụng của hệ thống kiểm tra nội bộ (hạch toán và kế toán) cũng như để có được những minh chứng cho các số liệu được sử dụng trong báo cáo tài chính, báo cáo tổng kết năm và báo cáo tồn kho. Tất cả công tác này đều dựa trên cơ sở của kiểm tra mẫu ngẫu nhiên. Công tác kiểm toán bao gồm đánh giá việc áp dụng các nguyên tắc cân đối đã được áp dụng và đánh giá cơ bản của ban lãnh đạo cũng như xem xét báo cáo tổng kết chung của năm và báo cáo tình hình

chung. Chúng tôi có quan điểm là việc kiểm toán của chúng tôi là có đầy đủ cơ sở để đưa ra đánh giá và nhận định.

Qua việc kiểm toán của chúng tôi đã không đưa ra phản đối hay kiến nghị nào.

Theo nhận định của chúng tôi thì bản báo cáo tổng kết năm được hoàn thành theo đúng các nguyên tắc của công tác kế toán doanh nghiệp mà đã được qui định và bản báo cáo đã cho ta một bức tranh về tính hình thực tế về tài sản, tài chính, thu nhập của Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser. Bản báo cáo tình hình, nhìn chung đã thể hiện được tình hình chung của WAJ và nêu ra những nhận định về rủi ro của quá trình phát triển trong tương lai”.

Jena, ngày 7 tháng sáu năm 2002

PwC Deutsche Revision (kiểm toán đức)  
Công ty cổ phần  
Tổ chức kiểm toán kinh tế

(đã đóng dấu)

Đã ký (Meyer)                      đã ký (ppa Milosch)  
Kiểm toán kinh tế              Kiểm toán kinh tế

5. Báo cáo tổng kết năm 2001 cùng với bảng cân đối và tính lỗ lãi năm của ngày 07 tháng 6 năm 2002 và phụ lục cũng như bản báo cáo tình hình chung được công khai trong thời gian từ ngày 23.09.2002 đến ngày 11.10.2002.

Thứ hai - thứ tư	Từ 8.00 – 12.00 giờ và 13.00 – 16.00 giờ
Thứ năm	Từ 8.00 – 12.00 giờ và 13.00 – 18.00 giờ
Thứ sáu	Từ 8.00 – 12.00 giờ và 13.00 – 12.00 giờ

Tại văn phòng của Hiệp hội JenaWasser, Rudolstädter Strasse 39, 07745 Jena, phòng 6.20.

Jena, ngày 10.09.2002

Đã ký Thomas Moritz  
Chủ tịch hiệp hội                      - đóng dấu -

## **Các quyết định của lần họp hiệp hội chuyên ngành nước Jena Wasser lần thứ 64**

### **Quyết định thay đổi kế hoạch đầu tư cho cấp nước sạch và tiêu nước thải**

Kỳ họp của Hiệp hội chuyên ngành nước JenaWasser chấp thuận đồng ý thay đổi kế hoạch đầu tư của năm 2002.

#### **Lý do thay đổi:**

Đơn vị quản lý của hiệp hội có trách nhiệm thông báo ngay lập tức về kỳ học của hiệp hội nếu như bị thay đổi.

Việc thay đổi kế hoạch đầu tư không ảnh hưởng đến việc xin phép kế hoạch ngân sách của năm 2002.

\* \* \*

### **Quyết định về những việc làm tiếp theo trong tranh chấp với Hiệp hội chuyên ngành cấp nước từ xa của Nord và Ostthüringen**

001	Đình chỉ Quyết định số 043/99 của kỳ họp hiệp hội về tranh chấp tạm thời của qui trình miễn nhiệm thành viên trong Hiệp hội chuyên ngành cấp nước từ xa.
002	Giám đốc điều hành của Hiệp hội và giám đốc của sở tư pháp thành phố Jena được ủy quyền làm việc với giám đốc điều hành của Hiệp hội chuyên ngành cấp nước từ xa Nord- và Ostthüringen trong đàm phán về việc Hiệp hội chuyên ngành nước Jena chấm dứt là thành viên của Hiệp hội chuyên ngành cấp nước từ xa.
003	Đồng ý theo như hồ sơ gửi kèm theo đơn xin rút khỏi Hiệp hội chuyên ngành cấp nước từ xa, hợp đồng cấp nước, hợp đồng cân đối và loại trừ cũng như hợp đồng về xin phép loại trừ. Chủ tịch hiệp hội được ủy quyền ký vào các văn bản thỏa thuận tương ứng.
004	Đối với trường hợp, chấm dứt là thành viên của Hiệp hội chuyên ngành cấp nước từ xa mà không đạt được hay việc bỏ phiếu thông qua việc chấm dứt thành viên của Hiệp hội chuyên ngành nước Jena không đạt số phiếu 2/3 số phiếu theo qui định trong kỳ họp thì buộc phải tiến hành lại qui trình xin miễn nhiệm thành viên hay lập lại qui trình mới cũng như xin các giấy phép cần thiết.
005	Mỗi kỳ họp hiệp hội đều ban hành các báo cáo.

## **Quyết định bổ sung cho hợp đồng xây dựng “Sophienhöhe” với công ty xây dựng Kathan Bauträger GmbH**

Kỳ họp của Hiệp hội chuyên ngành JenaWasser đã quyết định bổ sung cho hợp đồng xây dựng khu “Sophienhöhe” như trong phần phụ lục.

### **Lý do:**

Cùng với công văn của ngày 27.06.2002 thì công ty xây dựng Kathan Bauträger GmbH Jena đã đề nghị Hiệp hội cho tiến hành xây dựng từng phần của khu vực nằm trong qui hoạch “Sophienhöhe” và trong hợp đồng xây dựng đã thỏa thuận giảm mức vốn bảo lãnh từ 200.000 € xuống còn một nửa.

**Tổng hành**

**dinh:** Hiệp hội chuyên ngành JenaWasser, Chủ tịch hội, Hòm thư 100664, 07706 Jena

**Cơ quan phát**

**hành:** Hiệp hội chuyên ngành JenaWasser, Văn phòng, Phụ trách biên tập: Hieke Ehrhardt; Fax 03641/688485, Điện thoại: 03641/688480; E.mail:

**Ban biên tập:**

[email@jenawasser.de](mailto:email@jenawasser.de)

**Ban biên tập**

**trù bị:** Saalebetreuungswerk der Lebenshilfe Jena gGmbH, xưởng in được công

**Khả năng đặt**

nhận, điều § 57

**mua,**

**điều kiện đặt**

**mua**

Schwbg, Am Fllutgraben 14, 07743 Jena;  
07.11.02

Văn bản được xuất bản không thường kỳ. Đối với các cộng đồng thành viên nằm trong huyện Saale-Holzland thì ấn phẩm được cung cấp miễn phí trong các tổ chức quản lý sau:

1. Hiệp hội quản lý Domburg, Am Markt 21, Domburg
2. Cơ quan quản lý thành phố Camburg Rathausstrasse 1, Camburg
3. Hiệp hội quản lý "Südliches Saaletal", Bahnhofstrasse 23, Kahla

Đối với thành phố Jena thì văn bản được cấp tại văn phòng dịch vụ của nhà máy cấp thoát nước Jena-Pössneck GmbH, Grietgasse 4 cũng như tại phòng phục vụ khách hàng ở phố Rudolstädter Strasse 39.

Văn bản được coi như một phen bản đơn chiếc và có thể được đề nghị cấp tại ban biên tập hoặc và được chuyển miễn phí hoặc có thể lấy từ trên mạng xuống theo địa chỉ [www.jenawasser.de](http://www.jenawasser.de)

Việc chuyển tài liệu in ấn cho những đơn vị đặt hàng đều được thực hiện theo hình thức gửi thư điện tử. Những đơn đặt hàng được thực hiện ngay sau khi đơn đặt hàng được gửi đến theo đường thư điện tử.

Việc in ấn phát hành lại phải được phép của nhà xuất bản. Nhà xuất bản không chịu mọi trách nhiệm với số liệu.

**10. Ban hành quy định về tiêu thoát nước của mảnh thửa, kết nối với hệ thống nước thải công cộng và sử dụng chung của thành phố Mainz và Hiệp hội địa phương vùng Badenheim vào ngày 13.12.2001**



Wirtschaftsbetrieb  
Mainz

**Ban hành qui định về tiêu thoát nước của mảnh thừa, kết nối với hệ thống nước thải công cộng và sử dụng chung của thành phố Mainz và hiệp hội địa phương vùng Bodenheim vào ngày 13.12.2001**



Wirtschaftsbetrieb  
Mainz

**Neufassung der  
Entgeltsatzung fuer die  
oeffentliche  
Abwasserbeseitigung der  
Stadt Mainz und der  
Verbandsgemeinde  
Bodenheim wom  
13.12.2001**



## MỤC LỤC

1. Qui định chung.....	1
2. Qui mô của công trình công cộng .....	1
3. Cá nhân có quyền kết nối với hệ thống tiêu thoát .....	1
4. Thừa đất .....	2
5. Quyền kết nối và sử dụng .....	2
6. Các điều hạn chế về quyền kết nối .....	2
7. Các điều hạn chế về quyền sử dụng.....	2
8. Cưỡng buộc trong kết nối và sử dụng hệ thống tiêu thoát .....	6
9. Ngoại lệ và bãi miễn .....	7
10. Đường ống kết nối với mảnh thửa .....	7
11. Thu tục trình báo và cấp phép cho công trình tiêu thoát nước cho mảnh thửa.....	8
12. Thi công, bàn giao, chi phí và bảo dưỡng.....	9
13. Cho phép người thừa hành công vụ thăm công trình tiêu thoát của thửa đất và chủ hộ có nghĩa vụ trong cung cấp thông tin .....	10
14. Tài sản nằm trong nước thải .....	11
15. Các bề thu tập trung .....	11
16. Phá dỡ và phá bỏ công trình.....	11
17. Trách nhiệm.....	11
18. Hành vi trái qui định .....	11
19. Qui định có hiệu lực trong giai đoạn quá độ.....	12
20. Có hiệu lực .....	12

Hội đồng thành phố đã quyết định ban hành qui định về tiêu thoát nước của thửa đất, kết nối với hệ thống nước thải công cộng (chung) và sử dụng chung ở thành phố Mainz và hiệp hội địa phương của vùng Bodenheimer vào ngày 12.12.2001 trên cơ sở của các điều luật: Điều § 24 qui định đối với các địa phương ở vùng Rheinland-Pfalz (GemO) trong qui định mới của ngày 31.01.1994 (GVBl. trang 153), cuối cùng được sửa đổi qua điều 9 của bộ luật bang ngày 06.02.2001 (GVBl. trang 29) cùng liên quan với điều § 52 (3) của luật nước của ngày 14.07.1993 (GVBl. trang 11), thay đổi thông qua luật của ngày 08.06.1993 (GVBl trang 314), 14.07.1993 (GVBl trang 396) và của 05.04.1995 (GVBl trang 69).

### **1. Qui định chung**

- (1) Nước thải là nước bản đã bị biến đổi về chất lượng (tính chất của nước) do sử dụng cho mục đích dân sinh, sản xuất kinh doanh, nông nghiệp và các mục đích khác; cũng như nước mưa là lượng nước tiêu thoát ra từ các khu vực được xây dựng hay cứng hóa (nước mưa) cũng như lượng nước chảy cùng với nước bản hay nước mưa trong hệ thống tiêu thoát nước (ví dụ nước ngầm)
- (2) Thành phố Mainz chịu trách nhiệm tiêu thoát và làm sạch nước thải trong phạm vi các quận huyện của thành phố cũng như các khu vực lân cận thuộc Bodenheimer.

### **2. Qui mô của công trình công cộng**

- (1) Các yếu tố và thành phần sau thuộc về hệ thống tiêu thoát nước
  - a) Mạng kênh gồm các kênh cho nước bản và kênh cho nước mưa và nước ngầm (theo phương pháp tách) hay các kênh để tiếp nhận các loại nước thải (phương pháp hỗn hợp),
  - b) Các điểm nhánh (cửa nhập) cho các gia đình hay các thửa đất kết nối,
  - c) Các trạm bơm nước thải,
  - d) Các hệ thống trữ,
  - e) Các hệ thống xử lý,
  - f) Các mương,
  - g) Các hệ thống và công trình không do thành phố mà là do người thứ ba xây dựng và quản lý, song thành phố có thể sử dụng cho mục đích tiêu thoát nước thải,
  - h) Các công trình để xử lý nước bản của các thửa đất mà không kết nối với hệ thống chung.
- (2) Hệ thống nước thải do thành phố quản lý. Việc quản lý bao gồm các công tác như giám sát, kiểm tra, duy tu bảo dưỡng, làm vệ sinh và sửa chữa.
- (3) Thành phố quyết định về loại và qui mô, xây dựng, mở rộng, đổi mới và vận hành hệ thống nước thải (ngoài trừ hệ thống theo mục (a) g)

### **3. Cá nhân có quyền kết nối với hệ thống tiêu thoát**

- (1) Cá nhân có quyền kết nối theo qui định này là chủ nhân sở hữu thửa đất hay người có quyền thừa kế, người được hưởng thụ cũng như người có sở hữu căn hộ và quyền thừa kế căn hộ chiếu theo luật về chủ sở hữu căn hộ của ngày 15.03.1951 (BGBl. I

trang 175), nếu như thửa đất đó có danh giới với đường giao thông công cộng, một con đường công cộng hay một quảng trường

- (2) Nếu như có nhiều cá nhân có quyền kết nối với hệ thống tiêu thoát ở trong cùng một thửa đất thì bất cứ cá nhân nào cũng đều có quyền và nghĩa vụ theo qui định này.

#### **4. Thừa đất**

Thừa đất theo qui định này mà không quan tâm đến ký hiệu ghi trong sổ địa chính, được hiểu là việc sở hữu mảnh đất bất kỳ có liên quan, đã được xây dựng hay chưa được xây dựng, nếu như chủ sở hữu có ý định thành lập một đơn vị kinh tế riêng trên đó. Điều này hoàn toàn đúng trong trường hợp mà thửa đất được đánh (ghi) số nhà.

#### **5. Quyền kết nối và sử dụng**

Cá nhân có quyền kết nối mà có lưu ý đến những điểm hạn hạn của điều § 6 thì có quyền kết nối của thửa đất của mình với hệ thống nước thải và có lưu ý đến những điểm hạn chế của điều § 7 có quyền được dẫn nước thải phát sinh trong thửa đất của mình vào hệ thống chung.

#### **6. Các điều hạn chế về quyền kết nối**

- (1) Thành phố có thể loại trừ việc tiếp nhận nước thải chiếu theo điều § 53 mục 3 và 4 của LWG mà có sự thỏa thuận với đơn vị quản lý nước trực tiếp.
- (2) Trong các khu vực mà được tiêu thoát bằng phương pháp tách thì nước thải chỉ được phép đưa vào những kênh tiêu nhất định. Trong những trường hợp ngoại lệ thì thành phố có qui định nhằm cho kênh tiêu nước thải dễ chảy hơn thì nước mưa của những thửa đất nằm trong vị trí thuận lợi sẽ được phép dẫn vào.
- (3) Tiêu thoát mà làm hạ mực nước ngầm trong khu vực là không được phép.

#### **7. Các điều hạn chế về quyền sử dụng**

- (1) Không được tiêu thoát vào hệ thống nước thải các chất mà làm hư hỏng hệ thống nước thải, làm cho quá trình vận hành tiêu thoát bị ngưng trệ, làm cho quá trình làm sạch hay phân hủy của nước thải và bùn nước thải bị cản trở, làm ảnh hưởng lâu dài đến tình trạng của dòng chảy hay có thể làm ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng của những nhân công làm việc ở các trạm xử lý nước thải. Đặc biệt cấm các chất sau:
  - a) Các chất thải rắn mà có thể tích tụ trong lòng kênh và cản trở dòng chảy,
  - b) Các chất thải lỏng mà làm đông cứng lòng kênh,
  - c) Các chất dễ cháy hoặc nổ,
  - d) Các hóa chất mang độc tính, bền vững và tích tụ sinh học thì được xếp vào các chất độc hại,
  - e) Các loại nước thải mà có thể bốc hơi hay tạo khí có mùi khó chịu, dễ cháy, nổ, độc hại, xâm nhập hay độc hại khác.
  - f) Nước thải từ các bể ủ phân và bể lên men trong sản xuất nông nghiệp, bể chứa phân và nước tiểu

- g) Các loại nước thải có nhiệt độ trên 35°C hoặc hơi nước được dẫn trực tiếp từ đường ống hoặc lò.
- h) Các chất phóng xạ vượt ngưỡng cho phép theo các điều luật § 34 của qui định về phòng chống nhiễm xạ của ngày 13.10.1976 (BGBl. I, trang 2905 ber. 77, trang 184, trang 296) cuối cùng đã được sửa đổi thông qua luật của ngày 23.08.1979 (BGBl. I, trang 1509), nếu như các điều luật của bang không qui định khác về các nồng độ ở mức thấp hơn.
- i) Cũng như tất cả các chất mà theo qui định của nền kinh tế không chất thải (kinh tế tuần hoàn) và luật về rác thải mà có thể tái sử dụng lại hoặc xử lý được.
- (2) Các hệ thống tiêu thoát thừa đất mà có chứa rác thải và thức ăn thừa bị nghiền nhỏ và tương tự thì không được phép kết nối.
- (3) Tiêu thoát các nước thải của xí nghiệp công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp cũng như tương tự thì không được phép nếu như nồng độ các chất thải độc hại trong dòng chảy

1.	Arsen	0,3 mg/l
2.	Barium	3 mg/l
3.	Chì	0,5 mg/l
4.	Cadimi	0,2 mg/l
5.	Chlor tự do	0,5 mg/l
6.	Crom tổng	0,5 mg/l
7.	Crom VI	0,1 mg/l
8.	Cyanid tổng	10,0 mg/l
9.	Cyanid dễ phân hủy	0,2 mg/l
10.	Cobalt	1 mg/l
11.	Đồng	0,5 mg/l
12.	Kẽm	0,5 mg/l
13.	Thủy ngân	0,05 mg/l
14.	Selen	1,0 mg/l
15.1	Bạc (của các xí nghiệp chế biến bạc)	0,1 mg/l
15.2	Bạc (của xưởng sản xuất phim ảnh)	0,5 mg/l
16.	Sulphit	1,0 mg/l
17.	Thallium	1 mg/l
18.	Thiếc	2 mg/l
19.	Kẽm	2 mg/l
20.	Hydrocacbon halogen (AOX theo DIN trong qui định hiện hành)	1 mg/l
21.1	Tổng Hydrocacbon halogen loại nhẹ theo EN ISO 10301 (1997) (Ví dụ 1,1,1 Trichlorethan, Trichlorethen, Tetrachlormethan ...)	0,5 mg/l
21.2	Hydrocacbon halogen loại nhẹ theo EN ISO 10301 (1997) tùy theo thành phần	0,1 mg/l

Nồng độ cao hơn trong các dòng chảy nước thải nội trong xí nghiệp thì cần phải có hệ thống xử lý sơ bộ trước đó.

- a) Các hệ thống xử lý sơ bộ trước đó cần phải được xây dựng, vận hành và bảo trì làm sao để khả năng gây độc hại của nước thải nhỏ tương đương như việc áp dụng các phương pháp xử lý mà phù hợp với trình độ kỹ thuật hiện tại.
  - b) Nếu như trong giấy phép mà không qui định các giá trị khác thì trong quá trình vận hành hệ thống xử lý sơ bộ cần đảm bảo các trị ngưỡng về nồng độ của các chất độc hại.
  - c) Để kiểm tra giám sát chất lượng nước thải thì trong qui trình vận hành của hệ thống xử lý sơ bộ cần phải qui định việc lấy mẫu quan trắc.
  - d) Các tổ chức hay cá nhân của các hệ thống như vậy có trách nhiệm tự giám sát kiểm tra và đảm bảo là các hợp chất mà trong qui định này cấm thì không được xâm nhập vào hệ thống tiêu thoát chung, và nếu như trong quyết định cho phép mà không đưa ra các giá trị ngưỡng khác thì các giá trị ngưỡng như đã nêu trong qui định phải được giữ. Trong quá trình tự kiểm tra thì phải có sổ theo dõi và ghi chép nếu như thành phố yêu cầu thì có thể đem trình báo.
  - e) Mỗi xí nghiệp cần nêu đích danh một cá nhân có trách nhiệm trong việc phục vụ vận hành hệ thống xử lý sơ bộ và thông báo cho thành phố biết.
  - f) Bất cứ một trục trặc kỹ thuật cơ bản nào mà quan trọng đối với nước thải trong hệ thống xử lý sơ bộ thì phải thông báo ngay cho thành phố.
- (4) a) Khi kết nối với các thửa đất mà ở đó có phát sinh ra các chất chứa xăng dầu, benzol hay dầu mỡ hay các chất tương tự thì theo qui định của thành phố trong từng trường hợp cụ thể phải xây dựng hệ thống tách riêng hoặc tương tự để loại bỏ các chất này ra khỏi nước thải trước khi đưa vào hệ thống chung (xem DIN 1986, DIN 1999 và DIN 4041).
- Hệ thống tách đối với các chất nhẹ dễ cháy hay dễ nổ và các chất nguy hại đến nước thì phải được trang bị van nổi. Nếu như cần có một hệ thống tách chất lỏng nhẹ theo DIN 1999 thì hệ thống này cần phải được trang bị thêm hệ thống màng lọc. Không được phép đổ các chất để tạo thành dung dịch có chứa cacbon bền vững và như vậy ảnh hưởng đến khả năng hoạt động của bộ phận tách.
- b) Hệ thống tách phải do các nhân có quyền kết nối thường xuyên và theo nhu cầu thông tắc. Thành phố có thể ấn định thời điểm thông tắc và làm vệ sinh chung. Bất cứ hệ thống tách nào hàng năm cũng phải được thông tắc và làm vệ sinh một lần. Đối với các công trình hệ thống màng lọc thì thành phố có thể xem xét đơn đề nghị xem xét khả năng hoạt động tốt của hệ thống để kéo dài khoảng thời gian kiểm tra lên 2 năm. Thành phố có thể thông tắc và làm vệ sinh bộ phận tách và chi phí do bên chủ sở hữu chịu.
  - c) Khả năng hoạt động của hệ thống tách thì phải do các chuyên gia kiểm tra ít nhất mỗi tháng 1 lần. Việc kiểm tra bao gồm:
    - Đo độ dày của các chất lỏng loại nhẹ được tách trong bộ phận tách
    - Đo dung tích bùn trong phần lắng đọng bùn cát
    - Kiểm tra khả năng hoạt động của cửa van tự đóng của bộ phận tách
    - Kiểm tra có thể hệ thống báo động
    - Đo mực nước trước và sau

Việc đo đạc và kết quả kiểm tra đối với mỗi hệ thống tách xăng dầu thì phải được ghi nhận trong nhật ký vận hành và sổ kiểm tra.

d) Bất cứ hỏng hóc cơ bản và quan trọng nào của hệ thống tách thì phải báo ngay cho thành phố.

(5) Việc tiêu thoát nước thải vào hệ thống nước thải công cộng bị cấm nếu nồng độ các chất độc hại của nước thải trước khi đưa vào hệ thống nước thải công cộng vượt quá các chỉ tiêu sau:

(6)

1.	Nồng độ pH	6,5 – 10,0
2.	Sulphát	600,0 mg/l
3.	Ammonium và Ammoniak	200,0 mg/l
4.	Fluorid	60,0 mg/l
5.	Phenol	20,0 mg/l
6.	Các chất chỉ thị màu: Chỉ ở nồng độ mà khi chảy trong bể xử lý không còn phân biệt được màu	20 mg/l
7.	Dầu mỡ có thể làm xà phòng	250,0 mg/l
8.	Các chất màu: Chỉ với nồng độ mà trong quá trình của hệ thống xử lý mà màu không thể nhận biết được	
9.	Các chất có thể phân hủy nếu như việc tách bùn là cần thiết	1 mg/l sau 0,5 giờ kết tủa
10.	Các hợp chất sinh học khó hoặc không thể phân hủy được chỉ được phép dẫn vào hệ thống nếu thành phố đồng ý cho một khoảng thời gian có phép nhất định. Hợp chất sinh học khó hoặc không phân hủy được là hiểu là những chất mà nồng độ COD của chúng tự giảm đi ít nhất 50% nhờ áp dụng phương pháp phân hủy trong vòng 24 tiếng mà có sử dụng các thành phần phân hủy do nhà máy xử lý nước thải Mainz cung cấp.	

Thành phố đang dự định ban hành tiếp theo các trị ngưỡng cho các chất khác. Tương tự vậy, trong một số trường hợp đặc biệt thì nồng độ của một số chất có thể sẽ còn tiếp tục bị hạ thấp hoặc việc chất tải một số chất vào dòng chảy sẽ bị giới hạn nếu như việc làm đó là cần thiết đối với vận hành hệ thống nước thải hay xử lý các chất bùn thải hay do cơ sở pháp lý ấn định các trị số ngưỡng này còn thấp hơn.

(7) Các giá trị ngưỡng được ghi trong điều § 7 (3) và § 7 (5) là các trị số cao nhất mà không được phép vượt. Đối với các trường hợp chảy tràn của các các hệ thống xử lý nước thải sơ cấp thì cần lưu ý đến điều § 7 (3) a). Việc lấy mẫu để kiểm tra các giá trị ngưỡng phải đảm bảo là mẫu tiêu biểu và có chất lượng. Thành phố có quyền tiến hành lấy mẫu riêng để biết được một cách chính xác hơn về nồng độ và tải lượng của từng thông số riêng.

- (8) Nếu các hộ để các chất độc hại và nguy hiểm xâm nhập vào hệ thống tiêu thoát chung thì có trách nhiệm thông báo ngay lập tức với thành phố.
- (9) Nếu lượng nước thải hay hỗn hợp các chất thải của các xí nghiệp công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp thay đổi cơ bản thì các xí nghiệp có trách nhiệm thông báo ngay cho thành phố. Nếu hệ thống nước thải hiện có không đủ cho việc tiếp nhận một lượng nước thải gia tăng thì thành phố có quyền cấm tiêu thoát vào hệ thống chung khi xí nghiệp không nhất trí chịu mọi chi phí để mở rộng cần thiết phần tiếp nhận vào hệ thống chung.
- (10) a) Trong trường hợp cần thiết thì theo hướng dẫn của thành phố mà thiết lập trạm đo đạc và ghi tự động cũng như các thiết bị lấy mẫu để kiểm tra chất lượng nước thải và đảm bảo cho các trang thiết bị này hoạt động tốt.  
b) Thành phố có thể yêu cầu xây dựng bổ sung công kiểm tra này trước điểm kết nối vào hệ thống chung theo qui định của DIN 1986 và toàn bộ mọi chi phí phát sinh do bên có quyền kết nối phải chi trả, nếu việc làm này là phù hợp với lợi ích công cộng thì tuân thủ theo đúng tinh thần của qui định này.
- (11) Các xí nghiệp công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp mà chịu sự điều tiết của các qui định theo quyết định của bang về trách nhiệm xin phép đối với việc dẫn nước thải có các chất nguy hại vào hệ thống nước thải công cộng cần tuân thủ theo qui định mới nhất và phải tiến hành nghiên cứu nước thải của mình chiếu theo qui định của luật nước theo điều § 55 LWG (luật nước) hay qui định về tự giám sát. Các kết quả nghiên cứu trong vòng 1 tháng phải thông báo ngay cho thành phố.

#### **8. Cưỡng buộc trong kết nối và sử dụng hệ thống tiêu thoát**

- (1) Các cá nhân có quyền kết nối thì chịu trách nhiệm về việc kết nối thửa đất của mình nếu như đã xây dựng với hệ thống tiêu thoát nước thải (cưỡng buộc trong kết nối) và sử dụng hệ thống này (cưỡng buộc trong sử dụng).
- (2) Thành phố có quyền buộc thửa đất chưa được xây dựng phải kết nối với hệ thống tiêu thoát nếu như xã hội có nhu cầu.
- (3) Việc kết nối phải được tiến hành trong vòng 3 tháng sau khi có yêu cầu về văn bản, đối với công trình xây dựng mới và sửa đổi thì việc kết nối phải kịp thời trước khi đưa công trình vào sử dụng. Các công trình xử lý nhỏ hoặc tương tự thì phải ngừng hoạt động, làm vệ sinh và bơm hút hết.
- (4) Nếu ở những con đường giao thông, đường đi lại và quảng trường mà chưa xây (tồn tại) hệ thống tiêu thoát, mặc dù đã có qui hoạch, mà có một công trình mới được xây dựng hoặc hệ thống nước thải cũ của một công trình đã tồn tại được sửa chữa hay làm lại thì phải đề nghị thành phố xây dựng công trình cần thiết để sau này có thể kết nối.
- (5) Nếu việc kết nối tất cả hoặc chỉ một phần của nước thải mà không đảm bảo độ dốc tiêu thoát (chảy với độ dốc tự nhiên) thì thành phố có thể yêu cầu cá nhân có quyền kết nối phải xây dựng và vận hành cũng như mọi phí tổn cho việc xây dựng một hệ thống nâng (trạm bơm nước thải).

## **9. Ngoại lệ và bãi miễn**

- (1) Đối với các điều trong qui định này mà được xem là qui định bắt buộc hay qui tắc thông dụng hay ngoại lệ thì cá nhân có quyền đệ đơn xin xem xét như một ngoại lệ nếu như không đi ngược với nguyện vọng của xã hội.
- (2) Đối với các điều khác của qui định này thì cá nhân có quyền đệ đơn xin bãi miễn nếu điều lệ xin bãi miễn không ảnh hưởng đến mục đích đạt được của qui định này hay sự lệch lạc của các điều của qui định này không ảnh hưởng đến quyền lợi của xã hội.
- (3) Ngoại lệ và được phép miễn có thể được ban hành kèm theo giới hạn và điều kiện cũng như thời hạn và có thể bị hủy bỏ.

## **10. Đường ống kết nối với mảnh thửa**

- (1) Đường ống kết nối với thửa đất là một phần của hệ thống tiêu thoát thửa đất trong khu vực giao thông công cộng kéo dài từ kênh tiêu cho đến mảnh thửa. Nó do thành phố xây dựng, sửa chữa, đổi mới, thay đổi và phá bỏ.
- (2) Cứ mỗi thửa đất đều được kết nối một lần, sẽ nhận được một điểm kết nối dưới lòng đất và đấu nối trực tiếp với hệ thống tiêu thoát nước thải chung. Ngoại lệ có thể được cho phép thông qua làm đơn. Giấy phép có thể qui định các điều giới hạn và điều kiện.
- (3) Mỗi thửa đất nhận được:
  - a) một kết nối duy nhất trong khu vực có phương pháp tiêu hỗn hợp
  - b) hai kết nối trong khu vực có phương pháp tiêu tách, một đấu nối với hệ thống nước thải và một với hệ thống nước mưa.
- (4) Các kết nối bổ sung trong một số trường hợp đặc biệt được thành phố cho phép. Những kết nối này do thành phố xây dựng, sửa chữa, đổi mới, thay đổi và phá bỏ. Chi phí cho các công tác đó sẽ bồi hoàn thông qua thu lệ phí mà chủ sở hữu thửa đất hay cá nhân có quyền sử dụng phải chi trả.
- (5) Thành phố có thể cho phép ngoại lệ hai hoặc nhiều thửa đất được tiêu thoát thông qua một hệ thống kết nối chung mà trong đó thành phố qui định vị trí của cống kiểm tra và các ấn định các điều kiện.

## 11. Thu tục trình báo và cấp phép cho công trình tiêu thoát nước cho mảnh thửa

- (1) Việc tiêu thoát nước thải vào hệ thống công cộng cũng như việc xây dựng và sửa chữa công trình để xử lý hay xử lý sơ bộ nước thải của thửa đất (hệ thống tiêu thoát riêng của mảnh thửa) thì cần phải xin phép và làm đơn.

Những trường hợp sau thì miễn xin giấy phép:

- a) Nhà ở cấp 1 – 4 theo điều § 2 của qui tắc xây dựng của bang (LBauO) theo các qui định hiện hành,
- b) Nhà ở cấp 1 – 4 phục vụ chủ yếu cho công tác văn phòng và việc ở chỉ là phụ theo đúng tinh thần của điều § 13 qui định sử dụng công trình xây dựng (BauNVO) với văn bản mới nhất,
- c) Nhà ở cấp 1 – 4 phục vụ chủ yếu cho công tác văn phòng hay quản lý kể cả căn hộ mà theo tinh thần của điều § 8 điểm 3 số 1 BauNVO.

Trong các trường hợp từ 1-3 thì trước khi bắt đầu biện pháp cần phải có trình báo theo mục 15.

- (2) Nếu thành phần của nước thải được tiêu thoát từ thửa đất bị thay đổi và như vậy vi phạm các điều hạn chế khi tiêu dẫn theo điều § 7 của qui định này hay vượt các giá trị ngưỡng được ghi trong giấy phép, thì cần phải làm lại đơn xin tiêu thoát nước thải.
- (3) Giấy phép về tiêu dẫn nước thải của sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp cũng như nước thải khác, không phải nước thải từ hộ gia đình, thì có thể bị thu hồi và có thể được giới hạn. Điều này cũng có hiệu lực đối với nước thải của các tổ chức công cộng như nước thải từ doanh trại quân đội, trường học, ...
- (4) Khi tiêu dẫn nước ngầm cần phải xuất trình ngoài giấy phép của sở xây dựng công trình ngầm – xí nghiệp tiêu thoát – cần có giấy phép của sở (phòng) tài nguyên nước trực thuộc về việc tiêu dẫn vào hệ thống công cộng.
- (5) Đơn thì phải được viết và nộp cho phòng trực tiếp giải quyết sự vụ của thành phố. Đơn phải bao gồm
  - a) Mô tả hệ thống công trình đã được xây dựng và đang qui hoạch trên thửa đất với các thông số cơ bản về qui mô và hình thức cứng hóa của mảnh thửa
  - b) Các dữ liệu về loại, khối lượng và thành phần của nước thải của các doanh nghiệp công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, bệnh viện, và các cơ sở tương tự.
- (6) Phụ lục được làm hai bản và gửi kèm theo đơn gồm có:
  - a) Sơ đồ mặt bằng của thửa đất được kết nối (trích lục từ sơ đồ kênh mương tiêu thoát của thành phố). Trích lục này lấy từ sơ đồ kênh mương tiêu thoát của thành phố sẽ do ban quản lý địa chính thành phố, sở công trình ngầm – xí nghiệp tiêu thoát nước – cung cấp khi có đơn đề nghị. Đó là một bản vẽ có vẽ bổ sung thêm các công trình hiện có hay đã qui hoạch và hệ thống kết nối với kênh tiêu chung.
  - b) Đối với mỗi công trình thì cần có bản vẽ mặt bằng của tầng hầm với tỷ lệ 1:100 hay 1:50 và mặt bằng của các tầng khác cũng như các công trình ngoài trời, nếu như các công trình này cần thiết để mô tả hệ thống tiêu thoát nước của thửa đất theo DIN 1986;

- c) Đối với mỗi công trình thì cần có mặt cắt với tỷ lệ 1:50 hay 1:100 cho các đường ống, hệ thống thông khí và thừa đất với có hệ thống ống chảy thoát chính theo DIN 1986. Trong bản vẽ phải điền độ cao cho kênh tiêu ngoài đường, kênh kết nối từ đáy của tầng hầm (tầng chệt) và mặt đất.
  - d) Tính toán đường kính ống phải theo DIN 1986 cho ngôi nhà có nhiều gia đình và thừa đất sử dụng cho sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp,
  - e) Có báo cáo mô tả công trình cho công trình tiêu thoát,
- (7) Tất cả mọi đơn từ đều phải do người có quyền kết nối ký tên. Tất cả các bản vẽ đều phải sử dụng giấy bền có tuổi thọ lâu và các công trình cần được đánh dấu như sau:
- a) Các công trình hiện có = màu đen
  - b) Các công trình đang qui hoạch = màu đỏ
  - c) Các công trình sẽ tháo dỡ = màu vàng
- (8) Thành phố Mainz sẽ xem xét toàn bộ hồ sơ và ra quyết định phù hợp với những qui định về kỹ thuật đối với việc xây dựng và vận hành các hệ thống của thừa đất (DIN 1986) và các điều kiện cần phải được đảm bảo theo qui định này. Thành phố có quyền yêu cầu bổ sung thêm hồ sơ, bản vẽ đặc biệt, có các kết quả nghiên cứu về chất lượng nước thải và xác nhận của các chuyên gia nếu như việc đó thực cần thiết.
- (9) Đối với hệ thống tiêu thoát nước thải của thừa đất cần phải xây mới hay thay đổi thì phải trong đơn phải làm rõ là hệ thống hiện có không đáp ứng được các yêu cầu của qui định và cái mới sẽ phù hợp hơn.
- (10) Giấy phép được thông báo bằng văn bản và có thể nêu ra những giới hạn cũng như các điều kiện. Trong các trường hợp khẩn có thể cấp giấy phép tạm thời sau khi đã kiểm tra.
- (11) Với trường hợp không phép hay không phép tạm thời thì tuyệt đối không tiến hành thi công hay tiếp tục thi công.
- (12) Trong quá trình lập kế hoạch thi công hay thi công nếu có vênh so với giấy phép tiêu thoát thì phải báo ngay và xin phép thành phố bổ sung cho giấy phép.
- (13) Giấy phép không được làm tổn hại đến người thứ ba.
- (14) Giấy phép mất hiệu lực sau ba năm nếu
- a) Công việc thi công chưa được tiến hành hoặc
  - b) Việc thi công kéo dài trên 3 năm thì đình chỉ giấy phép.
- (15) Trong trường hợp của khoản 1 mục 2 thì bản thông báo phải có sơ đồ thừa đất cần kết nối (trích từ sơ đồ kênh tiêu của thành phố) theo mục 6a thì điền (vẽ) thêm vào các công trình đã có hay đang qui hoạch và hệ thống tiêu dẫn kết nối với thông số như đường kính ống.

## 12. Thi công, bàn giao, chi phí và bảo dưỡng

- (1) Việc thiết kế và thi công các công trình tiêu thoát của thừa đất phải tuân theo “Qui định về kỹ thuật đối với việc xây dựng và vận hành các công trình tiêu thoát DIN 1986” dựa vào văn bản mới nhất, nếu như qui định này không do các điều khác điều chỉnh.

- (2) Tất cả các đường ống tiêu thoát chính nằm ngoài nhà và nội trong nhà nằm ở dưới tầng hầm thì phải do thành phố nghiệm thu. Ở đây chỉ loại trừ những phần công trình mà được phép miễn kiểm tra chiếu theo điều 11 mục 1 của trách nhiệm lấy giấy phép. Cá nhân đệ đơn hay doanh nghiệp phải có trách nhiệm làm đơn trước khi nghiệm thu 1 ngày. Trong khi nghiệm thu buộc tất cả các thành phần công trình phải được dọn quang để có thể tham quan và tiếp cận được. Những thành phần công trình nào không đạt yêu cầu thì sau khi sửa chữa làm lại thì tiến hành nghiệm thu.
- (3) Việc nghiệm thu hệ thống tiêu thoát của thửa đất thông qua thành phố không có nghĩa là doanh nghiệp xây dựng đã hết trách nhiệm và nghĩa vụ về việc xây dựng không có lỗi và thi công theo đúng qui định trên cơ sở các hợp đồng thi công đã ký với cá nhân có trách nhiệm kết nối.
- (4) Việc xây dựng và bảo trì hệ thống tiêu thoát thửa đất trên thửa đất của mình thì do các nhân có quyền kết nối chịu trách nhiệm. Thành phố có thể nhận đơn để làm vệ sinh, xối rửa cống, thông tắc cống cũng như các công việc tương tự, song chi phí thì do cá nhân có quyền kết nối chịu.
- (5) Thành phố có quyền yêu cầu xây sửa lại hệ thống công trình tiêu thoát của thửa đất do không phù hợp với qui định hiện hành, tuân thủ theo đúng những điểm mà qui định hiện hành yêu cầu.
- (6) Để tránh trường hợp ứ đọng do hệ thống tiêu thoát công cộng gây ra thì các cá nhân có quyền kết nối có trách nhiệm tự bảo vệ mình.

Nếu van khóa thường xuyên của hệ thống dùng cho trường hợp ứ đọng nước của hệ thống chính dồn xuống theo DIN 1997 do ít sử dụng nên hóc hoặc do các yếu tố khác mà không dùng được, và các phòng liên đới bên cạnh (căn hộ, nhà kho, hầm chứa thực phẩm, ...) cần phải được bảo vệ tuyệt đối trước sự xâm hại của nước bẩn thì cá nhân có quyền kết nối phải đặt máy bơm hút để hút nước thải và chuyển ra hệ thống tiêu thoát chính của thành phố. Tất cả các công trình tiêu thoát mà có nguy cơ bị úng ngập là do thửa đất nằm sâu dưới mặt đường.

### **13. Cho phép người thừa hành công vụ thăm công trình tiêu thoát của thửa đất và chủ hộ có nghĩa vụ trong cung cấp thông tin**

- (1) Người có quyền kết nối có trách nhiệm cung cấp mọi thông tin cần thiết để kiểm tra tình trạng nước thải và trong kiểm tra công trình thì phải cung cấp nhân công, tài liệu và công cụ cần thiết.
- (2) Người được thành phố ủy quyền (người thừa hành công vụ) cho phép trong khuôn khổ của các luật pháp hiện hành đi thăm (bộ hành hoặc bằng phương tiện cơ giới) thửa đất mà đã có kết nối hoặc sẽ kết nối với hệ thống tiêu thoát chung, nếu như việc làm này là cần thiết để kiểm tra khả năng kết nối, kiểm tra hệ thống tiêu thoát của mảnh thửa, để lấy mẫu nước thải, để dọn sạch phần công trình tách, bể chứa nước thải và tương tự hoặc cần thiết để loại bỏ các hỏng hóc. Tất cả các cửa mở cho làm vệ sinh, cống kiểm tra, van đóng mở, hệ thống tách ... thì phải chuẩn bị để có thể tiếp cận được.
- (3) Người được thành phố ủy quyền (người thừa hành công vụ) khi thi hành công vụ phải trình giấy công vụ.

#### **14. Tài sản nằm trong nước thải**

- (1) Mọi loại nước thải được tiêu thoát ra ngoài hệ thống nước thải chung, được lấy ra qua việc thông hút bể phốt hoặc tương tự và được lấy ra để làm mẫu nghiên cứu đều được coi là tài sản của thành phố. Bất cứ những tài sản nào có giá trị nếu được tìm thấy trong đó đều được xử lý như là tài sản nhặt được.

#### **15. Các bể thu tập trung**

- (1) Nếu chưa có các kênh tiêu nước thải công cộng có khả năng hoạt động thì nước thải phải tiêu dẫn tập trung vào bể chống thấm. Nước trong bể phải được thường xuyên chờ đi. Minh chứng cho việc chờ nước thải đi là các giấy tờ cần thiết khi chờ đi (giấy của bên nhận xử lý nước thải – ND). Việc xây dựng, sửa chữa, đổi mới và phá dỡ bể thu tập trung thì chủ sở hữu mảnh thửa, thì cá nhân có quyền xây, người hưởng thụ cũng như chủ sở hữu căn hộ và cá nhân có quyền thừa kế theo đúng tinh thần của luật về sở hữu căn hộ của ngày 15.03.1951 (BGBl I trang 175) phải gánh chịu mọi chi phí.
- (2) Việc thông tắc các bể thu tập trung theo khoản (1) thì do thành phố tiến hành. Thành phố có thể sử dụng trợ lý tiến hành.
- (3) Để với việc cấp phép cho bể thu tập trung theo tinh thần của điều 11 thì có thu hồi giấy phép bất cứ lúc nào.

#### **16. Phá dỡ và phá bỏ công trình**

- (1) Khi phá dỡ một ngôi nhà mà có kết nối với hệ thống tiêu thoát thì cá nhân có quyền kết nối phải có trách nhiệm thông báo kịp thời trước đó cho thành phố để phần kết nối với nhà có thể được đóng hoặc dỡ bỏ đi. Nếu như một ngôi nhà cần phải phá bỏ thì phải báo ngay cho thành phố.

#### **17. Trách nhiệm**

- (1) Cá nhân có quyền kết nối có trách nhiệm trong việc sử dụng hệ thống tiêu thoát thửa đất theo đúng qui định. Cá nhân phải chịu trách nhiệm đối với mọi hư hỏng và thiệt hại phát sinh do việc sử dụng sai qui định và hiện trạng kém của hệ thống tiêu thoát thửa đất cũng như các hành vi vi phạm qui định.
- (2) cá nhân có quyền kết nối phải chịu trách nhiệm hoàn toàn khi hệ thống tiêu dẫn thửa đất có sự cố xảy ra mà không thông báo lập tức cho thành phố.

#### **18. Hành vi trái qui định**

- (1) Hành vi trái qui định theo tinh thần của điều 24 mục 5  
Hành vi trái qui định có thể bị phạt 5.000 Euro để cảnh cáo.
- (2) Để thực thi các chỉ thị trên cơ sở qui định này thì áp dụng luật cưỡng chế thực thi của quản lý bang (LVwVG) đối với Rheinland-Pfalz của ngày 08.07.1957 (GVBl trang 101),

cuối cùng được sửa đổi theo mục 1 của luật của ngày 05.10.1990 (GVBl trang 296), BS 2010-2.

### **19. Qui định có hiệu lực trong giai đoạn quá độ**

- (1) Tất cả các hệ thống hiện có thì trong vòng một năm kể từ khi qui định này có hiệu lực thì chuyển sang tình trạng có thể áp dụng theo qui định mới.
- (2) Trong những trường hợp nghiêm trọng thì thành phố có thể kéo dài thời hạn.

### **20. Có hiệu lực**

Việc biên soạn mới qui định về tiêu thoát sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01.01.2002.

Đồng thời sẽ đình lại toàn bộ “Các qui định về tiêu thoát nước của mảnh thửa, kết nối với hệ thống nước thải công cộng” và việc sử dụng nó ở thành phố Mainz của ngày 26.09.1991 (qui định về tiêu thoát) mặc dù các qui định đó đã có sửa đổi.

Mainz, ngày 13 tháng 12 năm 2001

Ban quản lý thành phố Mainz

Đã ký

Jens Beutel

Thị trưởng thành phố

## **11. Ảnh tư liệu**

Frankfurt a.M.



# Berlin



# Postdam



# Bitterfeld



# Thành phố Halle – Nhà máy xử lý nước thải



# Thành phố Halle – Nhà máy xử lý nước thải



## DIÉ MECHANISCHE REINIGUNG

**Rechenanlage**      **Zwischenpumpwerk**      **belüfteter Sandfang mit Fettfang**      **Vorklärung**

**Rechenanlage**

- Rechen
- Rechenrahmen
- Rechenwerk
- Rechenwerk
- Rechenwerk

**Zwischenpumpwerk**

- Belüftungseinheit
- Belüftungseinheit
- Belüftungseinheit
- Belüftungseinheit
- Belüftungseinheit

**belüfteter Sandfang mit Fettfang**

- Belüftungseinheit
- Belüftungseinheit
- Belüftungseinheit
- Belüftungseinheit
- Belüftungseinheit

**Vorklärung**

- Schneeflockungsmittel
- Schneeflockungsmittel
- Schneeflockungsmittel
- Schneeflockungsmittel
- Schneeflockungsmittel

**Rechenanlage**

- Rechenwerk
- Rechenwerk
- Rechenwerk
- Rechenwerk
- Rechenwerk

**Zwischenpumpwerk**

- Belüftungseinheit
- Belüftungseinheit
- Belüftungseinheit
- Belüftungseinheit
- Belüftungseinheit

**belüfteter Sandfang mit Fettfang**

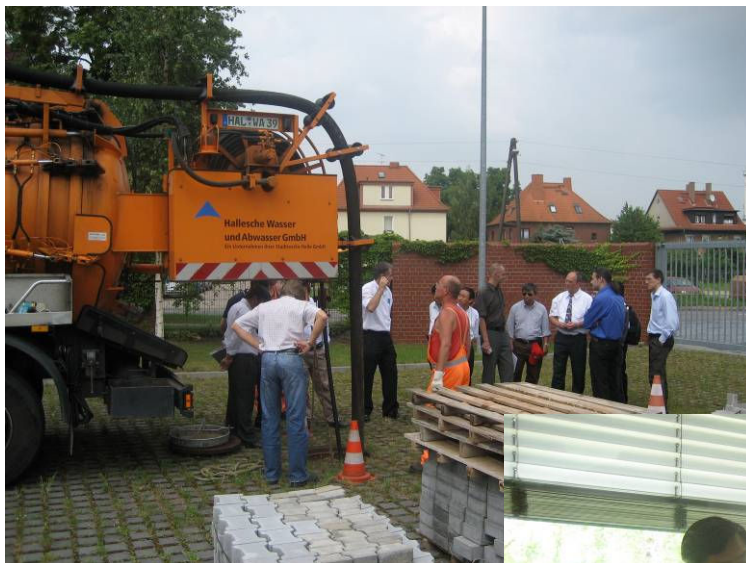
- Belüftungseinheit
- Belüftungseinheit
- Belüftungseinheit
- Belüftungseinheit
- Belüftungseinheit

**Vorklärung**

- Schneeflockungsmittel
- Schneeflockungsmittel
- Schneeflockungsmittel
- Schneeflockungsmittel
- Schneeflockungsmittel



## Thành phố Halle—Công ty quản lý mạng lưới thoát nước



## Thành phố Halle – Công trường xây dựng



# Halle – KSB GmbH



# Leipzig



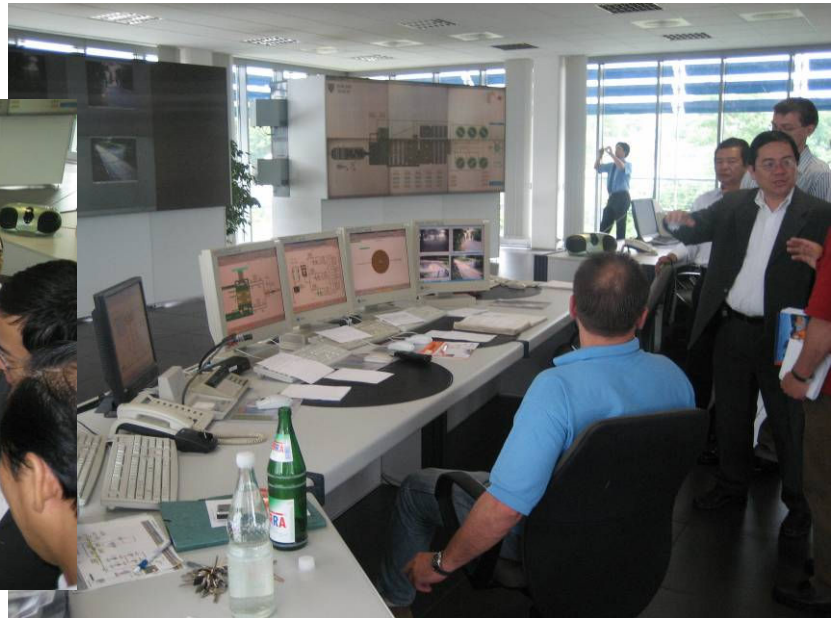
# Freyburg



Frankfurt a.M. GTZ-KfW



## Thành phố Wiesbaden – Nhà máy xử lý nước thải



## Bơi thuyền trên sông Gianh

